

Thượng tọa: Thích Thanh Duệ
Tuệ Nhã

Tập tục và Nghi lễ DÂNG HƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

THƯỢNG TOẠ THÍCH THANH DUỆ
QUẢNG TUỆ - TUỆ NHÃ

TẬP TỤC VÀ NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG

(TÁI BẢN CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

I. MẤY CẢM NHẬN VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ VÀ VĂN HOÁ CỦA TẬP TỤC DÂNG HƯƠNG

Dâng hương là một trong những tập tục truyền thống lâu đời trong sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng của người Việt Nam.

Người Việt Nam dâng hương cúng bái Gia Tiên, Gia Thần vào các kỳ giỗ chạp, tuần, tiết, sóc, vọng... Tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ hay Chùa đều có dâng hương; nhỏ thì hàng ngày, lớn thì vào các kỳ lễ, tiết hay khi hội hè dân làng vào đám hàng năm. Điều ấy phổ biến từ xưa tới nay, lâu dần đã trở thành tập tục truyền thống tự nhiên mà con người ta tuân theo một cách có ý thức hay vô thức.

Câu *"lòng thành thắp một nén nhang"* đã trở thành một câu nói tự nhiên của những người thực thi văn hoá - tín ngưỡng lâu nay. Câu nói ấy, tuy giản dị nhưng trong đó còn bao chứa cả ý nghĩa văn hoá và đạo lý làm người của người Việt Nam.

Có thể suy nghĩ đơn giản cho rằng: dâng hương là đốt hương hay thắp hương khi cúng bái, tế, lễ, thì có gì đáng để chúng ta lưu tâm suy nghĩ!?

Quả thật, động tác đốt hương, thắp hương rồi cắm vào các bình, bát hương trên các ban thờ là một động tác đơn giản, ai cũng có thể

làm, chẳng khó khăn gì. Cũng giống như việc ăn, uống, chẳng cần ai dạy, trẻ con vẫn biết làm.

Nhưng quả thật *Không đơn giản như vậy*. Ví như khi ta nói "ăn cơm", "dùng cơm" thì đâu chỉ đơn giản là nhồi, nhét, lừa lấy cơm vào miệng cho đầy dạ dày? Với con người, những cái đơn giản ấy cũng mang một giá trị văn hoá, đạo đức, đạo lý... Với các nhà tu hành theo phép Thiền thì việc ăn, uống còn mang cả giá trị "*đạo Pháp*". Hơn nữa, gọi là "ăn cơm", "dùng cơm" nhưng đâu chỉ có ăn, có dùng cơm mà thôi.

Với con người là vậy.

Tục dâng hương cũng thế: dâng hương không chỉ có nghĩa là đốt hương, thắp hương mà nó còn mang cả một ý nghĩa văn hoá và đạo lý. *Cao hơn nữa nó còn mang ý nghĩa của một quan niệm triết lý vũ trụ và nhân sinh*. Không chỉ bao hàm động tác đơn độc là đốt hương, thắp hương mà dâng hương đã trở thành một *tục*, một *lễ* dâng hương; trong đó việc dâng hương phải có kỳ, có tiết; có nghi thức vái, lễ, lạy với những phẩm vật tùy từng lễ, tiết và văn khấn.

Quan sát một lễ dâng hương truyền thống ta sẽ thấy có luật, có tục cả. Nếu cứ tùy tiện thì chẳng còn mang ý nghĩa gì. Ví như khi thắp hương, người ta thường phải theo luật *thấp số lẻ*, thường là *ba nén nhang*. Lại nữa, thường vái ba vái, lễ ba lễ hay lạy năm lạy.v.v... Trước khi hạ lễ lại thường thắp thêm tuần nhang nữa, lại vái xin hạ lễ.v.v... Mỗi nghi thức ấy xem ra có vẻ rườm rà nhưng lại xuất phát từ một quan niệm mang tính duy lý triết học vũ trụ và nhân sinh. Nếu bỏ qua những nghi thức ấy thì buổi lễ dâng hương sẽ trở nên trần tục và không còn ý nghĩa văn hoá - tín ngưỡng "linh thiêng", "mầu nhiệm" nơi tâm linh con người nữa.

Theo Phan Kế Bính trong "Việt Nam phong tục" thì: trong việc tế tự, có điển đốt hương là do tự Tây Vực. Đốt hương nghĩa là cầu cho quỷ thần giáng cách. Khi xưa tục Tàu tế tôn Miếu chỉ dùng cỏ tiêu (cỏ thơm) trộn với mỡ mà đốt cho thơm, chưa có đốt hương. Đến đời vua

Vũ Đế nhà Hán sai tướng sang đánh nước Hồn Gia xứ Tây Vực (thuộc vùng Ấn Độ), vua nước ấy phải đầu hàng, dâng một thần tượng bằng vàng, đem về đặt trong cung Cam Toản. Người nước Hồn Gia cũng tế thần ấy, không phải dùng đèn dề, bô, chỉ đốt hương lễ bái mà thôi. Từ đó Tàu mới có tục *đốt hương*.

Nước ta chưa biết tục đốt hương từ đâu nhưng ở *Ngộ truyện* có nói rằng: Trương Tân làm Thứ sử Giao châu thường đốt hương ở nhà Cát Lập tỉnh xá để đọc đạo thư. Tục ta có lẽ khởi từ đó.

Như thế là Phan Kế Bính đã khảo sát *lịch sử gốc tích* của điển đốt hương khi cúng tế, lễ bái ở Trung Hoa và Việt Nam. Tuy nhiên vấn đề đặt ra vẫn chưa được giải đáp đến ngọn ngành: Vì sao người ta lại đốt hương, dâng hương trong các buổi cúng bái, tế lễ tại gia cũng như nơi Đình, Đền, Miếu, Phủ và Chùa? Giải thích vấn đề ấy không chỉ dừng lại ở việc mô tả lịch sử của điển đốt hương, thắp nhang từ Tây Vực hay Trung Hoa, mà cần phải xuất phát từ những quan niệm tín ngưỡng và có thể là cả từ quan niệm cao hơn mang tính chất thế giới quan và nhân sinh quan của con người nữa.

Song, đó là vấn đề không đơn giản.

Điều có thể thấy rõ là tục dâng hương có quan hệ chặt chẽ với quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo và tục thờ cúng Gia Tiên, Gia Thần, Thần Linh, Thánh, Mẫu cũng như Phật, Bồ Tát... của người xứ Viễn Đông. Còn như do đâu mà bất cứ trường hợp thờ cúng, tế lễ nào người ta cũng phải thực hành điển đốt hương, thắp nhang thì còn phải có những nghiên cứu sâu hơn nữa mới đáp ứng được. Ở đây các tác giả mới chỉ nêu ra một vài suy nghĩ nông cạn ban đầu ngõ hầu gợi ý một vấn đề nên được tham cứu và chờ đợi các bậc trí giả uyên thâm chỉ giáo cho.

Nếu chúng ta để ý các kỳ lễ bái sẽ thấy hiện tượng phổ biến là không thể thiếu điển đốt hương, thắp nhang. Mặc dù các nghi thức khác hoặc các lễ vật có thể khác nhau, văn khấn cũng khác nhau, thậm chí đôi khi đơn giản còn thiếu cả lễ vật, văn khấn... nhưng đốt hương, thắp nhang thì không thể thiếu. Lễ lớn, lễ nhỏ đều thế cả.

Ngày nay trên nhiều ban thờ giản dị của các gia đình Việt Nam, đôi khi không có gì khác một vài bát (bình) nhang.

Xem thế thì việc đốt hương, thắp nhang phải được coi là trung tâm của nghi thức cúng bái, tế lễ của người Việt Đông.

Trong khi đốt hương, thắp nhang, người ta lại thường dùng số lẻ như: 1, 3, 5, v.v... Thường thì ba nén.

Sao lại dùng số lẻ? Phai chăng số lẻ là số tượng trưng cho sự linh thiêng? cho trời? Vì cứ theo luật cơ - ngẫu của Dịch lý thì số lẻ thuộc Dương còn số chẵn thuộc Âm. Dương tượng trưng cho trời, cho sự linh thiêng, cho vô hình, cho trong sạch, thanh tịnh, cho mở đầu sự động, mở... Còn số *ba* thì sao? Số 3 là số thành của quẻ Ly, tượng trưng cho sự sáng, sự mở của trời đất, cũng là tương ứng với giờ Mão, tháng Mão trong một ngày- đêm, một năm.

Con số 3 này còn liên quan đến biểu tượng "luống long triều nguyệt" thường được trang trí ngay trên các bình, bát nhang nữa.

Trên các bình, bát nhang nhỏ cũng như lớn; ở nơi thờ tự tại gia hay trong các Đình, Đền, Miếu, Phủ và Chùa thường có trang trí biểu tượng: *đôi rồng chầu vào một mặt nguyệt*.

Theo Dịch lý thì đôi rồng là tượng của Dương, ứng với hai hào dương (—) trong các quẻ của kinh dịch, còn mặt Nguyệt là tượng của âm, ứng với một hào Âm (—) trong các quẻ. Ở đây hào âm (mặt nguyệt) ở giữa, còn đôi rồng chầu ở hai phía. Cứ theo thể trang trí ấy mà luận thì thể "luống long triều nguyệt" chính là thể của quẻ ly (☲) vậy.

Như thế, có gì tương đồng giữa việc thắp ba nén nhang với biểu tượng "luống long triều nguyệt" nơi các bình, bát nhang?

Lại nữa, trong *tục thờ Táo quân* của người Việt Nam ta lại thường thờ một mũ đàn bà ở giữa. Đấy cũng chính là thể quẻ Ly trong Kinh dịch. Cứ theo dân gian thì việc ấy có liên quan xuất xứ từ câu chuyện "hai ông một bà" được phong làm thần bếp. Chẳng rõ có phải đó là cách lý giải đơn giản, dễ hiểu cho những người dân ít suy lý hay không còn như cứ theo hình tượng của cỗ mũ thì nó chính là quẻ Ly.

Mà Ly có một tượng điển hình là Lửa. Lửa cũng là trung tâm của bếp, của sự sống thường nhật nơi sinh hoạt con người vậy. Con số 3 là một con số khá điển hình trong các nghi thức tín ngưỡng của con người vùng Viễn Đông. Chẳng hạn như: Tam Tòa Thánh Mẫu, Lập đàn Tam Cấp, Tam Bảo (Phật - Pháp - Tăng), ba pho Tam Thế (Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai) thường đặt nơi cao nhất trên các Phật điện, làm cỗ tam sinh (trâu - lợn - dê), vái ba vái, lễ ba lễ, v.v...

Không những vậy, con số ba còn liên quan tới một quan niệm triết học về vũ trụ của người phương Đông: Thiên - Nhân - Địa (Trời - Người - Đất). Thực ra, Trời - Người - Đất chỉ là ba biểu trưng, điển hình là của "Thiên - Nhân - Địa" mà thôi. Nguyên tắc ấy mang tính phổ quát và phổ biến nơi vạn tượng, vạn vật. Người được coi như nguyên lý hợp nhất, ứng đồng Thiên và Địa. Thế mới có câu "làm trai đứng giữa nơi trời đất" và chữ vương (vua) mới mang ý nghĩa "tam tài".

Người xưa rất coi trọng ý nghĩa của thế "tam tài". Làm việc gì lớn đều xét đủ "Thiên - Địa - Nhân" mới hành sự và tin tưởng điều ấy sẽ thành công. Thế nhưng trong dân gian người ta lại rất "kiêng" con số 3. Kể ra, cứ như luận giải trên đây thì con số 3 là con số "tuyệt hảo" lắm mới phải. Có thể vì số 3 "linh thiêng" nên người đời kiêng chằng?

Việc kiêng kỵ mang ý nghĩa mê tín, dị đoan thì thật đáng, thật nên, thật cần phải bỏ, phải trừ nhưng nếu việc kiêng lại mang một ý nghĩa tôn kính điều gì thiêng liêng thì nó lại có những giá trị đạo đức, giáo dục con người. Có lẽ không nên "vơ đũa cả nắm" để bài bác cái gì đó. Cần chất lọc lấy những giá trị văn hoá và đạo lý nơi các tập tục truyền thống.

Cũng như vậy, tôn giáo, tín ngưỡng đâu chỉ thuần một thứ bỏ đi.

C. Mác từng nói: "Sự nghèo nàn của tôn giáo, một mặt là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, và mặt khác là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là "trái tim của thế giới không có trái tim", cũng giống như nó là tinh thần của những điều kiện xã hội không có tinh thần. Tôn giáo là

thuộc phận của nhân dân " (C.Mác, Ăng-ghe-n: Tuyển tập C.Mác, Tập 1, NXB Sự thật Hà Nội - 1980, trang 14).

Đoạn văn trên đây cho thấy chính C.Mác - người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học - đã nhìn thấy tính chất hai mặt trong ý thức tôn giáo: một mặt, nó là *biểu hiện* của sự nghèo nàn hiện thực nhưng mặt khác nó lại là sự *phản kháng* chống lại sự nghèo nàn ấy. Một mặt nó là tiếng thở dài, thể hiện sự bất lực của con người trước hiện thực, nhưng mặt khác nó lại là "trái tim của thế giới không có trái tim". Có thể coi câu nói: tôn giáo là "trái tim của thế giới không có trái tim" như một cách ngôn tuyệt vời về tôn giáo.

Người ta thường dùng hình tượng *trái tim* để nói về những tình cảm thiêng liêng của con người. Hầu như bất cứ một tôn giáo nào trên thế giới cũng đều kêu gọi đến tình cảm thiêng liêng của con người; sự cầu cứu đến mức thần Thánh hoá tình cảm ấy thể hiện ra như một sự bù đắp, ít nhất là về mặt tâm lý, cho những thiếu hụt tình cảm nhân tính trong cuộc sống trần tục. Đó là cái *Chân, Thiện, Mỹ* mà con người luôn ước ao vươn tới; thể hiện khát vọng muốn vươn lên trong cuộc sống.

Điều này thể hiện rất rõ trong việc nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống Việt Nam; trong tập tục dâng hương của người Việt đã trải qua bao đời nay.

Theo nghĩa đen cũng như theo nghĩa mở rộng của từ, "*tín ngưỡng*" là niềm tin của con người hướng về những lực lượng siêu tự nhiên, siêu trần thế và hy vọng rằng bằng những hành vi tín ngưỡng (thắp hương, cúng bái, tế lễ, v.v...) có thể cầu viện tới đấng siêu nhiên, siêu trần thế bù cho những hạn chế trong cuộc sống của mỗi cá nhân con người. Niềm tin ấy, tâm linh ấy một khi được giải toả sẽ có những tác dụng không nhỏ trong cuộc sống của con người, nhiều khi có tác dụng làm lay động cả một cộng đồng người.

Xưa, Lý Thường Kiệt sáng tác ra "tuyên ngôn độc lập đầu tiên": *Nam quốc sơn hà nam đế cư* đã từng "mượn" uy linh của đền thờ Trương Hống, Trương Hát mà khích lệ ba quân tướng sĩ trong cuộc

kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Sử (chính sử và dã sử) còn ghi lại nhiều lưu truyền về những hiện tượng "âm phù", "báo mộng" của các vị Thần Linh đối với vua chúa đem quân đi chống giặc.

Điều hư, thực còn cần được nghiên cứu, song có điều rõ ràng các triều đại phong kiến khi sắc phong cho các vị thần là "thượng đẳng thần", v.v... chính là căn cứ vào các thần tích và công trạng của các vị đã phù trợ cho chính nghĩa, cho nhân dân và dân tộc. Còn nhân dân khi tôn thờ các vị Thần Linh làm Thành hoàng, làm các vị Tổ sư của các nghề, v. v... thì ở đó đã không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng mà còn mang một ý nghĩa đạo lý làm người: biết ơn đối với những ai (thiên thần, nhân thần...) đã vì dân mà hưng lợi, trừ hại, bảo tồn cho cộng đồng làng xã, dân tộc...

Thờ cúng Tổ Tiên cũng là một loại hình tín ngưỡng truyền thống lâu đời của người dân Việt Nam. Thường thờ cúng năm đời trở lại. Ngoài những kỳ giỗ của mỗi vị trong dòng họ, người Việt Nam còn thường có lễ dâng hương tiên tổ vào những kỳ tuần, tiết, sóc, vọng. Lớn thì sửa cỗ mặn linh đình, có tế, có lễ và con cháu gần xa tụ hội đông đủ gặp mặt nhau, nhận họ, nhận hàng, tôn ty trên dưới. Nhỏ thì lễ chay hoa quả, thậm chí chén nước, nén nhang, lòng thành thấp lên gọi là nhớ công Tổ Tiên; nhờ có Tiên, có Tổ mà mới có mình.

Những hành vi tín ngưỡng như thế đã trở thành một nét phổ biến trong sinh hoạt văn hoá của người Việt Nam; thể hiện đạo lý làm người - đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của người Việt Nam.

Từ khi có Phật giáo nhập vào Việt Nam (khoảng vào những thế kỷ đầu công nguyên) thì trong sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của dân tộc (thờ cúng Tổ Tiên, thờ cúng các vị Thần Linh) đã có thêm một tôn giáo, một tín ngưỡng mới.

Trong sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng của người Việt Nam đã xuất hiện thêm các Chùa.

Chùa là nơi thờ Phật, Bồ Tát, khác với Đình, Đền, Miếu, Phủ là nơi thờ các Thần Linh, Thánh, Mẫu.

Ấy là nói về đặc trưng của Chùa so với Đình, Đền, Miếu, Phủ. Còn như xét toàn diện trong thực tế thì có sự đan xen, hoà đồng giữa việc thờ Phật, Bồ Tát, Thần Linh, Thánh, Mẫu. Trong các khu Chùa vẫn có thể thấy các ban thờ Thần, thờ Mẫu, và ngược lại, tại các nơi thờ Thần Linh, Thánh, Mẫu vẫn có thể có ban thờ Phật, Bồ Tát.

Tính hoà đồng tôn giáo, tín ngưỡng ấy thể hiện ngay trong nghi thức, phẩm vật dâng cúng cũng như trong các bài văn khấn khi mỗi người thực thi tín ngưỡng tại các nơi thờ tụng công cộng: Chùa, Đền, Miếu, Phủ.

Chẳng hạn, trong nhiều bài văn khấn của những người đến dâng hương tại Miếu, Đền hay Phủ thường có câu mở đầu:

"Na mô Adi đà Phật!"

Hay là: *"Con lạy chín phương trời, mười phương Chư Phật!"*

Vị Phật Adidã là Phật được tôn thờ chủ yếu cùng với Bồ Tát Quán Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. Sự tôn thờ ấy rất phổ biến trong tín ngưỡng Phật giáo Tịnh độ ở Việt Nam từ xưa đến nay. Riêng với Bồ Tát Quán Âm còn thường được các Phật tử tại gia đặt thờ ở ngay mỗi gia đình. Bồ Tát Quán Âm với biểu tượng "cứu khổ cứu nạn" luôn trong thế đứng từ bi: một tay cầm bình nước *Cam lộ đổ xuống* còn một tay cầm cành dương như sẵn sàng cứu độ sinh linh.

Không chỉ tại các gia đình Phật tử, ở Việt Nam còn có ngôi chùa chỉ thờ độc một vị Bồ Tát - đó là chùa Diên Hựu (chùa Một Cột). Đây là ngôi chùa đặc sắc về kiến trúc có một không hai trong lịch sử xây dựng chùa, Tháp ở Việt Nam. Chùa được xây dựng từ thời Lý (dưới triều Lý Thái tông). Ý tưởng siêu thực của ngôi chùa xuất hiện từ một giấc mơ tâm linh tôn giáo của vua Lý Thái tông.

Xưa, vào những kỳ lễ chính của Chùa hàng năm, nhà vua đích thân đến dự.

Theo tín ngưỡng tôn giáo thì ở phía Tây của cõi Ta bà (có thể giới của con người) là thế giới *Tịnh Thổ* (vùng đất trong sạch). Nơi ấy

có Phật Adidà hàng ngày ngự trên toà sen thuyết Pháp, cứu độ những sinh linh vãng sinh về đây.

Người theo tín ngưỡng Tịnh độ thường xuyên trì tụng kinh "AdiĐà" nguyện sinh về cõi cực lạc. Câu nói "Na mô Adi đà Phật" đã trở thành câu nói cửa miệng của các Phật tử không chỉ những khi làm lễ cúng dường chư Phật, Bồ Tát mà còn ngay trong quan hệ giao tiếp hàng ngày. Ví như khi lên Chùa, gặp sư trụ trì tại Chùa, người Phật tử thường nói:

"Na mô Adidà Phật! Bạch Thầy..."

Hoặc khi có ai đó hàm ơn mình, thì Phật tử chấp tay trước ngực mà nói:

"Na mô Adi đà Phật! Không dám!"

Nếu thoáng qua, chắc có người nghĩ: đó chỉ là thứ mê tín. Nhưng xét kỹ thì thấy trong sinh hoạt ấy đã bao gồm cả một quan niệm, một giá trị văn hoá, đạo đức, đạo lý làm người - con người chân chính.

Phật Adi đà, Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí đều là những danh hiệu tượng trưng cho tinh thần đại thừa giáo: đại từ, đại bi, tự giác, giác tha, sẵn sàng vì mọi khổ đau của con người mà ra tay cứu độ.... Bởi vậy, khi người Phật tử thường xuyên niệm hồng danh các vị, tức cũng là biểu trưng cho ý tưởng của mình muốn vươn tới những gì tốt đẹp, những gì là chân, thiện, mỹ.

Thế nên, khi dâng hương cúng dường chư Phật, Bồ Tát mà người Phật tử niệm lên:

"Na mô Đại từ, Đại bi, tâm thanh cứu khổ cứu nạn, quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát!" thì không chỉ mang khía cạnh tín ngưỡng mà còn mang khía cạnh văn hoá và đạo đức làm người nữa.

Thế nên, có người bảo có những giá trị văn hoá và đạo đức của tôn giáo phù hợp với cuộc sống mới của con người hôm nay - con người muốn vươn tới những giá trị nhân bản cao đẹp - thì cũng chẳng có gì là sai cả.

*

*

*

Suy nghĩ như trên đây, chắc sẽ có người bảo: tôn giáo, tín ngưỡng quả là có những giá trị cao đẹp về văn hoá và đạo lý làm người nhưng tại sao lại cứ phải thờ cúng, dâng hương với tế, lễ cho phức tạp? Nếu là tốt đẹp thật thì sao không cứ viết ra sách vở hay hô khẩu hiệu đơn thuần có tốt và "rẻ" hơn không?

Theo quan điểm duy vật biện chứng thì chẳng có một hình thức nào lại trống rỗng nhưng đồng thời lại chẳng có một nội dung nào không có hình thức biểu hiện, diễn đạt nội dung.

Hình thức diễn đạt nội dung thì lại có rất nhiều. Những hình thức ấy phụ thuộc rất lớn vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Sức chuyển tải có hiệu quả của một hình thức nào đó đối với một nội dung nào đó phụ thuộc rất lớn vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm đã sử dụng hình thức tôn giáo, tín ngưỡng để thể hiện một phần tín ngưỡng khá lớn những giá trị văn hoá và đạo lý.

Đó là một sự thật.

Với truyền thống coi trọng, đề cao tính Mẹ (có người gọi là nguyên lý Mẹ): Mẹ tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở của mùa màng, của thiên nhiên và con người; Mẹ tượng trưng cho sự bao dung, nhân ái, cho sự chở che cuộc sống an hoà; Mẹ tượng trưng cho sự nuôi dưỡng cuộc sống bất diệt...

Truyền thống ấy, nguyên lý ấy đã tìm đến hình thức diễn đạt hết sức lung linh, mẫu nhiệm, có sức gợi cảm lớn lao qua những câu chuyện thần thoại nói về lịch sử huyền thoại cái nghĩa "Đồng Bào" (Bà Âu Cơ đẻ ra trăm trứng, khởi thủy của các dân tộc Bách Việt buổi hoang sơ).

Rồi đến buổi lịch sử thành văn, con người Việt Nam đã thành lập nhiều Mẫu. Có Mẫu là nhân thần, có Mẫu là thiên thần thoáng hiện ra nhưng lại được bảo lưu trường tồn trong lịch sử.

Vào khoảng thế kỷ XVI, tín ngưỡng về Thánh Mẫu, mà điển hình là Mẫu Liễu Hạnh đã có *khuyh hướng phát triển thành một tôn giáo bản địa* ngang hàng với các tôn giáo du nhập từ bên ngoài.

Đi liền với khuynh hướng đó là sự xuất hiện của một số địa điểm thờ phụng lớn, có tổ chức lễ hội nhộn nhịp hàng năm như Phủ Giầy (Phủ Vân Cát và Tiên Hương), Phủ Tây Hồ. Khác với hệ thống các Đền thờ đã có từ trước là nơi có thể thờ Nam Thần hay Nữ Thần, Phủ là khái niệm chỉ dùng để nói về nơi thờ tự lớn mà ở đó chỉ thờ Nữ Thần - với tư cách là vị Thần Chủ của nơi thờ tự.

Về mặt *kiến trúc* thì Đình, Đền, Miếu, Phủ và Chùa, Tháp là những công trình văn hoá - tín ngưỡng có sự kết tinh và bảo lưu giá trị văn hoá nghệ thuật của nhân dân. Bảo lưu những di tích danh lam ấy cũng là bảo lưu một phần giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Rất tiếc là tới nay, do nhiều lý do mà nhiều công trình truyền thống ấy bị mai một. Nhiều nơi nhân dân và Nhà nước đã bỏ tiền của để tu tạo lại song nhiều nơi chưa thật tôn trọng kiến trúc văn hoá cổ, thành ra ý nghĩa giá trị văn hoá truyền thống không được khôi phục.

Nếu cho rằng bảo lưu các nơi thờ tự chỉ là bảo lưu khu di tích cổ của một thời đã qua thì sẽ rất hạn chế.

Thật ra, cái "hồn" của những nơi thờ tự đâu chỉ ở dáng kiến trúc của mái Chùa, đao Đình, của cây cao bóng cả phủ lên màu rêu phong cổ kính. Cái "hồn" của những nơi thờ tự chính nó được toát lên một phần rất cơ bản của việc thờ tự (sự thần), qua các nghi thức dâng hương, cúng bái, tế lễ.

Chính những nghi thức như thế mà người thực thi văn hoá - tín ngưỡng tại các nơi thờ tự đã *tự mình hoà nhập vào sự cộng hưởng đời sống tâm linh của cộng đồng*. Lúc đó, cuộc sống hiện tại và tương lai, cái trần tục và cái thiêng liêng, cái thật và cái ảo... đã hoà đồng làm một, đưa con người vào một thế giới kỳ ảo - *thế giới tâm linh*. Cả đến cái Ác cũng bị qui phục bởi điều Thiện.

Qua những nghi thức của một lễ dâng hương: từ bái lạy đến cầu khấn thể hiện một sự *phó thác tuyệt đối* cho Thần Linh, Thánh, Mẫu, Trời, Phật.

Quả là có điều ấy. Người ta bảo nhau: đến làm lễ dâng hương tại

các nơi thờ tự mà không "dốc lòng" tin tưởng thì chẳng thể "linh", chẳng thể "ứng báo".

Nhiều người thực thi lễ dâng hương với ý niệm cầu khẩn cho được tài, được lộc, cho may mắn vạn sự được như ý. Hầu như điều gì cũng muốn cầu cho được. Cứ y như Thần Linh là bậc dễ dãi, cứ xin là được!

Nhìn dưới một góc độ khác ta lại thấy một giá trị cao cả về văn hoá và đạo lý.

Trong các lễ dâng hương, người thực thi tín ngưỡng dốc tâm thành vào Thần Linh, Thánh Mẫu, Trời, Phật, Bồ Tát. Điều ấy là qui luy chăng?

Các nghệ sĩ lớn thường là những người hăm mộ và tôn thờ cái đẹp, cái cao cả đó. Và, nhờ đó họ đã sáng tạo ra những cái đẹp mà con người mơ ước.

Nhà thơ Xuân Diệu, một người luôn theo đuổi cái đẹp đến mức tinh tế mà người đọc thơ ông nhiều khi chỉ cảm nhận được cái trác tuyệt của nó không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ tư duy. Cho đến phút chót cuộc đời, nhà thơ vẫn nói:

"Trong hơi thở chót, dâng Trời Đất

Vân cứ si tình đến ngất ngư".

"Si tình đến ngất ngư"- ấy là cái trạng thái sáng tạo thơ tình của ông cho tới tận khi ông nhắm mắt xuôi tay vậy.

Cũng thế, nếu ta xét đến đối tượng mà người thực thi tín ngưỡng hướng tới thì có thể thấy rằng đó không phải là những thế lực phạm tục, đời thường, hữu hạn; cũng chẳng phải là cái Ác, cái Xấu, cái tâm thường dung tục. Đó là những biểu tượng tâm linh của cái Thiện, cái Chân, cái Mỹ, cái tuyệt đối vô biên, cái đạo cao cả...

Qui phục những cái như thế đâu phải là một hành vi tầm thường, dung tục?

Thế nên, ai đến nơi thờ tự với ý tưởng tầm thường, kiêu căng, ngạo mạn thì đâu có rơi vào trạng thái "xuất thần" cao cả? Không "linh", không "ứng" cũng vì vậy chăng?

Còn một nét rất căn bản trong đạo lý làm người được thể hiện trong đạo thờ Thần của người Việt Nam. Những Thần Linh, Thánh. Mẫu được người dân Việt Nam tôn thờ hầu như đều là các vị có công trạng với nhân dân và dân tộc. Nhớ ơn các vị, tưởng nhớ đến các vị, hướng theo (qui phục) các vị... cũng chính là duy trì cái đạo lý làm người: nhớ ơn và phụng sự tiền nhân như một tấm gương sáng cho muôn đời noi theo.

Ngay cả việc một số nơi thờ vị thần Thành Hoàng vốn là người gặp phân đi chăng nữa thì đâu có phải chỉ đơn giản là mê tín hay lãng sinh ra từ sự mê tín. Có người bảo ấy là sự tôn thờ bậc tiền nhân đã có công cải tạo đất đai nông nghiệp - cái truyền thống bao đời của người dân Việt Nam.

*

* *

Dâng hương là một tập tục đã có từ bao đời nay. Thế sự đã có phần đổi thay mà tập tục ấy chưa bao giờ mất. Trái lại nó còn được mở rộng. Ngày nay người ta không chỉ làm lễ dâng hương ở Đền, Miếu, Phủ hay Chùa, Tháp mà còn thực thi lễ dâng hương tại các nghĩa trang liệt sĩ để tỏ lòng biết ơn, ghi nhớ công lao của những người con, người cha, người ông....đã hy sinh vì độc lập dân tộc.

Trong một xu hướng phát triển trở lại của sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng truyền thống mấy năm trở lại đây, tập tục dâng hương truyền thống cũng được nhiều người quan tâm.

Với các nhà nghiên cứu văn hoá thì tập tục dâng hương tiếp cận dưới góc độ khai thác những mặt, những yếu tố văn hoá, đạo đức, đạo lý, triết lý của con người nhằm góp phần kế thừa với truyền thống quá khứ.

Với những thực thi tín ngưỡng thì tìm hiểu tập tục dâng hương với mục đích khi hành lễ sao cho đúng với luật tục bao đời đã đặt ra.

Đã là luật thì ắt có điển, có mẫu.

Nhưng làm sao để biết có đúng luật tục hay không quả là không dễ dàng gì.

Đây là chưa kể đã là *tục* thì mỗi nơi, mỗi địa phương có phần khác nhau ít nhiều, nên việc nêu lên có tính khái quát thành mẫu, thành điển lại càng khó khăn.

Trên cơ sở một số sách vở lâu nay cũng như trên cơ sở quan sát sinh hoạt tín ngưỡng hiện có, các tác giả bước đầu tập hợp các tư liệu làm thành một tập **"Tập tục và nghi lễ dân hương"** với hy vọng: tập sách mỏng này góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu các tập tục truyền thống của dân tộc ta, kế thừa tập tục ấy trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày hôm nay.

Các tác giả tập sách này rất hoan hỉ cầu xin độc giả xa, gần: các bậc tri túc, thiện tri thức vì con đường sáng của tiền nhân, vì nghiệp thiện của lòng người, vì nền văn hoá lớn của dân tộc mà góp ý, bổ sung để lần sau có thể tái bản tốt hơn.

Nhân đây các tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, các chư vị hoà thượng, đại đức, các nhà nghiên cứu... đã góp ý, sửa chữa bản thảo và cho các tác giả nhiều tư liệu quý báu trong quá trình hoàn thành tập sách này.

CÁC TÁC GIẢ

II. DÂNG HƯƠNG TẠI GIA

Dâng hương tại gia là một tập tục truyền thống lâu đời của người Việt Nam. Xưa, nay dù thuộc tầng lớp nào của xã hội, người Việt Nam đều không bỏ tục ấy, đều lập ban thờ (giường thờ) Gia Tiên và Gia Thần. Gia Thần và Gia Tiên có thể được thờ trên cùng bàn thờ, cũng có khi được tách ra ở hai vị trí khác nhau. Ngoài ra, một số gia đình theo Đạo Phật hay Công giáo còn có thêm ban thờ Phật, thờ Bồ Tát, nhất là Bồ Tát Quán Âm, hay thờ Chúa. Dù được thờ chung hay riêng, người Việt Nam vẫn phân biệt rõ Gia Thần và Gia Tiên.

1. Thờ Gia Tiên: Là thờ "vong linh" của bố, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ mà "theo dòng máu, mủ" đã sinh ra mình.

Đạo lý làm người của người Việt Nam là "uống nước nhớ nguồn", kính trọng ông bà cha mẹ khi còn sống, phụng dưỡng khi ốm đau, thờ cúng khi đã khuất. Vì tin rằng "chết là thể xác, hồn là tinh anh", cho nên dù ông bà cha mẹ... đã "khuất núi" thì cũng chỉ là phần hữu hình, thể xác. Còn "vong linh" thì vẫn cảm ứng cùng cuộc sống của cháu, con, vẫn theo dõi, phù trì cho cuộc đời con, cháu mỗi khi có việc đau buồn hay vui vẻ cùng các kỳ giỗ chạp, tuần tiết, sóc, vọng..

2. Thờ Gia Thần: Đó là các vị thần tại gia như Thổ Công, Thổ Địa, Thần tài, Thần hổ, Đức Thánh quan... Trong đó Thần Thổ Công

được thờ phổ biến, được coi như vị Thần "Đệ nhất gia chi chủ" (vị Thần quan trọng nhất trong một gia đình). Thậm chí có gia đình còn quan niệm: vợ chồng mình là con thứ nên không thờ Gia Tiên, nhưng không thể bỏ qua việc thờ cúng dâng hương vị Thổ Công vào các dịp tuần, tiết, sóc, vọng... Hiện nay Thần Tài cũng được nhiều gia đình rất coi trọng.

Nếu thờ Gia Thần, Gia Tiên cùng một ban thờ: thì vị trí bát nhang thờ Gia Thần phải đặt cao hơn bát nhang thờ Gia Tiên một chút.

Người Việt Nam xưa, nay thờ Thổ Công, Thổ Địa có 2 cách: hoặc đặt trên bàn cao, hoặc đặt trên nền nhà. Theo khảo cứu, cách đặt thờ Thổ Công, Thổ Địa trên nền nhà là theo tục của người Tầu xưa. Trên bàn thờ Thổ Công của người Việt Nam thường đặt thờ ba mũ: hai mũ ông, một mũ bà, cũng có thể chỉ là một mũ ông. Mỗi mũ này có màu sắc khác nhau, tượng trưng cho màu sắc ngũ hành: kim, mộc, thủy, hoả, thổ, vì mỗi năm thuộc các hành khác nhau. Bài vị cũng đồng màu sắc như vậy.

3. Một số nguyên tắc chung của tục dâng hương tại gia vào các dịp tuần tiết, sóc vọng.

Mỗi tuần, tiết dâng hương tại gia đều có những điểm khác nhau nhất định từ phẩm vật dâng cúng tới một số nghi thức và văn khấn, song giữa các kỳ tuần, tiết ấy vẫn có những nguyên tắc chung:

a. Vào ngày tuần tiết dâng hương phải khấn Gia Thần (thần ngoại) trước, Gia Tiên sau.

b. Vào ngày giỗ Gia Tiên thì phải cáo yết Thần Linh trước, sau mới cúng Gia Tiên.

- Khi cúng giỗ ai thì phải khấn người đó trước rồi tiếp đến Tổ Tiên nội ngoại, thứ đến Thần Linh chúa đất, sau cùng mới là tiền chủ, hậu chủ.

c. Khi dâng hương lễ Thần ngoại Thổ Công, Táo quân, hay Thần Thánh thì bắt buộc phải nhập quán và xưng quốc hiệu (nêu địa chỉ).

d. Khi dâng hương lễ thần nội (Tổ Tiên) thì không được nhập quán và xưng quốc hiệu (nêu địa chỉ).

Nếu: - Bố chết thì phải khấn là Hiền Khảo.

- Mẹ chết thì phải khấn là Hiền Tỷ.

- Ông chết thì phải khấn là Tổ Khảo

- Bà chết thì phải khấn là Tổ Tỷ.

- Cụ ông chết thì phải khấn là Tằng Tổ Khảo.

- Cụ bà đã chết thì phải khấn là Tằng Tổ Tỷ.

- Anh em đã chết thì phải khấn là Thệ Huynh, Thệ Đệ.

- Chị em gái đã chết thì phải khấn là Thệ tỷ, Thệ muội.

- Cô dì, chú bác đã chết thì phải khấn là Bá thúc cô dì tỷ muội.

Hoặc khấn chung là Cao tăng tổ khảo tỷ nội ngoại Gia Tiên.

d. Các phẩm vật dâng cúng: có thể làm "lễ chay" và lễ mặn.

Những gia đình có ban thờ Phật thì chỉ dâng "lễ chay", lễ có thể "bạc mọn", hay "sang trọng" nhưng không thể thiếu: hương, đèn (đèn, nến), trà (chè), quả, tửu (rượu) nước thanh thủy, trầu cau (thường 1 hoặc 3 quả cau còn cuống với một lá trầu), tiền vàng (kim ngân). Riêng đèn, nến thường là một cặp đặt hai bên phải, trái (tả, hữu) bàn thờ và đặt cao hơn các phẩm vật khác. Đôi đèn, nến này tượng trưng cho hai vầng Nhật Nguyệt (mặt trời, mặt trăng) và được thắp sáng suốt buổi lễ dâng hương.

e. Thắp nhang: Dù là kỳ dâng hương nào, lễ vật dâng cúng trên bàn thờ có thể chung nhưng nếu có nhiều bát nhang thì bát nhang nào cũng đều phải thắp hương, hương được thắp theo số lẻ: 1, 3, 5, 7... vì số lẻ thuộc dương. Theo luật "cơ ngẫu" của dịch lý thì số lẻ thuộc dương, tượng trưng cho phần vô hình, cho trời, cho sự trong sạch, cho sự mở của vạn vật...

Nói là số lẻ nhưng theo lệ thường thì mỗi bát nhang ba nén, khi nhang bén gần hết một tuần nhang thì gia chủ thắp một tuần nữa rồi xin phép Gia Thần, Gia Tiên hoá vàng ngay giữa hai tuần nhang. Tiền vàng khi hoá thành tro rồi gia chủ thường vẩy rượu vào.

Tại sao lại thường thắp ba nén? Tục xưa tin rằng khi thắp nhang lên trời thì Trời - Đất - Người có sự cảm ứng. Cũng theo triết lý của người phương Đông thì cái nguyên lý phổ quát của vũ trụ, vạn vật tương ứng, tương cảm là: Thiên - Địa - Nhân. Vậy nên, có lẽ ba nén là tượng trưng cho ba ngôi Trời - Đất - Người chăng?

Tại sao lại rót rượu vào tro hoá vàng, tiền cúng? Vì người xưa tin rằng có làm như vậy thì người cõi âm mới nhận được. Chưa rõ sự tích và triết lý của việc ấy ra sao. Ngày nay chỉ thấy ai cẩn thận lắm mới làm điều ấy.

g. Vái và lễ: Mỗi kỳ dâng hương đều có vái và lễ.

Vái thì các ngón tay đan vào nhau.

Lễ thì hai bàn tay áp vào nhau, các ngón tay của hai bàn tay phải, trái không so le, không choãi các ngón ra như hình rẽ quạt và đều đặt ở vị trí ngang trước ngực.

Vái và lễ chỉ được thực thi sau khi các phẩm vật cúng lễ đã được đặt trên bàn thờ, đèn, nến đã được thắp sáng; nhang (hương) đã châm lửa. Có người cẩn thận không dùng lửa ở hai ngọn đèn (nến) để đốt hương, bảo rằng đó là "lửa thờ". Các nén nhang sau khi đã được châm lửa, người làm lễ kính cẩn dùng hai tay dâng các nén nhang ở vị trí ngang trán, vái ba vái rồi mới cắm nhang vào bát nhang trên bàn thờ. Cũng có người cắm nhang vào bát nhang rồi mới vái. Vái ba vái xong thì đọc văn khấn. Khấn xong, lễ bốn lễ và thêm ba vái.

Vái và lễ là hai biểu tượng nghi lễ có đôi chút khác nhau nhưng có điểm chung: đều là biểu tượng của sự giao hoà, cảm ứng Âm - Dương. Hai bàn tay tượng trưng cho hai nửa Âm Dương của vòng tròn thái cực, tay trái thuộc dương, tay phải thuộc âm, nên khi các ngón tay của hai bàn tay được đan vào nhau hay áp vào nhau là biểu tượng của sự giao tiếp, giao thái, giao hoà Âm Dương, còn các ngón tay thì tượng trưng cho Ngũ Hành.

Ngón cái - Thổ.

Ngón trỏ - Kim.

Ngón giữa - Thủy.

Ngón đeo nhẫn - Mộc.

Ngón út - Hỏa.

Ấy là vòng tương sinh ngũ hành của hai nửa Âm - Dương.

h. Khi lễ Phật: Dù có xưng địa chỉ hay không xưng địa chỉ, nói tên hay không nói tên cũng đều được cả, chỉ cốt giải bày tâm lỗi và ăn năn trước Phật đài sau đó cầu nguyện những điều mình mong muốn là được.

A. CÁC KỲ DÂNG HƯƠNG VÀO CÁC TIẾT LỄ TRONG NĂM

1. *Dâng hương "Ông Táo châu trời" (23 tháng Chạp)*

Trong các vị thần thời cổ, Táo thần (thần bếp) là vị thần theo sát cuộc sống của mọi người với vai trò là tay chân của Ngọc Hoàng đến với muôn nhà, thường ngày ghi lại những công tội, tốt xấu của mọi người để hàng năm vào ngày 23 tháng Chạp lại trở về trời báo cáo với Ngọc Hoàng, làm cơ sở để Ngọc Hoàng thưởng cho cái tốt và phạt cái xấu, cái ác. Trong "Bão phác tử" của Tấn Cát Hồng còn nói: cứ vào cuối mỗi tháng, Táo thần lại về trời để phản ánh tình hình nhân gian. Nếu ai có lỗi với Táo thần (Việt Nam hay gọi là Táo quân) sẽ bị Táo quân tố cáo với Ngọc Hoàng, tội nghiêm trọng thì bị cắt bớt 300 ngày sống, nếu tội nhẹ thì cũng bị cắt 100 ngày sống! Kiểu phạt bằng cách cướp đi thời gian sống của đời người, thì ai mà không sợ. Vì thế, thời cổ dân gian hầu như nhà nào cũng hết sức thành tâm thờ cúng Táo quân không dám đơn sai. Tất nhiên mọi người thờ cúng Táo quân không chỉ vì sợ mà chủ yếu hơn là mọi người muốn cầu xin Táo quân ban cho mình những điều tốt đẹp. Sách "Hậu Hán thư" có ghi một câu chuyện như sau: Vào năm Hán Tuyên Đế phong tước, có một người tên là Âm Tử Phương nấu cơm vào sáng sớm mùng 8 tháng chạp (8 tháng 12 âm lịch), Táo thần đột ngột xuất hiện. Nhà anh ta lúc này chỉ

có một con chó, thế là Âm Tử Phương liền giết con chó để cúng Táo thần (chó được dùng để cúng tế gọi là "Hoàng dương". Từ đó, Âm Tử Phương luôn gặp vận may, trở thành nhà giàu một cách nhanh chóng. Gia đình anh ta hưng thịnh, làm nhà cao cửa rộng, không chỉ nhà ngói mà còn có ruộng tốt tới 700 khoảnh (đơn vị đo diện tích của Trung Quốc). Ăn thì toàn là sơn hào hải vị, mặc thì toàn là lụa là gấm vóc. Con là Âm Thức, Âm Hưng đều sáng láng, được làm quan to trong triều. Tin tức truyền đi, mọi người biết được Táo thần còn đem lại của cải giàu có cho mọi người, thế là uy phong của Táo thần càng ngày càng lớn.

Câu chuyện được thêu dệt, nhằm mục đích ổn định trật tự xã hội, buộc dân chúng phải an phận thủ thường. Còn việc dân gian cúng Táo thần là bắt nguồn từ sự sùng bái của loài người đối với "lửa". Từ thuở hoang sơ con người vật lộn với thiên nhiên và học được cách dùng lửa. Lửa đem lại ánh sáng, hơi ấm cho con người. Và với thức ăn chín nhờ có lửa khiến cho thể chất con người khoẻ mạnh cường tráng hơn. Lửa dần dần trở thành một trong những vật sùng bái tự nhiên của con người, và vào mùa hè hàng năm người ta đều cúng Táo thần. Họ cho rằng Táo thần đã ban phúc đức cho loài người. Đống lửa không bao giờ tắt, phải được ủ và đốt trong bếp vì thế thần lửa và thần bếp (Hoả thần và Táo thần) là một. Đời Hán, các đại sư nhà nho đã có cuộc tranh luận về Táo thần là nữ hay nam. Hứa Thuận dẫn kinh điển nói Táo thần là nam; Trình Huyền thì xuất phát từ thực tế phụ nữ là người nấu bếp chủ trì việc ăn uống, và cho rằng Táo thần là nữ. Cuộc tranh luận giới tính của Táo thần phản ánh quá trình diễn biến của tục thờ cúng Táo quân, từ thời hoang sơ, tiến vào xã hội Mẫu hệ, việc quản lý lửa thiêng và dùng lửa để nướng thức ăn, rồi chia cho từng người trong bộ lạc, đều do một phụ nữ có uy tín tối cao trong bộ lạc đảm nhận, vì thế Táo thần cũng được tạo ra bằng hình tượng nữ tính. Vào thời kỳ phụ hệ, tất cả mọi quyền lực từ tay phụ nữ chuyển sang cho nam giới - giới tính của Táo thần cũng chuyển từ nữ sang nam. Từ đó, Táo thần là

một vị Thần Linh nam tính đã ăn sâu vào trong lòng mọi người, trở thành một hình tượng sâu sắc nhất trong xã hội phong kiến. Vào ngày này, các gia đình Việt Nam thường làm lễ dâng hương tiễn ông Táo. Ngoài những phẩm vật cúng lễ thường kỳ trong năm, người ta thường mua thêm *một hoặc hai con cá chép sống*, cúng xong thường phóng sinh (thả) ra ao hồ, sông ngòi vì tin rằng cá chép sẽ hoá rồng đưa ông Táo lên Trời.

Mũ và bài vị thờ ông Táo năm cũ được hoá (đốt) đi cùng với tiền, vàng (đồ mã) sau khi làm lễ tiễn, đồng thời thay vào bàn thờ: mũ và bài vị mới. Chân hương cũ cũng được hoá cùng với đồ hàng mã cũ. Có người thường để lại ba chân nhang cũ để thờ tiếp.

Lễ tiễn ông Táo châu trời thường được tiến hành vào chiều ngày 23 tháng Chạp âm lịch hàng năm.

Văn khấn lễ ông Táo châu trời

(23 tháng chạp)

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy ngài Đông trù tư mệnh Táo Phủ thần quân.

Tín chủ con là:
.....

Ngụ tại:
.....

Nhân ngày 23 tháng chạp tín chủ chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật xiêm hài áo mũ, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án, dâng hiến tôn thần, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con kính mời:

Ngài Đông trù tư mệnh Táo Phủ thần quân giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật

Phóng theo lệ cũ, ngài là vị chủ, ngũ tị Gia Thần, soi xét lòng trần, Táo quân chứng giám.

Trong năm sai phạm, các tội lỗi lầm, cúi xin tôn thần, gia ân châm chước. Ban lộc ban phúc, phù hộ toàn gia, trai gái trẻ già, an ninh khang thái.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

2. Dâng hương vào Tết Nguyên đán

Tết Nguyên đán là lễ lớn nhất trong số các lễ, tết cổ truyền của người Việt Nam. Về mặt triết lý, Tết này là thời điểm giao thái Âm - Dương (hai quẻ Kiền - Khôn), là thời điểm giao hoà của Thiên - Địa - Nhân, là bước chuyển vận "Tổng cữu Nghinh tân" (cái cũ, vận cũ qua đi, cái mới vận mới đương lại). Như thế Tết Nguyên đán là chuyển giao chu kỳ giữa hai năm: cũ - mới.

Tết Nguyên Đán là dịp Tết của sự sum họp trong mỗi gia đình Việt Nam: sự sum họp của các thành viên mỗi gia đình; sự gặp gỡ của các Gia Thần: Táo quân, Thổ Công, Tiên sư; sự trở về của các vong linh Tiên tổ. Quan niệm văn hoá - tín ngưỡng của người Việt Nam về dịp Tết Nguyên đán là như thế.

Vì sao ngày tết mọi người thích dán chữ "Phúc"

Theo truyền thuyết, Minh Thái Tổ là Chu Nguyên Chương thường ăn mặc giả dạng để đi thăm dân. Có một Tết ông mặc giả một người dân thường đến một thị trấn đông dân. Khi nhìn thấy một đám đông đang túm lại, đầu người nhấp nhô chuyển động tiếng cười nói huyền não, nhà vua chen vào xem thì hoá ra đám đông đang chế nhạo về bức hoạ. Bức hoạ vẽ một người con gái tay ôm quả dưa hấu, để lộ đôi chân trần rất to. Nhà vua nghĩ là hình ảnh cô gái Hoài Tây, với đôi chân to để chỉ các cô gái nhà nghèo không có điều kiện để bó chân theo phong tục bấy giờ. Hoàng Hậu cũng chính là người con gái chân to Hoài Tây đó, hẳn rằng họ cười chê ác độc đối với Hoàng Hậu?

Nhà vua giấu mình trở về cung rồi phái mấy quan viên thân tín đến thị trấn với nhiệm vụ ghi vào sổ đen tên người vẽ tranh và những người đứng chế giễu bức tranh đó. Sau đó dán tờ giấy có chữ "Phúc" trước cửa những nhà không tham gia. Các quan viên hoàn thành nhiệm vụ trở về, Chu Nguyên Chương lập tức phái đại binh tiến về thị trấn, phàn tất cả những nhà không dán chữ Phúc đều bị bẻ cửa, cướp sạch

của cái. Từ đó về sau, cứ đến Tết mùa xuân, mọi người đều dán chữ Phúc lên cửa nhà mình, và dần trở thành tập tục.

Giải thích tập tục Tết mùa xuân dán chữ "Phúc", đầu tiên phải hiểu nội dung chữ Phúc là gì?. Sách "Thượng thư - Hồng Phạm" viết rằng: "Nhất viết Thọ, nhị viết Phúc, tam viết Khang ninh, tứ viết Du hảo đức, ngũ viết khảo chung mệnh".

- Thọ chỉ trường thọ.
 - Phúc chỉ sự giàu có về vật chất.
 - Khang ninh chỉ thân thể khỏe mạnh không có bệnh tật.
 - Du hảo đức chỉ đạo đức cao đẹp.
 - Khảo chung mệnh là đạt được cái thiện mãi mãi.
- Người xưa cho rằng muốn đạt được "ngũ phúc" (tức là 5 điều nói trên) có một số mặt có thể định được nhờ sự cố gắng của bản thân ví dụ như cầu phúc, tu đức, nhưng tuổi thọ dài ngắn của một đời người và cái chết là không thể quyết định được. Muốn được trường thọ và thiên chung chỉ có thể cầu xin Thần Linh và tổ tiên cho mà thôi. Hàng năm vào dịp Tết đầu mùa xuân là lúc cúng tế tổ tiên và Thần Linh, và dán chữ Phúc ở cửa nhà là thể hiện nguyện vọng cầu xin Thần Linh và tổ tiên ban cho mọi nhà mọi người có được hạnh phúc trong năm mới. Lâu rồi dần thành tập lệ.

a. Dâng hương Tất niên (chiều 30 Tết)

Vào chiều ngày cuối cùng tháng Chạp (tháng đủ là ngày 30, tháng thiếu là ngày 29) các gia đình Việt Nam thường làm lễ dâng hương Tất niên (kết thúc năm cũ, chuẩn bị đón năm mới).

Đơn giản thì gia chủ soạn một mâm cơm cúng dâng lên Gia Thần, Gia Tiên gọi là lễ mọn dâng cúng tạ ơn Gia Thần, Gia Tiên đã phù hộ, độ trì cho gia đình mọi bề tốt đẹp trong năm đã qua.

Điều quan trọng, trước khi cúng lễ Tất niên cần phải đi thăm mộ phần Tiên tổ; đắp, sửa lại mộ phần, cắm mấy nén nhang rồi khấn mời Gia Tiên về nhà hoặc về Từ đường ăn Tết cùng gia đình (gọi là lễ Chạp).

Văn khấn lễ tạ mộ vào ngày 30 Tết

(còn gọi là lễ chạp)

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy:

- Ngài Kim niên Đương cai Thái tuế Chí đức Tôn thần, Kim niên hành binh, Công tào Phán quan.

- Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương.

- Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa Tôn thần.

- Các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ long mạch Tôn thần. Tiền Chu tước, hậu Huyền vũ, tả Thanh long, hữu Bạch hổ cùng liệt vị Tôn thần cai quản ở trong xứ này.

Kính lạy hương linh cụ.....

Hôm nay là ngày 30 tháng chạp, nhằm tiết cuối đông sắp sang năm mới.

Chúng con là:

.....
Sắm sanh phẩm vật, hương hoa phù tửu lễ nghi, trình cáo Tôn thần, kính rước vong linh bản Gia Tiên tổ chúng con là.....

Có phần mộ tại đây về với gia đình đón mừng năm mới, để cho cháu con phụng sự trong tiết xuân thiên, báo đáp ân thâm, tỏ lòng hiếu kính. Cúi xin Tôn thần, phù thủy đoãn hứa. Âm dương cách trở, bát nước nén hương, biểu tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

b. Dâng hương Giao thừa

Lễ Giao thừa là lễ quan trọng nhất trong dịp Tết Nguyên đán. Đó là lễ dâng hương vào *giây phút chuyển vận* giữa giờ cuối cùng (giờ Hợi) của ngày cuối cùng thuộc tháng Chạp năm cũ với giờ khởi đầu (giờ Tý) của ngày đầu tiên thuộc tháng Giêng năm mới. Ý nghĩa "tống cựu nghinh tân" được thực hiện triệt để vào giây phút này. Đây là giây phút rất thiêng liêng trong dịp Tết Nguyên đán. Người ta tin rằng mọi điềm hay, dở xảy ra vào giây phút này có liên quan tới mọi sự hay, dở của mọi người trong gia đình trong cả năm mới. Vào giây phút ấy mọi người đều quên đi tất cả những gì không hay trong năm cũ. Mọi sự kiêng kỵ được thực hiện triệt để từ giây phút giao thừa tới sáng sớm ngày mồng Một Tết.

Vì sao đêm trừ tịch (đêm 30 Tết) lại phải giữ năm?

Đêm trừ tịch, cả nhà đoàn tụ, ngồi quanh đồng lửa ăn bữa cơm đoàn viên uống rượu hoa tiên, làm lễ tiễn đưa năm cũ, phát tiền mừng tuổi. Mọi người chúc rượu vui vẻ suốt đêm đến sáng tục gọi là giữ năm (thủ thế).

Tục truyền ngày xưa, ông trời muốn cho dân chúng sống sung sướng cứ đến đêm 30 tháng chạp bèn mở toang cửa nhà trời, đem vàng bạc trong kho rắc xuống trần gian, cho người nhặt. Nhưng có một quy định nhất nhất phải tuân theo: là không ai được có lòng tham, vàng bạc nhặt được, trước tiên phải đem vào nhà, chờ đến trời sáng mới được mở cửa nhà.

Có hai anh em nhà họ Lý, người anh tham lam vô cùng, người em trung hậu thật thà. Người anh khi cửa trời mở, nhặt được vàng, quên hết tất cả, khi trời chưa sáng đã mở cửa nhà thế là tất cả số vàng ấy đều biến thành đá. Người em thì giữ vàng lại trong nhà, chờ đến khi trời sáng rõ mới mở cửa. Nhờ có được số vàng mà người em từ đó sống rất sung sướng.

Về sau, ông trời phát hiện ra rằng những kẻ tham như ông anh nọ ngày càng nhiều, liền tức mình đóng cửa trời lại, không bao giờ ném

vàng xuống trần gian nữa. Nhưng mọi người vẫn mong mỗi được sống sung sướng và hễ cứ đến tối ngày 30 tháng chạp đều nóng lòng chờ điều may mắn đến - cửa trời mở ra. Cả nhà ngồi đoàn tụ một nơi châm lửa, thấp nển chờ đến khi trời sáng, như vậy năm liên năm, dần dần hình thành tục lệ giữ năm.

Có người cho rằng tục giữ năm là bắt nguồn từ tục lệ đuổi bách quỷ xa xưa để cầu cho những ngày Tết bình an.

Từ xưa đến nay thường không gia đình Việt Nam nào bỏ qua lễ dâng hương vào giây phút Giao thừa.

Thời điểm giao thừa người ta thường cúng lễ ngoài trời và cúng lễ trong nhà.

Lễ vật cúng Giao thừa ngoài trời là: những phẩm vật không thể thiếu như: Hương, dâng (nến), trầu, rượu, vàng, tiền (hàng mã), v.v... Còn cần có thêm đồ chín như thủ lợn luộc (cả cái), hoặc gà trống luộc (cả con, đủ bộ), xôi nếp, bánh chưng, v.v...

Lễ vật được chuẩn bị từ trước thời điểm Giao thừa, đặt trên bàn hay mâm lớn rồi kê trên một cái đôn (không để trên mặt đất).

Tối đúng thời điểm Giao thừa thì thắp đèn, nhang. Nếu viết văn khấn ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong sẽ hoá (đốt) ngay cùng với tiền, vàng dâng cúng.

Sở dĩ có tục dâng hương cúng lễ ngoài trời vào thời điểm giao thừa là?

Tục xưa tin rằng "Mỗi năm có một vị *Hành khiển* coi việc nhân gian, hết năm thì vị thần này bàn giao công việc cho vị thần kia, cho nên cúng tế để tiễn đưa Thần cũ, đón rước Thần mới".

Thời điểm bàn giao công việc giữa hai vị *Hành khiển* cùng các *Phán quan* (*giúp việc cho quan Hành khiển*) diễn ra hết sức khẩn trương, hơn nữa các vị này là các vị thần cai quản không phải riêng cho một gia đình nào đó mà là mọi công việc dưới trần gian, nên việc làm lễ "tống cựu nghênh tân" các vị *Hành khiển* và *Phán quan* giữa năm cũ và năm mới phải được tiến hành không phải ở trong nhà mà là

ở ngoài trời (*sân, cửa*). Có 12 vị Hành khiển - hay còn gọi là các vị thần Thời gian. Mỗi vị làm một năm dưới dương gian và cứ sau 12 năm thì lại có sự luân phiên trở lại.

Năm Tý: *Chu Vương Hành khiển*. Thiên Ôn hành binh chỉ thần, Lý Tào phán quan.

Năm Sửu: *Triệu Vương Hành khiển*. Tam thập lục phương hành binh chỉ thần, Khúc Tào phán quan.

Năm Dần: *Nguy Vương Hành khiển*. Mộc Tinh chi thần, Tiêu Tào phán quan.

Năm Mão: *Trịnh Vương Hành khiển*. Thạch Tinh chi thần, Liễu Tào phán quan.

Năm Thìn: *Sở Vương Hành khiển*. Hỏa Tinh chi thần, Biểu Tào phán quan.

Năm Tị: *Ngô vương Hành khiển*. Thiên Hải chi thần, Hứa Tào phán quan.

Năm Ngọ: *Tấn Vương Hành khiển*. Thiên Hao chi thần, Nhân Tào phán quan.

Năm Mùi: *Tống Vương Hành khiển*. Ngũ Đạo chi thần, Lâm Tào phán quan.

Năm Thân: *Tê Vương Hành khiển*. Ngũ Miếu chi thần, Tống Tào phán quan.

Năm Dậu: *Lỗ Vương Hành khiển*. Ngũ Nhạc chi thần, Cự Tào phán quan.

Năm Tuất: *Việt Vương Hành khiển*. Thiên Bá chi thần, Thành Tào phán quan.

Năm Hợi: *Lưu Vương Hành khiển*. Ngũ Ôn chi thần, Nguyễn Tào phán quan.

Trong các bài văn khấn giao thừa khi dâng hương ngoài trời đều khấn danh vị của các vị quan Hành khiển cùng các vị Phán quan nói trên. Năm nào thì khấn danh vị của vị quan ấy.

Văn khấn lễ giao thừa ngoài trời

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật
- Hoàng Thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.
- Ngài Cựu niên Đương cai Hành khiển.
- Đương niên Thiên quan⁽¹⁾.....

..... Năm.....

- Các Ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch, Táo quân, chư vị Tôn thần.

Nay là phút giao thừa năm.....

Chúng con là:.....

Ngụ tại.....

Phút thiêng giao thừa vừa tới, năm cũ qua đi, đón mừng năm mới, tam dương khai thái; vạn tượng canh tân. Nay ngài Thái Tuế tôn thần trên vâng lệnh Thượng đế giám sát vạn dân, dưới bảo hộ sinh linh tảo trừ yêu nghiệt. Quan cũ về triều để khuyết, lưu phúc lưu ân. Quan mới xuống thay, thể đức hiếu sinh, ban tài tiếp lộc. Nhân buổi tân xuân, tín chủ chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án. Cúng

⁽¹⁾ Năm nào thì khấn danh vị của vị quan hành khiển năm ấy (Xem ở phần 12 vị hành khiển trang 33).

dâng Phật Thánh dâng hiến Tôn thần, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con kính mời: Ngài Cựu niên đương cai, Ngài Tân niên đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần; Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương, Ngài bản xứ Thần Linh Thổ Địa, Phúc đức chính thần, các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch Tài thần, các bản gia Táo quân và chư vị Thần Linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật.

Nguyên cho tín chủ: mình niên khang thái, trú dạ cát tường. Thời thời được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

Văn khấn lễ giao thừa trong nhà

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật
- Hoàng thiên, Hậu thổ, chư vị Tôn thần
- Long mạch, Táo quân, chư vị Tôn thần
- Các cụ Tổ Tiên nội, ngoại chư vị tiên linh.

Nay phút giao thừa năm.....

Chúng con là.....

Ngụ tại.....

Phút giao thừa vừa tới, nay theo vận luật, tống cựu nghênh tân, giờ tí đầu xuân, đón mừng Nguyên đán, tín chủ chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án, cúng dâng Phật Thánh dâng hiến Tôn thần, tiến cúng Tổ Tiên, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con xin kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương, Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa, Phúc đức chính thần, các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch Tài thần, các ngài bản gia Táo quân và chư vị Thần Linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật. Con lại kính mời các cụ tiên linh Cao Tăng Tổ khảo, Cao Tăng Tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di tỷ muội, nội ngoại tộc chư vị hương linh cúi xin giáng về linh sàng hâm hưởng lễ vật.

Tín chủ lại kính mời các vị vong linh tiền chủ hậu chủ, y thảo phụ mộc ở trong đất này.

Nhân tiết giao thừa, giáng lâm trước án chiêm ngưỡng tân xuân, thụ hưởng lễ vật.

Nguyện cho tín chủ: mình niên khang thái, trú dạ cát tường. Thời thời được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn cáo

c. Văn khấn ngày Tết Nguyên đán

Văn khấn Thần Linh trong nhà

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.
- Phật Trời, Hoàng thiên Hậu thổ
- Chư vị Tôn thần.

Hôm nay là ngày mồng 1 tháng giêng, nhằm ngày Tết Nguyên đán đầu xuân, giải trừ gió đông lạnh lẽo, hung nghiệt tiêu tan, đón mừng Nguyên đán xuân thiên, mưa móc thấm nhuần, muôn vật tưng bừng đổi mới. Nơi nơi lễ tiết, chốn chốn tường trình.

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Nhân tiết minh niên sắm sửa hương hoa, cơm canh lễ vật bày ra trước án, dâng cúng Thiên Địa Tôn thần. Thiết nghĩ Tôn thần hào khí sáng lòa, ân đức rộng lớn. Ngồi cao vạn tượng uy nghi, vị chính mười phương biến hiện. Lòng thành vừa khởi, tôn đức cảm thông. Cúi xin giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật. Nguyện cho chúng con mọi người hoan hỉ vinh xương, con cháu cát tường khang kiện. Mong ơn Đương cảnh Thành hoàng, đội đức Tôn thần bản xứ. Hộ trì tín chủ, gia lộc gia ân, xá quá trừ tai. Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối, sự nghiệp hanh thông, sở cầu như ý.

Giãi tẩm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn cáo

Văn khấn Tổ Tiên ngày mồng 1 Tết

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.
- Các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, đường thượng tiên linh và các hương hồn nội tộc, ngoại tộc.

Nay theo tuế luật, âm dương vận hành tới tuần Nguyên đán, mồng một đầu xuân mưa móc thấm nhuần, đón mừng năm mới. Con cháu tưởng niệm ân đức Tổ Tiên, như trời cao biển rộng, khôn đem tấc cỏ báo ba xuân. Do đó chúng con cùng toàn thể con cháu trong nhà sửa sang lễ vật, oản quả hương hoa kính dâng lên trước án.

Kính mời các cụ Cao Tăng Tổ khảo, Cao Tăng Tổ tỷ, Bá thúc đệ huynh, Cô dì tỷ muội, nam nữ tử tôn nội, ngoại. Cúi xin thương xót con cháu, linh thiêng giáng về linh sàng, phù hộ độ trì con cháu năm mới an khang, mọi bề thuận lợi, sự nghiệp hanh thông. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có điềm lành tiếp ứng. Tín chủ lại mời: các vị vong linh, tiền chủ, hậu chủ ở trong đất này cùng về hâm hưởng.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn tấu

d. Lễ tạ (lễ hoá vàng)

Lễ tạ, lễ hoá vàng hay còn gọi là *Tết Khai hạ*. Đây chính là ngày làm lễ dâng hương "bế mạc" dịp Tết Nguyên đán để mọi người tiếp tục công việc thường nhật của mình.

Theo tục xưa để lại thì lễ tạ được tiến hành vào ngày *mồng bảy tháng giêng âm lịch*.

Theo sách "Phương sóc chiêm thú" thì sở dĩ lễ tạ được tiến hành vào ngày mồng bảy tháng giêng là vì ngày thứ bảy đầu năm mới là "*ngày của Người*" (Nhân nhật); còn các ngày khác từ mồng một Tết Nguyên đán đến mồng tám tháng giêng là các ngày của các giống động vật và thực vật:

Mồng một là ngày của giống Gà, mồng hai của giống Chó, mồng ba của giống Lợn, mồng bốn của giống Dê, mồng năm của giống Trâu, mồng sáu của giống Ngựa, và mồng tám của giống Thóc (lúa).

Vào chiều ngày ấy, ngày nào đẹp trời thì giống thú hay thực vật của ngày ấy sẽ khoẻ mạnh, tốt đẹp trong cả năm đó. Hiện nay vẫn có người tin vào những "điềm" báo trước ấy để có những "tiên đoán" cho cả năm.

Ngày nay tùy hoàn cảnh cụ thể công việc của mỗi nơi người ta có thể tiến hành Lễ tạ vào các ngày khác như vào mồng hai, mồng ba, v.v... chứ không cứ phải vào mồng bảy. Xem thế thì thấy người Việt Nam hiện nay chủ yếu căn cứ vào hoàn cảnh công việc mà làm lễ tạ chứ không câu nệ vào cái "lý" của sách cổ "Phương sóc chiêm thú" nói ở trên. Tục cũng phải thay đổi theo hoàn cảnh là vậy.

Ý nghĩa quan trọng lễ tạ của người Việt Nam là ở chỗ: tạ lễ Trời, Đất, Thân, Phật, Gia Tiên... đã về chứng giám cho lòng thành và sự vui vẻ của những người đang sống nhân dịp Tết đầu năm và cầu xin các đấng cao minh, Tiên tổ gia cát, phù trì cho mọi người trong gia đình tiếp tục bước vào cuộc sống may mắn, phát đạt mọi bề suốt cả năm mới.

Với ý nghĩa đó, không có gia đình Việt Nam nào, xưa cũng như nay, đã dâng hương cúng lễ Giao thừa hay sáng mồng một Tết mà lại

bỏ qua làm lễ dâng hương Khai hạ, thậm chí những người có điều kiện còn tổ chức buổi lễ tạ khá lớn, mời họ hàng thân thích, bè bạn cùng đến dự và bàn tính dự kiến công việc đầu năm.

Nét khác biệt trong việc dâng hương vào dịp Tết Nguyên đán so với các dịp lễ, tiết khác trong năm là ở chỗ *vào suốt dịp Tết Nguyên đán*, kể từ lễ Tất niên vào chiều ngày ba mươi năm cũ, tháng chạp cho tới hết lễ tạ, trên các ban thờ trong nhà hương, đèn (nến) không bao giờ không tắt, ngày cũng như đêm. Các phẩm vật dâng cúng dịp Tết như tiền, vàng (đồ hàng mã), bánh chưng, mứt kẹo, ngũ quả, trầu cau.v.v... cũng *chỉ được phép hạ xuống vào sau buổi lễ dâng hương Khai hạ*, trừ các lễ cúng mặn không thể để dài ngày như xôi, thịt... thì có thể hạ lễ ngay sau mỗi tuần hương dâng cúng vào các buổi, các ngày trong dịp Tết Nguyên đán.

Sở dĩ phải như vậy vì tục tín ngưỡng cho rằng trong suốt dịp Tết Nguyên đán trước khi làm lễ Khai hạ thì các bậc Thần minh và Gia Tiên luôn luôn ngự trên ban thờ. Nếu để hương, đèn (nến) tắt, tự tiện hạ các phẩm vật trước khi Lễ tạ là bất kính đối với Thần minh và Tiên tổ.

Với ý nghĩa quan trọng của ngày Lễ tạ nên ngày làm Lễ tạ được quan niệm cũng là một cái "Tết" - Tết Khai hạ. Nó quan trọng chẳng kém lễ Giao thừa. Bởi thế trước khi dâng hương Lễ tạ ngày xưa người ta cũng có đốt pháo mừng. Nhiều gia đình tính cẩn thận còn có cả *lễ ngoài trời* như lễ lúc Giao thừa nữa.

Trước khi hạ toàn bộ phẩm vật dâng cúng trong dịp hết một tuần nhang thì trước tiên phải thực hiện việc hoá vàng tiền (đem đốt đi). Mỗi lễ vàng, tiền dâng cúng đều được hoá riêng theo thứ tự: Gia Thần trước, Gia Tiên sau - từ các bậc cao nhất đến dưới. Trước khi hạ mỗi lễ như vậy đều cần *vái ba vái*: và khấn "Con xin thiêu hoá tiền vàng, quần áo, v.v... thỉnh vong linh nhận chút lễ bạc. Tâm thành, kính cáo Tôn thần, xin rước vong linh lại về âm giới".

Ngày nay, nhiều người làm ăn, buôn bán, sau lễ tạ đều có kén chọn giờ tốt, ngày tốt để khai trương cửa hàng, cửa hiệu.

Văn khấn lễ tạ năm mới

Na mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn thần.

- Ngài Đương niên, Ngài Bản cảnh Thành hoàng, các ngài Thổ Địa, Táo quân, Long mạch, Tôn thần.

- Các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, nội ngoại tiên linh.

Hôm nay là ngày mồng.....tháng giêng năm.....

Tín chủ chúng con:

Ngụ tại:

Thành tâm sửa biện hương hoa phẩm vật phù tửu lễ ghi, cung trần trước án. Kính cẩn thưa trình: tiệc xuân đã mãn, Nguyên đán đã qua, nay xin thiêu hóa kim ngân, lễ tạ Tôn thần, rước tiên tiên linh trở về âm giới. Kính xin: lưu phúc lưu ân, phù hộ độ trì, dương cơ âm mộ, mọi chỗ tốt lành. Cháu con được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng. Lòng thành kính cẩn, lễ bạc tiến dâng, lượng cả xét soi, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

3. Dâng hương lễ rằm tháng giêng (Thượng nguyên hoặc Nguyên tiêu)

Tiết rằm tháng giêng hay lễ Thượng nguyên cũng có khi gọi là tết Nguyên tiêu được người Việt Nam tiến hành cúng lễ dâng hương vào ngày 15 tháng giêng thường là vào buổi tối khi trăng lên.

Với người Phật tử thì lễ dâng hương này mang ý nghĩa đặc biệt.

"Lễ Phật quanh năm, không bằng ngày rằm tháng giêng". Bởi rằm tháng giêng là ngày vía của Đức Phật A di đà.

Văn khấn được áp dụng chung với các bài văn khấn vào tuần tiết sóc vọng (ngày mồng 1 và rằm).

Trong dịp tết Nguyên tiêu, dân gian thường cúng "Thần sao". Tục lễ ấy bắt nguồn bởi lễ như sau: Thời Tây Hán Trung Quốc, mọi người có phong tục cúng tế "Thái Ất" cúng tế từ lúc hoàng hôn cho đến khi trời sáng. Tên Thái Ất đã xuất hiện ở thời kỳ Tiên Tần, khi ấy là chỉ nguyên khí hình thành Trời Đất vạn vật. Sau đời Tần Hán "Thái Ất" có 3 cách nói một là biệt danh của thần Bắc Cực, hai là chỉ tên sao nằm ngoài cung Tử vi, ba là chỉ núi Chung Nam (Chung Nam Sơn).

Theo bản đồ sao, phân tích điều ghi chép trên đây, có thể biết: Thái Ất mà đời nhà Hán thờ là chỉ sao Bắc Cực, một ngôi sao rất sáng trên bầu trời phương Bắc, một chỉ tiêu mà cổ nhân dựa vào đó để phân biệt phương hướng vào ban đêm. Ở một vị trí khác cách sao Bắc Cực không xa là sao Bắc Đẩu. Sao Bắc Đẩu xuất hiện ở những vị trí khác nhau trên bầu trời ở những thời gian khác nhau của các mùa và các đêm khác nhau. Vì thế, người ta xem sao Bắc Đẩu xoay quanh sao Bắc Cực. Cổ Nhân căn cứ vào "chiếc cán" của sao Bắc Đẩu chỉ lúc hoàng hôn để quyết định mùa. Cái cán ấy chỉ về phía Đông thì là mùa Xuân, chỉ về phía Nam thì là mùa Hạ, chỉ về phía Tây là mùa Thu, chỉ về phía Bắc thì là mùa Đông. Điều này hoàn toàn thống nhất với việc miêu tả sao Thái Ất thay đổi theo bốn mùa (biến nhi vi tứ thời) trong sách "Lễ ký" phần "Lễ Vận". Nhận thức này vốn là cống hiến của Tổ Tiên người Trung Hoa trong lĩnh vực thiên văn học. Nhưng ở vào thời kỳ khó có thể phân biệt được giữa khoa học và mê tín cổ nhân còn chưa thể có được những giải thích khoa học về các hiện tượng thiên nhiên với những cái hoạ, phúc của con người. Như các nhà chiêm tinh cho rằng: một ngôi sao nào đó chi phối thủy hạn, một ngôi nào đó khác thì chi phối đói kém, từ đó mà tiếp tục thần thánh hoá các hiện tượng thiên nhiên. Ở Việt Nam xưa kia, sản xuất nông nghiệp, sức sản xuất lạc hậu, cuộc sống dựa vào thiên nhiên, thường sinh ra hoạt động mê tín sùng bái mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú. Đến một lúc nào đó, thì họ hết sức thành tâm cầu mong trời phù hộ cho con người thịnh thế bình an, mùa màng tươi tốt. Sau này từ ngày 15 tháng giêng trở đi, mọi người cầu cúng thần sao "Thái Ất" suốt cả đêm đến sáng. Đây chính là kế thừa phong tục của cổ nhân sùng bái các thiên thể.

Văn khấn Thần Linh rằm tháng giêng

(tết Nguyên tiêu)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- *Hoàng Thiên, Hậu Thổ chư vị Tôn thần.*
- *Ngài Đông trù tư mệnh Táo Phủ thần quân.*
- *Ngài Bản gia Thổ Địa Long mạch Tôn thần.*
- *Các Ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Phúc đức Tôn thần.*
- *Ngài tiên hậu địa chủ tài thần.*
- *Các Tôn thần cai quản ở trong khu vực này.*

Hôm nay là ngày..... tháng năm.....

Tín chủ con là.....

.....

Ngụ tại:

.....

Thành tâm sửa biện, hương hoa lễ vật kim ngân trà quả và các thứ cúng dâng, bày ra trước án.

Chúng con thành tâm kính mời:

Ngài Kim niên đương cai Thái Tuế chí đức tôn thần.

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương .

Ngài Đông trù tư mệnh Táo Phủ Thần quân.

Ngài Bản gia Thổ Địa Long mạch Tôn thần.

Các ngài Ngũ Phương Ngũ Thổ, Phúc đức chính thần, các vị Tôn thần cai quản ở trong khu vực này.

Cúi xin các Ngài thương xót tín chủ. Giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ chúng con toàn gia an lạc, công việc hanh thông. Người người được chữ bình an, tám tiết vinh quang thịnh vượng, lộc tài tăng tiến, tâm đạo mở mang, sở cầu tất ứng, sở nguyện tòng tâm.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

Văn khấn Gia Tiên vào tiết Nguyên tiêu

(ngày 15 tháng giêng)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- *Hoàng thiên hậu Thổ chủ vị Tôn thần.*
- *Ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ Địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.*
- *Tổ Tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố, mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).*

Hôm nay là ngày.....

Gặp tiết Nguyên tiêu, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhớ đức cù lao tiên tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương .

Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa.

Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài thần.

Cúi xin giáng lâm trước án chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư vị Hương linh Gia Tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh, tiền chủ hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

4. *Dâng hương dâng sao giải hạn*

Lý do thờ Nhật thần, Nguyệt thần và Thần sao có thể bắt nguồn từ sự sùng bái tự nhiên của nền văn hoá cổ đại đối với mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần trong tôn thần của Đạo giáo, hàm nghĩa của nó là:

Nhật là thần đại minh: Là biểu tượng của con trai, được trang sức bằng mặt trời màu vàng, đạo giáo gọi là *Nhật cung thái dương đế quân hiệu đạo tiên vương* hoặc là *Nhật cung thái đan viêm quang uất minh thái dương đế quân*.

Nguyệt là thần đại minh: Là biểu tượng của con gái, được trang sức bằng ánh trăng màu trắng. Đạo giáo gọi là *Nguyệt cung thái âm hoàng quân hiệu đạo minh vương* hoặc là *Nguyệt cung hoàng hoa tổ diệu nguyên tinh thánh hậu thái âm nguyên quân*.

Ngũ tinh xưa: Là tuế tinh (tức mộc tinh), chấn tinh (tức thổ tinh), thái bạch tinh (kim tinh), thủy tinh hoặc hỏa tinh. Ngũ tinh còn gọi là ngũ diệu, cùng với mặt trời, mặt trăng hợp thành thất diệu. Nếu thêm La hâu (thực tinh) và Kế đô (Báo vĩ tinh) hợp thành cửu diệu. Nếu không tính Nhật, Nguyệt, mà lại thêm Nguyệt bội và Tử khí thì cũng có thể gọi là cửu diệu. Nếu tính cả thủy thì gọi là thập nhất diệu. Trong kinh điển của Đạo giáo thường gọi là đế quân, nguyên quân, chân quân, v.v...

Trong số các vì sao tế này, có vì đã sớm đi vào lòng người trong tín ngưỡng của dân gian là *Tây Phương thái bạch tinh* (tức kim tinh). Đây vốn là hành tinh trong thiên thể (là một hành tinh gần trái đất nhất), buổi sớm xuất hiện ở phương Đông gọi là "Khải minh", buổi chiều xuất hiện ở phương Tây gọi là "Trường canh", điều này người ta đã biết từ rất sớm. Cùng với sự xuất hiện của "Tây du ký", Thái bạch kim tinh là một tinh thể tự nhiên được nhân cách hoá. Trong "Tây du ký", Thái bạch kim tinh là một hình tượng thần tiên cao niên lương

thiện và nhân từ, trên lưng cõng một góc "sách trời", lão Thái long cung chúc vụ là khâm phái "đặc sứ" của Ngọc Hoàng đại đế. Sau khi Tôn Đại Thánh đắc đạo thành tiên, làm náo động long cung đánh xuống địa phủ, làm cho Long vương, Diêm vương phải tâu với thiên đình, Ngọc Hoàng vô cùng hoảng sợ, định phái thiên binh thiên tướng đi chiêu an "yêu hầu" của Tôn Đại Thánh. Ngọc Đế nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn ra lệnh cho Thái bạch kim tinh đi trước để chiêu an. Nhân vật này được mọi người ca tụng.

Về vấn đề tế sao, trong đạo giáo vẫn tôn sùng ngũ đầu tinh quân là: Bắc đầu, Nam đầu, Đông đầu, Tây đầu, Trung đầu và Tử vi viên chúng tinh quân, Thiên thị viên chúng tinh quân, Tử vi ngoại toa chúng tinh quân, Bắc cực tứ tượng tinh quân, Nhị thập bát tú tinh quân... Trên thế gian còn có thuyết quân tinh châu Bắc đầu. Đạo giáo thừa nhận tín ngưỡng này, trong Đạo kinh nói: Bắc đầu rơi xuống là chết, Nam đầu bay lên là sống, Đông đầu là chúa âm phủ, Tây đầu ghi tên. Trung đầu lớn nhất nên giám sát toàn bộ các vì sao. Con người biết tế sao sẽ được giải thoát tai hoạ, tăng thêm phúc thọ.

Trong các vì sao, vì sao được tôn sùng nhất là Đầu Mầu, cũng chính là *Trung thiên phạn khí đầu Mầu nguyên quân, Trung thiên Bắc đầu thất nguyên tinh quân*... Trong sách Đạo nói rằng: ngài là Tử Quang phu nhân, sinh được 9 con, hai con đầu là Thiên hoàng đại đế, Tử vi đại đế. Bảy con sau là: Bắc đầu thất tinh. Các vì sao đã được nhân hoá, lại truyền cho Đầu Mầu sinh ra ánh sáng của trăng của trời, làm mẹ của chúng tinh Bắc đầu. Đầu làm phần hồn, thủy làm phần tinh, ban phát công đức trị bệnh.

Nghi thức dâng sao giải hạn

Theo các nhà thuật số thì mỗi năm, mỗi người có một ngôi sao chiếu mệnh như: La hầu, Thổ tú, Thủy diệu, Thái bạch, Thái dương, Thái âm, Kế đô, Mộc đức, Văn hán. Trong số các sao đó có sao mang tính cách tốt, lại có sao mang vận hạn xấu. Xấu thì làm lễ để tiễn, còn tốt thì làm lễ để nghênh đón. Lễ nghênh, tiễn này được tiến hành

thường kỳ vào các tháng trong năm, vào những ngày nhất định. 9 ngôi sao này theo tương truyền cứ sau 9 năm lại luân phiên trở lại ứng với mỗi một cá nhân. Nhân ngày rằm tháng giêng hoặc trong tháng giêng đầu năm, người ta vẫn tiến hành làm lễ dâng sao giải hạn, có thể ở Chùa (là tốt nhất) hay tại nhà. Cũng theo phong tục thì 9 vì sao này xuất hiện vào ngày, giờ nhất định trong tháng và có hình nhất định, do đó vào ngày nào mà sao nào chiếu thì người ta dâng sao giải hạn sao ấy là tốt nhất, số lượng đèn, nến phải đủ theo tính chất của các sao. Bài vị cũng được thiết lập trên giấy có màu tương ứng với ngũ hành của từng sao như sao Thái Dương: bài vị màu vàng, viết trên giấy dó mấy chữ "Nhật cung Thái Dương thiên tử tinh quân" và 12 ngọn đèn (hoặc nến), được bày theo hình của sao.

Lễ vật cúng dâng sao gồm: Hoa quả, trâu cau, xôi, oản, trà, vàng tiền. Cúng lễ dâng sao ngày xưa khá cầu kỳ, phải lập đàn tràng tam cấp, trên cúng Trời, Phật, Tiên, Thánh; giữa cúng các vì sao thủ mạng, bậc dưới thì phẩm vật như cháo khoai... cúng bố thí chúng sinh. Ngày nay thành tâm là chính "cốt là ở Tâm", người ta có thể làm lễ dâng sao ngoài trời, "tâm động quỷ thần tri" do đó người ta thường tiến hành lễ giải hạn như sau:

Sao Thái Dương:

* * * *
* * * *
* *
* *



Dâng sao vào ngày 27 hàng tháng, thắp 12 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu vàng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Đông.

Sao Thái Âm:

* *

* *

* *

* *



Dâng sao vào ngày 26 hàng tháng, thắp 7 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu vàng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Tây.

Sao Mộc Đức:

* * *

* * *

* * *

* * *

* * *

* *

* *

* *



Dâng sao vào ngày 25 hàng tháng, thắp 20 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu xanh có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Đông.

Sao Văn Hán:

* * *

* *

* * *

* * *

* * *

* *



Dâng sao vào ngày 29 hàng tháng, thắp 15 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu đỏ có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Nam

Sao Thổ Tú:



Dâng sao vào ngày 19 hàng tháng, thắp 5 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu vàng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Tây

Sao Thái Bạch:



Dâng sao vào ngày 15 hàng tháng, thắp 8 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu trắng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Tây

Sao Thủy Diệu:



Dâng sao vào ngày 21 hàng tháng, thắp 7 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu đen có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Bắc.

Sao La Hầu:

```

*           *
*           *
*           *
      *
*
      *
           *
           *

```



Dâng sao vào ngày 8 hàng tháng, thắp 9 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu vàng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Bắc

Sao Kế Đô

```

      *
*   *   *   *
*   *   *   *
*   *   *   *
*   *   *   *
      *   *
      *   *

```



Dâng sao vào ngày 18 hàng tháng, thắp 21 ngọn nến xếp theo hình bên, bài vị màu vàng có ghi dòng chữ (1), lạy về hướng Tây

Văn khấn dâng sao giải hạn

Na mô A Di Đà Phật! (3 lạy)

Na mô Hỷ Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy

- Đức Trung thiện tinh chúa Bắc cực tử vi Trùng sinh đại đế.

- Đức Tả Nam Tào lục ty Duyên thọ tinh quân.

- Đức Hữu Bắc Đẩu cứu hãm Giải ách tinh quân.

- Đức^()*

Đức Thượng Thanh bản mệnh Nguyên thần chân quân.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Thành tâm sửa biện hương, hoa, lễ vật thiết lập tại (địa chỉ).....

Làm lễ giải hạn sao^().....chiếu mệnh.*

Cúi mong chư vị chấp kỳ bạc lễ phù hộ độ trì, giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết chí thành, nhất tâm bái lạy.

Cẩn tấu

^(*) Giải hạn sao gì thì ghi tên sao đó vào: Ví dụ sao Kế Đô thì ghi "Làm lễ giải hạn sao Kế Đô chiếu mệnh". Sau đó hóa vàng, bài vị và bài khấn.

Phần để ghi vào chú thích (1) của văn khấn, bài vị tương ứng với tuổi sao như sau:

1. **Sao Thái Dương** - Nhật cung Thái Dương Thiên tử tinh quân.
2. **Sao Thái Âm** - Nguyệt cung Thái Âm Hoàng hậu tinh quân.
3. **Sao Mộc Đức** - Đông Phương Giáp Ất Mộc đức tinh quân.
4. **Sao Văn Hán** - Nam Phương Bính Đinh Hỏa đức tinh quân.
5. **Sao Thổ Tú** - Trung Ương Mậu Kỷ Thổ đức tinh quân.
6. **Sao Thái Bạch** - Tây Phương Canh Tân Kim đức Thái Bạch tinh quân.
7. **Sao Thủy Diệu** - Bắc Phương Nhâm Quý Thủy đức tinh quân.
8. **Sao La Hầu** - Thiên cung thần thủ La Hầu tinh quân.
9. **Sao Kế Đô** - Địa Cung Thân Vĩ Kế Đô tinh quân.

XEM TUỔI ĐỂ BIẾT SAO CHIẾU MỆNH

ĐÀN ÔNG VÀ ĐÀN BÀ									SAO ĐÀN ÔNG	SAO ĐÀN BÀ
10	19	28	37	46	55	64	73	82	La Hầu	Kế Đô
11	20	29	38	47	56	65	74	83	Thổ Tú	Vân Hán
12	21	30	39	48	57	66	75	84	Thủy Diệu	Mộc Đức
13	22	31	40	49	58	67	76	85	Thái Bạch	Thái Âm
14	23	32	41	50	59	68	77	86	Thái Dương	Thổ Tú
15	24	33	42	51	60	69	78	87	Vân Hán	La Hầu
16	25	34	43	52	61	70	79	88	Kế Đô	Thái Dương
17	26	35	44	53	62	71	80	89	Thái Âm	Thái Bạch
18	27	36	45	54	63	72	81	90	Mộc Đức	Thủy Diệu

Chú ý: Các bài khấn có tên và địa chỉ để trống, các tín chủ khi thực thi dâng hương có thể photo bài khấn sau đó điền tên và địa chỉ của mình vào chỗ trống, khấn xong hóa bài khấn cùng vàng mã.

5. Dâng hương cúng tam tai thần giáng hạ

Ngoài 9 sao hàng năm chiếu mệnh kể trên, cổ nhân còn kể đến cả

thần Tam tai. Tam Tai kéo dài ba năm, được coi nặng hơn sao hạn, trong 12 năm mới có ba năm thôi.

Cách tính Tam tai như sau:

1. Tuổi Thân, Tý, Thìn gặp năm Dần, Mão, Thìn thì có Tam Tai. Năm Dần là đầu Tam Tai, năm Mão giữa Tam Tai, năm Thìn cuối Tam Tai.
2. Tuổi Dần, Ngọ Tuất gặp năm Thân, Dậu, Tuất thì có Tam Tai.
3. Tuổi Hợi, Mão, Mùi gặp năm Tỵ, Ngọ, Mùi có Tam Tai.
4. Tuổi Tỵ, Dậu, Sửu gặp năm Hợi, Tý, Sửu có Tam Tai.

Cúng thần Tam Tai: cổ nhân thường căn cứ Tam Tai rơi vào năm nào, ứng với năm đó có một ông Thần, và vào ngày nhất định hàng tháng, hướng nhất định tiến hành lễ dâng hương để giải trừ Tam Tai. Xem bảng sau đây:

Năm Tý: Ông Thần Địa Vong, cúng ngày 22, lạy về hướng Bắc.

Năm Sửu: Ông Đại Hình, cúng ngày 14, lạy về hướng Đông Bắc.

Năm Dần: Ông Thiên Hình, cúng ngày 15, lạy về hướng Đông Bắc.

Năm Mão: Ông Thiên Hình, cúng ngày 14, lạy hướng Đông.

Năm Thìn: Ông Thiên Cước, cúng ngày 13, lạy hướng Đông Nam.

Năm Tỵ: Ông Hắc Sát, cúng ngày 11, lạy hướng Đông Nam.

Năm Ngọ: Ông Âm Mưu, cúng ngày 20, lạy hướng Tây Nam.

Năm Mùi: Ông Bạch Sát, cúng ngày 8, lạy hướng Tây Nam.

Năm Thân: Ông Nhơn Hoàng, cúng ngày 8, lạy hướng Tây Nam.

Năm Dậu: Ông Thiên Hoạ, cúng ngày 7, lạy về hướng Tây.

Năm Tuất: Ông Địa Tai, cúng ngày 6, lạy về hướng Tây Bắc.

Năm Hợi: Ông Địa Bại, cúng ngày 21, lạy về hướng Tây Bắc.

Lễ cúng: trâu cau: 3 miếng, thuốc lá: 3 điếu, muối, gạo, rượu, vàng tiền, hoa, quả.

Lấy một ít tóc rối của người có hạn tam tai, bỏ vào một ít tiền lẻ, gói chung lại với gạo, muối, còn tiền vàng thì hoá, cúng tại ngã ba, ngã tư đường, vái tuổi và tên của mình, đem bỏ gói tiền, có tóc và muối gạo đó ở giữa đường mà về thì hạn đỡ.

Văn khấn giải hạn Tam Tai

Na mô A Di Đà Phật (3 lạy)

Na mô Hữu Thiên chí Tôn Kim Quyết Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy: Ông.....chị thần

(Ví dụ: Năm Tý: điền vào: Ông Địa vong chi thần).

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Tín chủ con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật làm lễ giải hạn Tam Tai thân giáng mệnh cúi xin chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì, giải trừ vận hạn, ban phúc, lộc, thọ, cho con gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang thịnh vượng.

Con xin cúi đầu chí thiết chí thành, nhất tâm bái lạy.

Cẩn tấu

6. *Đông hương tiết Thanh minh*

Theo sự tương truyền trong dân gian, Cao Cúc Khanh, nhà thơ đời Nam Tống Trung Quốc có một bài thơ về: "Thanh Minh" viết rằng: "Ở Nam Bắc Sơn có rất nhiều nghĩa trang. Thanh Minh mọi người đến cúng, tảo mộ nườm nượp. Tro tiền giấy bay như bướm trắng, nước mắt, máu nhuộm thành con chim đỏ quỳên...".

Bài thơ vẽ lên một bức tranh sinh động về phong tục đương thời - tảo mộ tiết Thanh Minh.

Từ lâu việc bàn dân thiên hạ đi tảo mộ vào dịp Tết Thanh minh hàng năm đã là một phong tục đẹp, và sử sách từ thời cổ đều có ghi chép rõ ràng. Sách "Lễ ký" đã viết: "Bậc vương giả thì tế trời đất, các chư hầu thì tế sông núi, các đại phu thì tế vua, các bậc thứ dân thì tế Tổ Tiên".

Thời Xuân Thu, dân gian có tục "ngày lành tháng tốt, cúng tế ngoài đồng". Từ thời Tần Hán lại đây, quy định cứ ngày mồng một, ngày mười rằm và ngày 24 các tháng trong năm, đều phải tế ở "mộ", lễ nghi thức tạp, vừa mê dân, vừa tốn kém tiền của. Đời Đường, vua Đường Minh Hoàng ban Thánh chỉ: "đem đồ ăn lạnh cúng trên mộ, kinh lễ không cần văn, các thế hệ truyền cho nhau để thành tục lệ mãi mãi trường tồn". Từ đó quy định vào thời gian Tết Hàn thực (3 - 3 âm lịch) nhà nhà đi tảo mộ. "Tảo mộ" bắt đầu gọi là "Mộ tế", triều Hán khá lưu hành, gọi là "Thượng mộ", "Thượng chủng", "Bái mộ". Trong "Tống sử". Đường cách truyện có câu "Mời đến Tiên Đường tảo mộ". Có thể thấy rằng "Tảo mộ" đến triều Tống mới thành tên gọi. Nhà Tống quy định tiết Thanh minh "Thái học" phải được nghỉ ba ngày. "Võ học" được nghỉ một ngày, để ai về nhà ấy tảo mộ. Thời Minh, Thanh theo ghi chép của "Yến kinh tiệc thời ký" thì Thanh minh tảo mộ, trai gái áo xiêm lộng lẫy dập dìu nhau đổ ra ngoại thành.

Người ta chọn tảo mộ vào tiết Thanh minh, bởi vào dịp này khí hậu chuyển sang ấm dần, mưa nhiều hơn, cây cỏ tốt tươi trùm kín làng

mộ, có thể làm cho mộ sụt lở, cần phải cắt cỏ và đắp thêm đất vào mộ, v.v... Trong "Thanh thông lễ" nói "tiết Hàn thực và tiết sương giáng, bái tảo nghĩa địa, mặc áo trắng đến mộ, đặt rượu, bánh và đồ cắt cỏ".

Hai việc cắt cỏ và đắp đất lên mộ, gọi là "tảo mộ". Hơn thế nữa, đây là lúc đẹp trời nhân lúc đi làm việc tảo mộ, để nhớ Tổ Tiên, có thể đi chơi ở ngoại thành ngắm cảnh, nên còn gọi là Đạp thanh. Trong "Đề kinh cảnh vật lược", người đời Minh viết có nói: "Ngày Thanh minh tháng 3, nam nữ tảo mộ, đem theo mâm cài đầu, cành liễu, đi chơi cầu Cao Lương, gọi là Đạp thanh" nên tiết Thanh minh còn được gọi là "tiết Đạp thanh".

Và theo ghi chép, thời Xuân Thu, Giới tử Thôi nước Tấn bị đốt cháy trước tiết Thanh minh một ngày (tiết Hàn thực (ăn lạnh)). Mọi người để tưởng nhớ vị hiền nhân này đã quyết định cấm đốt lửa ba ngày, không hút thuốc, không ăn uống, đồng thời cúng tế, tảo mộ. Do tiết Hàn thực cận kề với Thanh minh, hơn nữa Thanh minh lại là tiết "dâng cơm", cho nên tiết Hàn thực và Thanh minh được gọi chung là "tiết Bái tảo".

Trong xã hội cũ, tảo mộ thường thường mang thêm yếu tố mê tín. Gần đây tảo mộ biến thành hoạt động tưởng nhớ những người chết, những liệt sĩ cách mạng...

Còn ở Việt Nam, tiết Thanh minh cũng được tổ chức vào tháng ba, đây cũng là một dịp lễ hội truyền thống của người Việt Nam.

*"Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh".*

(Nguyễn Du)

"Tảo mộ" hay "Thanh tảo", đó là dịp nhân tiết trời tháng ba trong xanh, quang đãng, mát mẻ mọi người ra đồng, ra nghĩa trang thăm mộ phần của gia đình mình, lễ cáo long mạch thổ thần và về cúng Gia Thân, Gia Tiên trong nhà.

Tục ấy từ xa xưa, đã đi vào trong áng văn học bất hủ - "Truyện Kiều" của thi hào dân tộc Nguyễn Du, ngày nay người Việt Nam vẫn

giữ phong tục ấy. Đó cũng là một nét đẹp văn hoá và đạo lý truyền thống của Việt Nam.

Vào dịp tiết Thanh minh, trước khi đi tảo mộ, người ta thường sắm một lễ mặn nhỏ gồm: hương, đèn (nến), trầu cau, tiền vàng, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hoặc đơn giản thì một khoanh giò nạc độ vài lạng) và hoa, quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có mộ phần của gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào Am, Miếu chung; nếu ở đó không có Am, Miếu chung thì mang theo một cái đôn (ghế) rồi đặt mâm lễ vật lên trên.

Gia chủ thắp đèn, nhang, vái ba vái các vị Linh thần Thổ Địa rồi khấn.

Nếu văn khấn viết ra giấy thì đọc xong, hoá (đốt) ngay cùng tiền, vàng.

Trong khi đợi hết tuần nhang dâng Thổ Địa thì mọi người trong gia đình đi viếng thăm các ngôi mộ của gia đình mình; thấy cỏ rậm, cây mọc che quá nhiều thì phát quang đi, đắp thêm mấy vầng đất tôn cao mộ phần, rồi thắp lên mộ mấy nén nhang. Đứng trước ngôi mộ mà vái ba vái, rồi khấn.

Sau khi tảo mộ xong thì quay về làm lễ Gia Thần, Gia Tiên ở nhà.

Văn khấn Gia Thần, Gia Tiên có thể sử dụng mẫu văn khấn chung ngày tuần, tiết, sóc, vọng.

—

Văn khấn lễ âm phần long mạch, Sơn Thần Thổ Phủ tiết Thanh minh

(Bài này dùng cho con cháu ra thăm viếng mộ, thắp hương hoặc tảo mộ, đắp mộ, xây mộ hay các ngày Thanh minh, Nguyên đán để xin phép các vị Thần Linh ở khu mộ, sau đó mới tiến hành làm).

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- *Hoàng thiên Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.*

- *Các ngài Thần Linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.*

Hôm nay là ngày.....

Tín chủ con là.....

.....

Ngụ tại:

.....

Nhân tiết Thanh minh.

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án, kính mời chư vị Tôn thần lai lâm chiếu giám.

Tình cơ chỉ vì: chúng con có ngôi mộ của

.....

Táng tại xứ này, nay muốn sửa sang xây đắp (hoặc tảo mộ, bốc mộ...) vì vậy chúng con xin kính cáo các đấng Thần minh, Thổ Công, Thổ Phủ long mạch, tiên Chu tước, hậu Huyền vũ, tả Thanh long, hữu Bạch hổ và Liệt vị Tôn thần cai quản ở trong

khu vực này. Thiết nghĩ: Tôn thần thông minh chính trực, đức lớn công cao, nhân từ hiếu sinh, hộ nhân giúp vật, nay xin thương xót tín chủ chúng con, tôi đây chúng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho vong linh được an nhàn yên ổn, siêu thoát u đồ. Lại phù trì cho tín chủ chúng con toàn gia mạnh khỏe an ninh, tám tiết bốn mùa thịnh vượng, khiến cho tất cả đều được thắm nhuần, tắm gội ánh quang của chư vị phúc thần.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

Văn khấn lễ vong linh ngoài mộ tiết Thanh minh

(Dùng trong các ngày tảo mộ, đắp mộ, xây mộ hoặc thăm viếng mộ...)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy hương linh.....

(Hiển khảo, Hiển tỷ hoặc Tổ khảo).....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ là.....

Nhân tiết.....

Chúng con và toàn thể gia đình con cháu, nhờ công ơn võng cực, nền đức cao dày, gây dựng cơ nghiệp của..... chạnh lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng, cáo yết Tôn thần, hiến cúng hương linh..... Lại xin sửa sang phần mộ, bồi xa, bồi thổ, cho được dầy bền, tu sửa minh đường hậu quỷ cho thêm vững chắc. Nhờ ơn Phật Thánh phù trì, đội đức trời che đất chở, cảm niệm Thần Linh phù độ, khiến cho được chữ bình an, âm siêu dương thái. Con cháu chúng con xin vì hương linh... phát nguyện tích đức tu nhân, làm duyên, làm phúc, cúng dâng Tam Bảo, giúp đỡ cô nhi quả phụ, tế bản cứu nạn, hiếu thuận tông nhân để lấy phúc này hướng về tiên tổ.

Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì con cháu, qua lại soi xét cửa nhà. Che tai cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điểm lành mang đến, điểm dữ xua đi. Độ cho gia đạo hưng long, quế hộc tươi tốt, cháu con vui hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn cáo

7. Đâng hương tiết Hàn thực ngày 3 tháng 3

Thời cổ đại, trước ngày Thanh minh một ngày là tết Hàn thực. Vào ngày này, nhà nhà đều cấm lửa, khói. Mọi người chỉ ăn những món ăn nguội đã làm sẵn từ trước.

Tiết Hàn thực cấm lửa, dân gian truyền miệng nó bắt nguồn từ việc kỷ niệm Giới Tử Thôi. Thời Xuân Thu, Tấn Văn Công cùng Giới Tử Thôi lưu vong các nước tới 19 năm. Vào lúc khó khăn nhất, Giới Tử Thôi đã từng cắt thịt ở bắp chân mình để cho Tấn Văn Công ăn khỏi chết đói. Về sau, Tấn Văn Công phục quốc, lên làm vua, phong thưởng các quân thần cũ, nhưng lại quên mất Giới Tử Thôi. Sau đó được người nhắc, Văn Công hối hận mãi, vội sai người đi mời Giới Tử Thôi đến nhận phong của vua. Nhưng Giới Tử Thôi không cần công lộc, cùng mẹ già lên Miên Sơn ở ẩn. Tấn Văn Công biết việc này cho người đốt núi, buộc ông phải ra. Nhưng Giới Tử Thôi cuối cùng không ra và chết cháy trên núi Miên Sơn. Sau việc này, Tấn Văn Công khóc mãi không thôi, hạ lệnh trước ngày Giới Tử Thôi chết cháy, mọi nhà phải cấm không được đốt lửa, chỉ cho phép ăn những thứ lạnh nguội, hàng năm phải cúng tế. Thế là dần dần hình thành tết Hàn thực.

Câu chuyện này đến nay vẫn còn lưu truyền. Nhưng chúng ta ngược dòng lịch sử, tìm kiếm căn cội cội nguồn, có thể thấy tết Hàn thực cấm lửa không phải bắt nguồn từ việc kỷ niệm Giới Tử Thôi, mà là bắt nguồn từ phong tục "cải hoả" của xã hội nguyên thủy, từ đó mà phát triển thành chế độ cấm lửa ở xã hội nô lệ.

Thời kỳ thị tộc nguyên thủy, lửa là của cải chung của loài người, nó có tác dụng và địa vị vô cùng quan trọng trong sản xuất và đời sống của con người, người ta rất sùng bái lửa. Lúc ấy, hễ đến khi "hết thời gạo cũ, có thóc gạo mới thì phải "cải hoả" (thay lửa). "Thay lửa" chính là tắt lửa cũ, châm lửa mới. Thời cổ người ta lấy lửa bằng cây gỗ, gỗ dùng để lấy lửa thì bốn mùa đều thay đổi. Mùa xuân thì dùng cây Du, Liễu; mùa hạ thì dùng cây Táo, Hạnh. Mùa thu thì dùng cây Lịch,

Đậu. Mùa đông thì dùng cây Hoè, Thông. Một năm một vòng. Việc thay đổi lửa theo một vòng như thế dần trở thành tục lệ từ thời Chu. Đến đời Xuân Thu, "thay lửa" là việc làm thường lệ hàng năm. Về sau, mọi người đều nhận thấy, bốn mùa đều thay lửa thì quá phiền, bận rộn, cho nên từ sau đời Tần Hán, liền cố định việc "thay lửa" vào mùa xuân. Trong xã hội có giai cấp, lửa cũng là thứ của cải giống các loại của cải khác, được giai cấp thống trị coi là tượng trưng của quyền lực. Vì thế bắt đầu từ xã hội nô lệ trở đi, trước lễ "thay lửa", dân gian đều ngừng các ngọn lửa, đó chính là hình thành tục lệ "hoả cấm" (cấm lửa). Như vậy nhà nhà đều cấm lửa, vì thế không thể không ăn các món ăn nguội lạnh.

Vì sao tiết Hàn thực sẽ tiêu vong?

Đời đầu Đông Hán, tiết Hàn Thực vào lúc rét đậm, cuối đời Đông Hán chuyển sang ngày thứ 105 sau ngày đông chí, tức là trước ngày Thanh minh 2 ngày. Thời kỳ đầu tiên, thời gian tiết Hàn thực kéo dài 1 tháng, về sau đổi thành 3 ngày, ngày Thanh minh cộng với trước một ngày, sau một ngày và cuối cùng chỉ còn một ngày, đó là ngày Thanh minh.

Tiết Hàn Thực vì sao lại từ 1 tháng giảm xuống còn 3 ngày và cuối cùng còn một ngày? Đến sau đời Tống có xu thế bị mất đi? Vốn là, quy mô của tiết Hàn thực mang tính cả nước chỉ có tết Đoan ngo (mùng 5 tháng 5) và lễ hội đua thuyền rồng mới sánh kịp. Nhưng Tết Đoan ngo ăn bánh chưng, mọi người được ăn, lại vui vẻ, còn Tết Hàn Thực thì mọi người phải chịu khổ, ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí nguy hiểm đến tính mệnh. Trong đời sống thực tiễn, dần dần nhân dân thấy cái cực đoan của nó, từ đó ghét và bỏ đi. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thấy được một số người có tri thức đứng ra cấm chỉ, cũng có tác dụng tích cực, giống như trên quê hương Giới Tử Thôi, quận Thái Nguyên người ta đã kiên quyết chống lại thảm cảnh của một tháng cấm lửa: "già trẻ đều không chịu nổi, người nhiều tuổi bị chết...". Đến đời Đông Hán, Thích Sử Chu Tử ở Tịnh Châu khuyên mọi người ăn

nóng, "thay đổi phong tục". Về sau Tào Tháo, vào năm Kiến An thứ 11 (năm 26 sau công nguyên) đã ra "Minh phạt lệnh" nhằm thay đổi phong tục ăn nguội (Hàn thực). Lệnh này có lợi đối với trăm dân ở Tịnh Châu và Tào Tháo được người đời ghi nhớ.

Mặc dù đến đời Đường, triều đình lại hạ lệnh thực hiện tết Hàn thực. Trong thơ của Lý Thương Ẩn, Trương Huệ, Trương Tịch đều nói đến việc này, chứng tỏ triều đình nhà Đường rất coi trọng sự kiện này. Điều này có thể xuất phát từ chỗ các quý tộc nhà Đường quen với bánh trái ngọt, chán mỡ béo, muốn lấy tết Hàn thực để điều chỉnh khẩu vị, nhưng tục lệ không có lợi này từ sau đời Tống trở đi đã bị xã hội đào thải.

Văn khấn được áp dụng chung với các bài văn khấn vào các tuần tiết sóc vọng.

8. *Dâng hương tiết Đoan ngọ* (05/âm lịch - Tết giết sâu bọ)

Tết Đoan ngọ hay còn được gọi là tiết *Đoan dương* cũng chính là "*tết giết sâu bọ*" theo cách nói dân gian Việt Nam, được tiến hành vào ngày mùng 5 tháng 5 Âm lịch hàng năm.

Tết Đoan ngọ là một lễ tết lớn của người Việt Nam, người Trung Hoa... được tiến hành vào giữa trưa (chính giờ Ngọ) ngày mùng 5 tháng 5 (Ngọ) lịch Can chi. Tết này cũng có tên gọi là tết Đoan dương, Đoan ngũ hay Trùng ngũ. Xuất xứ của lễ tục này như sau:

Cách nay hơn 2000 năm, tại nước Sở Trung Hoa cổ đại, có vị quan Tả Phù là Khuất Nguyên (340 - 278 trước công nguyên) can ngăn vua Sở Hoài Vương không được, mà lại bị dèm pha, bị cách chức xuống làm thứ dân. Khuất Nguyên có người chị gái tên là Tu đi lấy chồng xa, nghe tin như vậy bèn trở về thăm em. Thấy Khuất Nguyên tóc thì bỏ xoã, mặt mày nhem nhuốc, hình dung hốc hác, vừa đi vừa ngâm thơ ở bờ sông, bèn bảo rằng:

- Vua Sở đâu không nghe lời em, mà em như thế là đã hết lòng rồi, còn lo nghĩ làm gì? May mà nhà còn có ruộng, sao chẳng hết sức cày cấy để tự nuôi mình mà hưởng hết tuổi trời?

Khuất Nguyên không muốn trái ý chị, bèn mang cày đi cày. Người trong làng thương Nguyên có lòng trung, đua nhau giúp sức. Hơn một tháng, người chị ra đi.

Nguyên than rằng:

- Việc vua Sở đã đến thế này ta không nỡ thấy tôn miếu bị diệt vong!

Thế rồi một ngày kia, Khuất Nguyên dậy sớm, ôm một hòn đá tự đìm mình xuống sông Mịch La mà chết. Hôm ấy chính là ngày mồng 5 tháng 5. Người làng nghe Nguyên trầm mình, đua nhau chèo thuyền nhỏ ra sông cứu thì không kịp nữa, bèn làm bánh nếp có góc ném xuống dòng sông để tế. Từ đó, có tục đua thuyền rồng ở vùng Ngô Sở.

Mảnh ruộng Khuất Nguyên cày cấy, sau gạo trắng như ngọc, nên gọi là "ruộng gạo ngọc", còn tên làng gọi là "Tỷ quy" (làng chị về).

Ngày 5 là ngày cực dương trong năm, tháng Năm cũng vậy. Do đó có tên gọi là Đoan dương.

Theo lịch cổ thì ngày mồng 5 tháng 5 là ngày vận xuân đã hết, vận hạ chuyển sang. Sự chuyển tiết giữa hai mùa Xuân - Hạ dễ gây ra bệnh "*thời khí*" ở con người. Sâu bọ, côn trùng cũng được dịp phát triển, gây bệnh tật cho con người, vật nuôi và cây trồng hữu ích. Bởi vậy, vào tiết này người ta làm lễ dâng hương cúng bái cầu cho tai qua nạn khỏi, được mùa; cầu cho sâu bọ có hại bị tuyệt diệt, đem lại điều lành cho mọi người. Thế nên mới có cái tên là "Tết giết sâu bọ". Thật đúng ý nghĩa của một cái Tết đối với dân nông nghiệp xứ ta.

Với ý nghĩa là "Tết giết sâu bọ", vào dịp tiết Đoan ngọ người ta "lấy lá ngón nhuộm các đầu móng tay móng chân (trừ ngón trỏ); ăn rượu nếp, trứng luộc, cháo chè kê, bánh đa và các loại hoa quả chua chát. Có nơi người lớn uống rượu xương bồ, trẻ em bôi thuốc hùng hoàng vào thóp đầu, ngực và rốn gọi là "*trừ trùng*". Một số vùng nông thôn còn lấy lá ngải cứu kết hình rồng rắn treo ở cửa, lại uống nước ích mẫu, mâm xôi, côi xay, lá vôi vào giờ Ngọ (giữa trưa). Người mê tín thì kết bùa bằng chỉ màu hình hoa sen, quả khế đeo vào cổ trẻ em. Lại

không ít người mang áo vàng đến xin "dầu ấn" cửa Phật, mong ma quỷ, bệnh ác đừng quấy rầy".

(Lịch văn hoá Việt Nam. 1989 - 1955, do Trần Độ chủ biên. Trang 349).

Tết Đoan ngọ của người Việt Nam, ngoài ý nghĩa là một cái Tết giữa năm, chuyển mùa Xuân - Hạ, chữa bệnh trừ tà như nói ở trên mà còn là dịp để các gia đình Việt Nam tưởng nhớ Tiên tổ, làm lễ dâng hương trong mỗi gia đình.

Đặc trưng của lễ vật dâng cúng Gia Thần và Gia Tiên vào dịp tết Đoan ngọ là các loại quả chua chát như mận, khế, đào, v.v... cùng các món ăn truyền thống dân tộc như rượu nếp, cháo chè kê, bánh đa, v.v...

Các phẩm vật trên đây được dâng cúng Gia Thần và Gia Tiên vào buổi sớm lúc mặt trời mới mọc hoặc vào giữa trưa.

Văn khấn: áp dụng bài văn khấn vào các ngày tuần tiết sóc vọng, đến câu "Nhân tiết... thì thêm vào: Nhân tiết mùa hạ, Đoan ngọ tới ngày.

9. Dâng hương tiết Khuất xảo vào ngày 7 tháng 7

Ngày 7/7 âm lịch hàng năm, dân gian gọi là tiết Khuất xảo (xin điều may mắn, giỏi nghề). Phụ nữ trong đêm ấy, phải xin sao Chúc Nữ ban cho trí tuệ và sự giỏi giang. Tục truyền từ thời cổ có chàng Ngưu Lang lương thiện nhưng nghèo khổ, cha mẹ mất từ nhỏ, sống cùng với anh trai và chị dâu. Không ngờ chị dâu bụng dạ độc ác, bắt Ngưu Lang phải làm việc nặng nhọc kể cả những việc bẩn thỉu, không cho ăn no, mặc ấm, khi chia gia tài cho em ra ở riêng, chị dâu chiếm hết ruộng vườn nhà của cha mẹ để lại. Ngưu Lang chỉ được chia một con trâu già và nhờ có con trâu già mà lấy được nàng tiên ở thượng giới là Chúc Nữ làm vợ. Rồi sinh hạ được con trai, con gái, sống cuộc sống gia đình ngày càng hạnh phúc với cảnh "chồng cày cấy, vợ dệt vải". Sau khi

Vương Mẫu nương nương biết chuyện, cử thiên tướng, thiên binh đi bắt Chức Nữ về. Ngưu Lang gánh hai con đuổi theo lên trời. Vương Mẫu nương nương thấy vậy, liền lấy chiếc trâm vàng vạch một đường, lập tức xuất hiện một dải Ngân Hà ngăn cách Ngưu Lang với Chức Nữ đời đời kiếp kiếp. Nhưng rồi hàng năm vào đêm của ngày 7 tháng 7 âm lịch, Phượng Hoàng tụ tập hết giống quạ đen dưới trần bay lên Ngân Hà nối nhau bắc cầu Ô Thước cho vợ chồng Ngưu Lang - Chức Nữ gặp nhau.

Vào buổi tối này, phụ nữ cầu chúc cho Ngưu Lang và Chức Nữ hạnh phúc và xin trí tuệ, sự khéo léo của Chức Nữ. Cho nên ngày mồng 7 tháng 7 âm lịch được gọi là ngày Khuất xảo. Thời cổ người ta rất coi trọng tết Khuất xảo. Thoạt tiên người ta chăng đèn kết hoa dựng lầu Khuất xảo. Trẻ con, em gái đều mặc áo mới. Rồi "giăng cắm tú, bày tiệc rượu hoa quả, thắp hương ở ngoài sân", mọi người ngắm trăng sao, lần lượt vái, lạy hai sao Ngưu Lang, Chức Nữ. Sau đó mới chính thức Khuất xảo. Cách mà các phụ nữ Khuất xảo có nhiều. Như "Bốc xảo" là tự đoán xem mình tương lai dốt hay giỏi. Trong "Khai nguyên Thiên Bảo di sự" có chép: "Đường Huyền Tông cùng các phi tần, mỗi khi đến tối mồng 7 tháng 7, khi thiết dạ yến ở cung Hoa Thanh, các cung nữ bắt con nhện nhỏ bỏ vào hộp của mình, sáng sớm hôm sau xem độ dày, thưa của tơ giăng hoặc độ tròn của mạng nhện để đoán xem là được bao nhiêu tài nghệ may mắn. Vào trưa ngày 7 tháng 7 người ta lại ngắt "mâm khéo léo" (mâm đậu) ném vào nước. Dưới ánh nắng, mâm khéo léo của ai có cái bóng giống cái kim, cái kéo, đoá hoa, con chim, v.v... thì tay người đó sẽ trở lên khéo léo, giỏi giang hơn. Còn có cách dùng 7 cây kim, 5 sợi chỉ ngũ sắc luồn vào kim vòng tròn, ai luồn nhanh thì khéo léo, của người đó sẽ nhiều hơn. Điều thần kỳ là trong đêm khuya vắng, khi mọi cái đều tĩnh mịch người ta lặng lẽ đến bên giếng cổ hoặc dưới giàn nho, tĩnh lặng nghe ngóng. Nếu như có thể nghe được tiếng nức nở của Ngưu Lang và Chức Nữ, thì có thể xin được sự khéo léo.

Xin sự khéo léo có thể khiến người ta sáng mắt sáng lòng, tay nghề tinh thông. Một khi đã trở thành tục lệ chúng tỏ nguyện vọng mãnh liệt phụ nữ muốn hoàn thiện kỹ năng, sự thông minh, trí tuệ, tình yêu cuộc sống. Tất nhiên để có được sự khéo léo phải cần cù khổ luyện và thông qua lao động mới thành.

10. Đăng hương tiết Trung nguyên (15/7)

Tiết Trung Nguyên còn có những tên gọi khác như tết Vu lan, Vũ lâm hoặc gọi nôm na như dân ta thường nói là "ngày xá tội vong nhân", được tiến hành vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hàng năm.

Tiết Trung nguyên của Việt Nam vừa có những yếu tố thuộc nguồn gốc văn hoá Ấn Độ (qua Phật giáo) vừa có những yếu tố thuộc nền văn hoá, tín ngưỡng Trung Hoa.

Người Việt Nam xưa theo tín ngưỡng Trung Hoa, vào dịp Tết Trung nguyên có làm lễ tế thần Vũ Lâm, "âm - dương chuyển vận sứ". Ngày nay không thấy phổ biến lễ tế ấy.

Dù xuất xứ từ đâu, với người Việt Nam, tiết Trung nguyên là tiết của dịp "xá tội vong nhân" nơi địa phủ. Người dân thường có tín ngưỡng cho rằng vào dịp mười rằm tháng bảy hàng năm thì mọi tội nhân, trong đó có những vong linh của gia đình, tộc họ mình, đang bị giam cầm nơi địa ngục được dịp ra khỏi âm phủ lên dương gian.

Nhân dịp này các gia đình làm lễ đăng hương, cúng các đồ hàng mã cho các người thân của gia đình mình như: quần áo, mũ, giày, tiền hàng, v.v...

Ngày nay nhiều người còn cúng cả xe máy, nhà ở, ô tô... (bằng hàng mã) cho các vong linh!

Nhân dịp này tại các chùa cũng thường có tổ chức đăng hương lớn.

Dù là cúng đăng hương tại gia hay tại các Chùa người ta cũng đều không quên cúng các vong linh "không nơi nương tựa" hay còn gọi là cúng các "cô hồn" vật phẩm là những thứ rẻ tiền rẻ tiền, những đồ

ăn của người nghèo như: cháo hoa múc ra các lá đa hoặc để cả nồi, khoai lang luộc, ngô rang, bánh đa, đĩa muối, đĩa gạo, tiền vàng, v.v...

Cúng các cô hồn không nơi nương tựa cũng được gọi là "cúng chúng sinh", được tiến hành ngoài trời, ngoài cửa chứ không cúng trong nhà.

Cúng chúng sinh là thể hiện đạo đức từ bi của con người nhân dịp "xá tội vong nhân".

Khác với cúng dâng hương lúc giao thừa là cúng từ ngoài trời trở vào cúng trong nhà, *cúng dâng hương nhân dịp rằm tháng bảy lại cúng từ trong nhà ra ngoài trời: cúng Gia Thần, cúng Gia Tiên và cuối cùng mới cúng chúng sinh.*

Những điều cần chú ý khi thực thi lễ:

1) Nếu viết văn khấn ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong liền hoá (đốt) văn khấn.

2) Cuối tuần hương, thắp thêm mấy nén nữa rồi hoá các đồ hàng mã dâng cúng.

3) Các đồ hàng mã này cần được chia ra làm nhiều lễ cho mỗi vong linh của gia đình, hoặc nếu để chung thì phải ghi rõ họ tên của mỗi vong linh vào đồ lễ. Khi hoá, phải hoá riêng các lễ và khấn mỗi lần hoá lễ như sau:

"Con xin thiêu hoá vàng, tiền, quần áo, v.v..."

Thỉnh vong linh... nhận chút lễ bạc.

Tâm thành, kính cáo tôn thần, xin rước vong linh lại về âm giới".

Dâng hương lễ cô hồn chúng sinh: Văn khấn cô hồn thường rất dài, có khi tới 184 câu như trong "văn tế cô hồn thập loại chúng sinh" của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Hoàn cảnh tạo ra các cô hồn rất khác nhau, nhiều khi rất trái ngang, văn lễ và văn tế các cô hồn, các chúng sinh đã mô tả các hoàn cảnh ấy. Khi đọc lên gây xúc động lòng người, mang ý nghĩa giáo dục tình thương đồng loại rất sâu sắc.

Nhiều bài văn khấn mang tính dân dã, dễ hiểu, ít từ ngữ và điển

tích cổ. Còn trong các bài văn tế do các bậc túc nho, trí giả soạn ra thường mang tính "bác học", có nhiều từ ngữ và điển tích cổ. Loại này dù áng văn rất đẹp, trau chuốt nhưng rất khó phổ biến trong quần chúng. Sau đây chúng tôi lựa chọn bài văn khấn của đại thi hào Nguyễn Du, bởi lẽ trên mặc dù tuy có dài, song thấy rằng ông đã mô tả rất đầy đủ các hoàn cảnh trái ngang của các cô hồn.

Văn khấn lễ Thần Linh ngày rằm tháng bảy

(Tại nhà)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

- Đức Mục Kiền Liên Tôn Giả.

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm...

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án.

Chúng con thành tâm kính mời:

Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát; Ngài Mục Kiền Liên Tôn Giả.

- Chúng con thành tâm kính mời Ngài Kim Niên Đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần, Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương, Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa, Ngài Bản gia Táo quân và tất cả các vị Thần Linh cai quản trong khu vực này.

Cúi xin các ngài giáng lâm án tọa, xét soi chúng giám. Nay gặp tiết Vu lan ngày vong nhân được xá tội. Chúng con đội ơn Tam bảo Phật trời phù hộ, Thần Linh các đấng chở che, công đức lớn lao nay không biết lấy gì đền báo. Do vậy, kính dâng lễ bạc, giải tỏ lòng thành nguyện mong nạp thụ. Phù hộ độ trì cho chúng con và cả gia đình, người người mạnh khỏe, già trẻ bình an hướng về chính đạo. Lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long. Cúi giải thoát oan khiên thưa trước, lại cúng chiếu để tìm điều tốt đẹp cho đời sau.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn cáo

Văn tế khấn lễ tổ tiên ngày rằm tháng Bảy

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Tổ Tiên nội ngoại và chư vị hương linh!

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm...

Gặp tiết Vu lan vào dịp Trung nguyên, nhớ đến Tổ tiên ông bà cha mẹ đã sinh thành ra chúng con, gây dựng cơ nghiệp, xây đắp nền nhân, khiến nay chúng con được hưởng âm đức. Do vậy cho nên nghĩ đức cù lao khôn báo, cảm công trời biển khó đền. Chúng con sửa sang lễ vật, hương hoa kim ngân và các thứ lễ nghi bày trước linh tọa. Thành tâm kính mời:

Các cụ Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Bá thúc đệ huynh, cô dì tỷ muội và tất cả hương hồn trong nội tộc, ngoại tộc của họ...

Cúi xin thương xót con cháu, linh thiêng giáng về linh sàng chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho con cháu mạnh khỏe bình an, lộc tài vượng tiến gia đạo hưng long, hướng về chính giáo.

Tín chủ lại mời: các vị vong linh y thảo phụ mộc, phảng phất ở trong đất này. Nhân lễ Vu lan giáng tới linh tọa, chiêm ngưỡng tôn thần, hâm hưởng lễ vật, độ cho tín chủ muôn sự bình an, sở cầu xúng ý.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn cáo

Văn khấn cô hồn chúng sinh

Bài 1: Văn tế cô hồn thập loại chúng sinh của đại thi hào
Nguyễn Du

Na mô A Di Đà Phật.

Kính lạy: Đức địa tạng vương Bồ Tát.

Đức mục Kiến liên Tôn giả

Kính lạy: Ngài bản cảnh Thành hoàng

Ngài bản xứ Thần Linh Thổ Địa.

Ngài bản gia Táo quân và tất cả

các vị Thần Linh cai quản trong xứ này.

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:.....

*Nhân ngày xá tội vong nhân ngày 15 tháng 7 tín chủ con xin
làm lễ tế các cô hồn.*

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt

Toát hơi may lạnh buốt xương khô

Não người thay, buổi chiều thu

Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô ⁽¹⁾ rụng vàng

Đường bạch dương bóng chiều man mác,

Dịp đường lê ⁽²⁾ lác đác sương sa

Lòng nào lòng chẳng thiết tha,

Cõi dương còn thế nữa là cõi âm

Trong trường dạ ⁽³⁾ tối tăm trời đất

Có khôn thiêng phảng phất u minh ⁽⁴⁾

Thương thay thập loại chúng sinh

Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người
 Hương lửa đã không nơi nương tựa
 Hồn mồ côi lần nữa đêm đen
 Còn chi ai quý ai hèn
 Còn chi mà nói ai hiền ai ngu?
 Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
 Nước tịnh đàn⁽⁵⁾ rưới hạt dương chi⁽⁶⁾
 Muốn nhờ đức Phật từ bi
 Giải oan cứu khổ, hồn về Tây Phương⁽⁷⁾
 Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh
 Chỉ những lăm cướp gánh non sông.
 Nói chi những buổi tranh hùng,
 Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau.
 Bỗng phút dẫu mưa sa ngồi lở
 Khôn đem mình làm đũa sắt phu⁽⁸⁾
 Lớn sang giàu, nặng oán thù,
 Máu tươi lai láng, xương khô rã rời
 Đoàn vô tự⁽⁹⁾, lạc loài nheo nhóc
 Quỷ không đầu, đờn khóc đêm mưa.
 Cho hay thành bại là cơ
 Mà cô hồn biết bao giờ cho tan
 Nào những kẻ màn lan trướng huệ.
 Những cây mình cung quế Hắc Nga.
 Một phen thay đổi sơn hà,
 Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?
 Trên lầu cao, dưới cầu nước chảy,
 Phận đã dành trăm gẩy bình rơi⁽¹⁰⁾
 Khi sao đông đúc vui cười,

Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.
Đau đớn nhẽ! Không hương không khói.
Luống ngẩn ngơ, dòng suối, rừng sim.
Thương thay chân yếu tay mềm,
Càng năm càng yếu, một đêm một rầu.
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son, thác sống ở tay.
Kinh luân găm một túi đầy⁽¹¹⁾
Đã đêm Quán Nhạc, lại ngày Y, Chu⁽¹²⁾
Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma, mỗ nắm chung quanh.
Nghìn vàng khôn đổi được mình.
Lầu ca, viện hát, tan tàn còn đâu?
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước.
Biết lấy ai bát nước nén nhang?
Cô hồn thất thiếu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh
Kìa những kẻ bài binh bố trận,
Dẫn mình vào cướp ấn nguyên nhung
Gió mưa sấm sét ùng ùng.
Dãi thây trăm họ, làm công một người
Khi thất thế tên rơi lạc đạn
Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
Mệnh mông góc bể bên trời,
Năm xương vô chủ biết nơi chốn nào?
Trời xây xắm, mưa gào gió thét
Khí âm huyền⁽¹³⁾ mờ mịt trước sau
Ngàn cây nội cỏ rầu rầu,

Nào đâu điều tể, nào đâu chưng thường ⁽¹⁴⁾?
 Cũng có kẻ tính đường trí phú ⁽¹⁵⁾
 Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn
 Ruột rà không kẻ chí thân,
 Dầu làm nên, để dành phần cho ai?
 Khi nằm xuống, không người nhấc nhủ,
 Cửa phù vân ⁽¹⁶⁾, dầu có như không
 Sống thời tiền chảy, bạc rông
 Thác không đem được một đồng nào đi.
 Khóc ma mướn, thương gì hàng xóm
 Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đêm ⁽¹⁷⁾
 Ngẩn ngơ trong quăng đường chiêm
 Nén hương giọt nước biết tìm vào đâu?
 Cũng có kẻ sắp cầu chữ quý,
 Dấn mình vào thành thị lân la
 Máy thu lia cửa, lia nhà,
 Văn chương đã chắc đâu mà chen chân,
 Dọc hàng quán phải tuần muta nắng
 Vợ con nào nuôi nấng, khem kiêng
 Vội vàng liệm sắp, chôn nghiêng
 Anh em thiên hạ, lảng giếng người đương.
 Bóng phần tử, xa chường hương khúc ⁽¹⁸⁾
 Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.
 Cô hồn nhờ gửi tha hương
 Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng.
 Cũng có kẻ vào sông ra bể,
 Cánh buồm bay chạy xế gió đông.
 Gặp cơn giông tố giữa dòng.

Đem thân chôn rấp vào lòng kinh nghệ⁽¹⁹⁾

Cũng có kẻ đi về buôn bán,

Đòn gánh tre chín rạn hai vai

Gặp cơn mưa nắng giữa trời

Hồn đường phách sá, lạc loài nơi nao?

Cũng có kẻ mắc vào khóa lính

Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan.

Nước khe, cơm ống gian nan

Dãi dầu nghìn dặm, lấm than một đời.

Buổi chiến trận, mạng người như rác

Phận đã đành đạn lạc tên rơi.

Lập lòe ngọn lửa ma trời⁽²⁰⁾

Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương.

Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,

Liều tuổi xanh, buôn nguyệt bán hoa.

Ngẩn ngơ khi trở về già

Ai chồng con tá biết là cây ai?

Sống đã chịu một đời phiền não,

Thác lại nhờ hộp cháo lá đờ⁽²¹⁾

Đau đớn thay phận đàn bà

Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu?

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,

Dối thàng ngày hành khát ngược xuôi

Thương thay cũng một kiếp người

Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan.

Cũng có kẻ mắc oan tù rạc⁽²²⁾

Gửi mình vào chiếu lác một manh

Nằm xương chôn rấp góc thành.

Kiếp nào cõi được oan tình ấy đi?
Kìa những kẻ tiểu nhi tám bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha,
Lấy ai bồng bế vào ra,
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng?
Kìa những kẻ chìm sông, lạc suối,
Cũng có người sẩy cối, ngã cây.
Có người leo giếng đứt giây,
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn tinh, thủy quái
Người thì vương nanh khải ngà voi.
Có người có đẻ không nuôi.
Có người sa sẩy, có người vong thương.
Gặp phải lúc đi đường nhỡ bước.
Câu "nại hà" ⁽²³⁾ kẻ trước người sau
Mỗi người một nghiệp khác nhau,
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi.
Hoặc là nương ngọn suối chân mây
Hoặc là bãi cỏ bóng cây
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ
Hoặc là nương Thần từ Phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong khoảng đồng không
Hoặc nơi gò đống, hoặc vùng lau tre,
Sống đã chịu nhiều bề thảm thiết
Ruột héo khô da rét căm căm
Dãi dẫu trong mấy mươi năm.

Thở than dưới đất, ăn nằm trong sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời lặn thần tìm ra.
Lời thôi bông trẻ dặt già
Có khôn thiêng nhẽ, lặn mà nghe kinh.
Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ
Phóng hào quang cứu khổ, độ ư⁽²⁴⁾
Rắp hòa tứ hải quần chu⁽²⁵⁾
Nào phiền rũ sạch, oán thù rửa trong
Nhờ đức Phật thần thông quảng đại
Chuyển Pháp luân tam giới thập phương
Nhơn nhơn Tiêu Diện đại vương
Linh kỳ một lá, dẫn đường chúng sinh.
Nhờ phép Phật uy linh dững mãnh
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao
Mười loài là những loài nào,
Gái trai già trẻ, đều vào nghe kinh
Kiếp phù sinh như hình bào ảnh⁽²⁶⁾
Có chữ rằng "vạn cảnh giai không"⁽²⁷⁾
Ấy ai lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi,
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,
Của có chi? Bát cháo nén hương,
Gọi là manh áo thời vàng,
Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên
Ai đến đây, dưới trên ngồi lại,
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu.
Phép thiêng biến ít thành nhiều,

Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh.
 Phật hữu tình từ bi phổ độ
 Chớ ngại rằng; có có không không.
 Na mô Phật, Na mô Pháp, Na mô Tăng.
 Na mô! Nhất thiết siêu thắng thượng đài

Cẩn cáo

Chú thích:

- (1). **Lá ngô:** lá cây ngô đồng. Ý chỉ mùa thu đến
- (2). **Đường lê:** loại cây gỗ, mùa hè có tán lá xum xuê, hoa trắng, thường trồng làm cây bóng râm trên đường, đến thu, đông thì rụng lá còn trơ cành.
- (3). **Trường dạ:** đêm dài, tức là âm phủ.
- (4). **U minh:** nghĩa là tối tăm.
- (5). **Tịnh đàn:** đàn thờ Phật, nơi Phật ở.
- (6). **Dương chi:** cành dương, theo phép Phật giọt nước cành dương làm cho oan hồn siêu thoát, diệt khổ, nước cành dương liễu có thể tưới tắt lửa lòng.
- (7). **Tây phương:** tây Trúc, nước Phật, miền Cực lạc.
- (8). **Sát phu:** người dân bình thường trong xã hội.
- (9). **Vô tự:** không có con cháu cúng giỗ, không có ai thờ phụng.
- (10). **Trâm gãy bình rơi:** cái trâm của người đàn bà cài tóc bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ, chỉ người đàn bà đẹp bị chết non.
- (11). **Kinh luân:** tài điều khiển việc chính trị.
- (12). **Quản Nhạc, Y, Chu:** các danh tướng Trung Quốc thời xưa Quản Trọng, Nhạc Nghị, Y Doãn, Chu Công.
- (13). **Âm huyền:** âm cung huyền ảo.
- (14). **Chưng thường:** tên hai lễ tế.
- (15). **Trí phú:** làm giàu.
- (16). **Của phù vân:** của như mây nổi, tan biến nhanh (ca dao tục ngữ: của phi nghĩa để ngoài sân, của phù vân để ngoài ngõ).

- (17). **Hòm gỗ đa bó đóm đưa đêm:** ý nói sống giàu có mà đến khi chết chôn bằng gỗ đa bó đóm, không có áo quan, chôn lén lút vào ban đêm.
- (18). **Phần và tử** là hai loại cây tượng trưng cho quê hương, ý nói chết nơi đất khách.
- (19). **Kinh nghê:** Loài cá lớn ở biển cả.
- (20). **Lửa ma trời:** ở bãi chiến trường, chất lân tinh ở trong hài cốt gặp không khí ẩm ban đêm cháy tỏa sáng như ngọn lửa lập lòe, người ta tưởng là oan hồn hiện lên.
- (21). **Hộp cháo lá đa:** theo tục lệ cúng cô hồn, người ta dùng cháo đựng bằng lá đa ban phát cho các cô hồn.
- (22). **Tù rạc:** tù chung thân, dài hạn.
- (23). **Nại hà:** nghĩa là đành vậy, biết làm sao tránh khỏi. Chuyện Đường Thái Tông trong Tây du ký đi từ cõi trần xuống âm ty phải đi qua cầu Nại Hà bắc qua con đường độc đạo một chiều.
- (24). **Độ u:** phù hộ độ trì cho chốn âm u.
- (25). **Tứ hải quân chu:** bốn biển đều quy tụ vào một chỗ.
- (26). **Bào ảnh:** bọt nước và bong bóng là hai thứ chóng tan, chóng mất.
- (27). **Vạn cảnh giai không:** mọi cảnh đều là hư ảo (Theo thuyết Phật giáo).

Văn khấn cô hồn chúng sinh

Bài 2: *Na mô A Di Đà Phật.*

Kính lạy: Đức địa tạng vương Bồ Tát.

Đức mục Kiền Liên Tôn giả.

Kính lạy: - Ngài bản cảnh Thành hoàng

- Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa

- Ngài Bản gia Táo quân và tất cả
các vị Thần Linh cai quản trong xứ này.

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:.....

Thành tâm kính xin: nhân ngày xá tội vong nhân, âm cung mở cửa ngục ra cho phép vong linh các cô hồn không nơi nương tựa, không mồ không mả, lẩn khuất ở gốc cây, bụi cỏ, xó chợ, đầu đường, không manh áo mỏng, đêm ngày lang thang, quanh năm đói rét cơ hàn, dù rằng chết vì lý do gì, đều được về đây thụ hưởng lễ vật của tín chủ thỉnh mời: cơm canh, cháo bỏng, trầu cau, gạo muối, quả thực hoa đăng tiền vàng, quần áo đủ màu đỏ xanh. Phù hộ cho tín chủ và toàn gia người người khỏe mạnh, lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng vong, điều lành đưa tới, điều dữ mang đi.

Cẩn cầu

Chú ý:

- Khi hương cháy được 2/3 nến thì tín chủ nên khấn cầu sau:

Tín chủ xin thiêu hóa tiền vàng, quần áo thỉnh mời vong linh nhận hưởng lễ vật xong rồi dắt nhau về nơi âm giới.

Tâm thành, kính cáo Tôn thần, xin rước vong linh các cô hồn về âm giới.

- Khi hoá tiền vàng quần áo đồng thời rắc muối gạo ra tứ hướng, từ trong ra ngoài.

11. Dâng hương tiết Trung thu (ngày 15 ngày 8)

Dân gian lưu truyền một câu chuyện như sau: Năm Khai Nguyên triều đại nhà Đường Trung Quốc, Đường Minh Hoàng và Pháp sư Lã Công Viễn cùng thưởng nguyệt (ngắm trăng) trong cung Trường An. Hôm ấy trời cao, trăng sáng, bầu trời như tấm gương trong. Đường Minh Hoàng hứng thú nồng hậu; bỗng nảy ra ý muốn du chơi cung trăng trong cung. Lã Công Viễn cầm chiếc gậy đang chống ném vào không trung, bỗng chốc biến thành chiếc cầu lớn màu bạc ông ta cùng Đường Minh Hoàng thuận đường bước lên cây cầu ấy đi vào cung trăng, vừa ngẩng đầu lên nhìn, thấy trên cửa cung viết rằng: "Quảng Hàn thanh hư phủ" (Phủ thanh hư Quảng Hàn), lại thấy trong cung Quảng Hàn, bậc thềm làm bằng thủy tinh, sáng như gương, tiên sơn quỳnh các đẹp lộng lẫy. Hằng Nga thấy người trần gian đến, hết sức vui mừng, mời hai người vào cung sai cung nữ bê bánh tiên xốp ngọt mời họ ăn, các cung nữ thì múa hát cho họ xem... Về sau Đường Minh Hoàng về đến trần gian sai người làm theo bánh tiên. Bởi vì loại bánh này vốn là bánh của trăng nên có hình tròn như mặt trăng cho nên gọi là "bánh trăng" (tiếng Trung Quốc gọi là "Nguyệt bính"). Từ đó về sau hàng năm vào tối trung thu có tục lễ ăn bánh trung thu và ngắm trăng.

Câu chuyện trên chứa đầy màu sắc ly kỳ, hoang đường, phản

ánh con người đi tìm cuộc sống tốt đẹp, và sự tìm tòi trong vũ trụ. Sự thực phong tục ăn bánh trung thu bắt nguồn từ sự sùng bái mặt trăng của người dân thời thượng cổ. Thời đó, sức sản xuất vô cùng thấp kém, loài người không thể lý giải một cách khoa học đối với những hiện tượng kỳ kỳ trong tự nhiên. Khi mỗi hiện tượng tự nhiên là sức mạnh để con người dựa vào đó để sinh tồn mà không thể kháng cự được, con người liền nảy sinh quan niệm kính sợ và sùng bái đối với chúng. Con người tưởng tượng ra bao nhiêu chuyện thần thoại xung quanh mặt Trăng như: Hằng Nga hướng về mặt trăng; Ngô Cương phạt quế, Ngọc Thổ già thuốc, v.v..., coi mặt trăng là thần vật và sùng bái mặt trăng. Các đế vương cổ đại của Trung Quốc đã có lệ cúng trăng mùa thu, dân gian cũng có tục lệ cúng trăng trung thu, cúng mặt trăng chủ yếu là bánh có hình tròn như mặt trăng. Món bánh này sau khi cúng tế xong, được chia cho cả nhà ăn. Trong "Yến kinh tuế thời ký", chương bánh trung thu có chép: "Bánh trung thu để cúng trăng, đâu đâu cũng có, trên vẽ hình mặt trăng, tế xong thì ăn". Sự sùng bái đối với mặt trăng này về sau được con người liên hệ với cuộc sống hiện thực, nảy sinh ước muốn tốt đẹp ăn bánh trung thu là dịp đoàn tụ gia đình. Theo các tư liệu lịch sử còn ghi chép được: Bánh trung thu là một loại thực phẩm có tên, xuất hiện sớm nhất trong sách "Vũ lâm cựu sự" do người Nam Tống viết. Mọi người đều biết thời lương Tống, Nam Bắc đối địch, chiến tranh liên miên, xã hội hỗn loạn. Vì thế mà lúc này xuất hiện và hình thành phong tục ăn bánh trung thu, chính là dân chúng lao khổ cầu mong thái bình yên ổn, cũng là nguyện vọng tốt đẹp đoàn tụ gia đình của họ. Từ cổ đến kim, mọi người coi tết đầu năm, tết Nguyên tiêu, và tết Trung thu là ba cái tết "đoàn viên". Tết Trung Thu, tiết trời mát mẻ, trong sáng, trăng tròn nhất, cả nhà đoàn tụ, ăn bánh trung thu, ngắm trăng, đây chính là sự kết hợp giữa nguyện vọng đoàn tụ gia đình với việc sùng bái mặt trăng thời cổ đại, vì thế mà hình thành nên phong tục ăn bánh trung thu, ngắm trăng rằm.

Văn khấn ngày tết Trung thu

Na mô A di đà Phật

Kính lạy: Hoàng Thiên hậu thổ

- Hoàng thiên hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Ngài bản cảnh Thành hoàng, Ngài bản xứ Thổ Địa, Ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Tổ Tiên, Tổ khảo, Tổ tỷ, Chư vị Hương linh.

Gặp tiết Trung thu (ngày 15 tháng 8) chúng con thành tâm sửa biện, hương hoa lễ vật, kim ngân trà quả các thứ cúng dâng bày ra trước án.

Chúng con kính mời các Ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ chúng con cảm nghĩ Thần sáng như núi nhạc, khí đẹp tựa sơn hà. Ngũ hành tuân theo phép, muôn thiện xin cúi đầu, bể trên thương mà tới, anh linh khắp gần xa, nhân tiết Trung thu thời tiết đẹp. Trước án tiền cung kính cầu xin, áo tía nghiêm trang cầu năm điều phúc (Phúc, quý, thọ, khang, ninh), thăng trầm cũng được hưởng ba điều đa (đa tài, đa phúc, đa lộc). Nguyên thần xét soi cho mọi sự đạt được an bình. Âm thần giúp dân buôn bán năm năm tăng phú quý, lại phù (làng, thôn hoặc nhà nhà) mùa vụ được bội thu.

Tín chủ lại kính mời các vị vong linh y thảo phụ mộc ở trong đất này nhân tiết Trung thu giáng lâm trước án chiêm ngưỡng tôn thần thụ hưởng lễ vật.

Giải tâm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

12. *Dâng hương tiết Trùng dương (9 ngày 9)*

Theo các sử liệu ghi chép, phong tục này bắt nguồn từ đời Hán. Ngô Quân thời Nam Triều trong "Tục Tễ hải ký" có chép một câu chuyện: Thời Đông Hán có một ông tiên tên là Phí Trường Phòng, ông có một đồ đệ tên là Hoàn Cảnh.¹ Một hôm, Phí Trường Phòng bảo Hoàn Cảnh rằng: "Ngày mồng 9 tháng 9 này, nhà con có một trận hoả hoạn lớn. Con mau về nhanh bảo người trong nhà, mỗi người làm một cái túi bằng vải đỏ, trong túi đựng cành "thù du và đeo vào cánh tay. Sau đó cả nhà trèo lên núi cao, uống rượu cúc hoa trong núi. Như vậy có thể tránh được trận hoả hoạn ấy". Hoàn Cảnh vội về nhà, làm theo lời thầy dặn. Ngày 9 tháng 9 hôm ấy, cả nhà lên núi lánh nạn. Buổi tối trở về nhà thấy tất cả chó, gà, bò, dê đều chết hết.

Sau đó Phí Trường Phòng nói với Hoàn Cảnh rằng: gia đình con đã thoát nạn. Sau khi tin đó truyền đi, mọi người bắt chước làm theo cách này, thế là hình thành tục lệ lên núi cao, đeo cành thù du vào tết Trùng Dương.

Nhưng truyền thuyết thì cuối cùng vẫn là truyền thuyết. Kỳ thực, tết Trùng dương uống rượu cúc hoa, đeo cành thù du cũng có tác dụng giống như tết Đoan ngọ uống rượu hùng hoàng và treo cành xương bồ, trần ngải. Mục đích là phòng trừ bệnh tật, côn trùng. Sau ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch, thời tiết có thời gian ngắn ấm lại. Trong quãng thời gian trước tết Trùng dương mưa thu lất phất, trời âm u, cái nóng vẫn chưa hết, mọi vật dễ trúng độc, con người vào lúc chuyển mùa dễ sinh bệnh tật, cảm cúm. Vì thế, vào thời gian này phải hết sức chú ý phòng côn trùng, phòng nóng lạnh. Mà cúc hoa có tác dụng bình can, sáng mắt, giải nhiệt, tiêu độc, giải cảm. Mùi cây thù du cay nóng đốt hương thơm, có thể đuổi muỗi, sát trùng trị hàn, khử độc. Vì thế vào tiết này, đeo thù du, uống rượu cúc hoa rất có lợi cho sức khoẻ con người. Còn việc trèo lên cao trong tiết Trùng dương được lý giải là vào tiết trời thu, trời xanh cao, lên núi đi chơi, có thể khiến tinh thần sảng khoái,

trong lòng thư thái. Dân chúng lên núi còn có nguyên nhân về mặt kinh tế. Đó là Tết Trùng dương là lúc thu hoạch mùa màng xong xuôi, nông dân nhàn nhã. Lúc này cây thuốc hoa quả trên rừng núi cũng bắt đầu già chín, chính là dịp tốt để người ta thu hái. Phong tục dân gian lên núi cũng dần dần được hình thành từ đây. Còn tập trung vào một ngày của tết Trùng dương cũng có nguyên nhân của nó. Số 9 thời cổ đại là số dương. Cổ nhân cho rằng vào ngày 9 tháng 9, thì tháng cũng là 9 và ngày cũng là 9. Hai cái dương trùng nhau là ngày lành, ngày tốt, cho nên tập trung lên núi vào ngày này là nhằm ý nghĩa ngày lành, ngày đẹp thời.

Văn khấn: áp dụng chung với các bài văn khấn vào các ngày tuần tiết, sóc vọng.

13. Dâng hương các ngày tuần tiết, sóc vọng (ngày 1 và 15)

Theo tục xưa để lại, cứ vào sáng mùng một và chiều tối ngày mười rằm hàng tháng các gia đình người Việt Nam thường có chút lễ mọn, dâng hương Gia Thần và Tiên tổ.

Lễ vật thường rất giản dị: hương, đăng, trầu quả, tiền vàng, không cứ phải có lễ mặn vào dịp này.

Không những vậy, mỗi khi gia đình có một việc gì đó từ những việc được coi là "trọng đại trong gia đình lớn" như có người được thăng quan, tiến chức, được lộc lớn... cho tới sự kiện nhỏ như có người đau ốm trong nhà, có cơm gạo mới, có quả đậu mùa, v.v... cũng có dâng Gia Thần, Tiên tổ. Trước là trình báo, sau là xin được phù hộ cho mọi sự tốt đẹp trong nhà.

Tại sao dân gian thường thờ Thổ Công, Thổ Địa vào các ngày tuần tiết, sóc vọng và cũng không cứ vào các ngày này mà trong các dịp tế lễ bất kỳ, đều có kêu khấn đến Thổ Công, Thổ Địa?

Dân gian thờ cúng Thổ Địa chủ yếu là các vị thần như: Thần xã Thần tác, Thần Thổ ông, Thần Thổ Mẫu. Khi hành lễ người làm phép thường niệm "Thổ Địa chủ" nói như sau: "Thổ Địa ở đây, thần tối anh linh, thông hiểu trời đất, xuất nhập diệu huyền, tâu bày giúp con, chớ có do dự, đợi ngày thành công, không quên hậu tạ".

Thờ Thần Tài

Theo truyền thuyết thì xưa có một ông lão đánh cá nghèo mong giàu có bằng sức lao động của bản thân mình, cứ mỗi lần đánh cá, ông đều khấn trước ban thờ Thổ Địa của nhà mình, xin được lộc và hứa nguyện mẻ lưới có cá đầu tiên ông sẽ chọn con to nhất, ngon nhất dâng Thần. Song câu mãi cá vẫn không vào lưới, ba năm trôi qua ông lão không nản lòng cầu xin Thổ Địa, Thổ Địa cảm động trước tấm lòng tín mộ của ông lão, song Thổ Địa bất lực không thể làm cho cá vào lưới. Vì là Thần, nên một ngày kia biết được tin nhà vua vi hành đến địa phương của ông lão đánh cá dưới dạng kẻ ăn mày, rách rưới, tối đến nằm dưới gốc đa đầu làng. Thần Thổ Địa báo mộng cho ông lão và dặn: sáng hôm sau hãy đến gốc đa công ông ăn mày về nhà, tắm rửa và chăm sóc tử tế, may ra sẽ được lộc vì đó chính là vua cải trang.

Theo giấc mộng, ông lão ngay sáng hôm sau ra gốc đa đầu làng, quả thấy có người nào ăn mày nằm đó mà người qua lại không đoái hoài gì cả. Ông người lão công ông ăn mày về nhà, tắm rửa, lấy quần áo sạch thay cho. Nhà có con gà mái đang ấp trứng cũng đem ra thịt, nấu cháo cho người ăn mày ăn.

Người ăn mày, tức vị vua giả dạng để vi hành dân gian, thấy sự chăm sóc tận tình của ông đánh cá lấy làm ngạc nhiên, bèn cho ông ta biết sự thật và hỏi tại sao ông đánh cá lại biết chân vị đế vương của mình. Ông đánh cá thật thà trả lời, đó là Thổ Địa báo mộng qua giấc tối hôm trước. Nghe xong, nhà vua bèn nổi giận⁽¹⁾, triệu Thổ Địa lên và trách mắng, tại sao dám tiết lộ thiên cơ, bèn quyết định phạt tội

⁽¹⁾ Vua có chân mệnh Thiên tử nên vận khí cao hơn Thánh Thần, vua có quyền phong Thần, huỷ Thần.

Thần. Song lại khen Thần là đáng có lòng thương dân, bèn thưởng phạt như sau:

- Cho phép dân gian thờ Thần, xong phải thờ ở dưới đất, góc nhà.
- Cho phép Thần tiếp tục phù hộ cho dân gian có tài, có lộc bằng chính lao động của họ.

Còn ông lão đánh cá được nhà vua thưởng cho 50 lạng bạc, gia đình khấm khá, giàu sang lên. ông lão đánh cá cũng cảm tạ sự phù hộ của Thần Thổ Địa mà tiếp tục thờ phụng, thắp hương dâng lễ vật. Chính vì vậy có tục thờ Thần Tài vào sáng sớm.

Dân gian thấy nhà ông đánh cá thờ một ông Thần ở dưới đất góc nhà mà giàu có lên, bèn theo đó mà thờ. Những người thờ ông Thần Tài đều thấy có tài lộc trong lao động, kinh doanh..., do vậy tục thờ Thần Tài được truyền rộng.

Lại có truyền thuyết nói rằng:

Có người lái buôn tên là Âu Minh, làm ăn lặn lội. Nhân lúc đi qua hồ Thanh Thảo được Thủy Thần tặng cho một con hầu tên là Như Nguyệt đem về nhà, kể từ đó buôn bán phát đạt, giàu lên nhanh chóng. Nhưng một lần nổi nóng Âu Minh đánh Như Nguyệt, sợ hãi Như Nguyệt bỏ trốn vào đồng rơm rồi biến mất. Cũng từ đó Âu Minh thất cơ lỡ vận, gia cảnh, sa sút nghèo túng. Đến lúc này Âu Minh mới đoán ra Như Nguyệt là Thần Tài, nhưng sự đã lỡ...

Từ đó dân gian lập bàn thờ ở xó nhà để thờ Thần Tài. Có lẽ từ tích này mà dân gian có tục kiêng quét nhà vào các ngày Tết đầu năm, nếu có quét nhà cũng để rác ở trong góc nhà, chứ không hót đổ đi, vì sợ Thần Tài ẩn trong đó, nếu đổ đi sẽ mất lộc.

Bàn thờ Thần Tài là một chiếc khám nhỏ, sơn son thiếp vàng, hai bên tả hữu có hai câu đối, theo sơ đồ sau:

Văn khấn Thần Tài

Na mô A di đà Phật

Kính lạy:

Hoàng Thiên, Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

Ngài tiền hậu Địa Chủ, Tài thần.

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Tín chủ con là.....

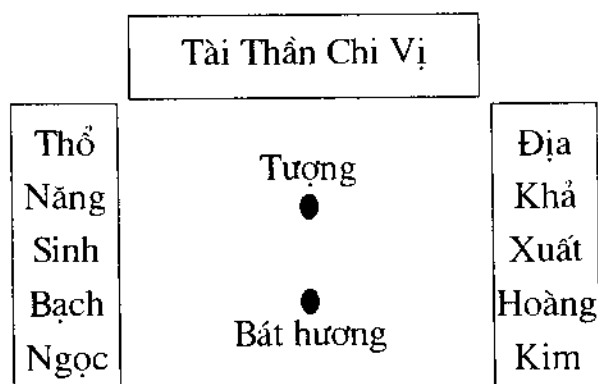
Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện, hương hoa lễ vật kim ngân trà quả và các thứ cúng dâng, bày ra trước án.

Chúng con kính mời: Ngài Tài thần giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ công việc hanh thông, lộc tài tăng tiến, an khang thịnh vượng.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo



Văn khấn Thần Linh vào các ngày tuần tiết và sóc vọng

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng thiên, Hậu thổ chư vị Tôn thần.
- Ngài Đông trù tư mệnh táo Phủ thần quân.
- Ngài Bản gia Thổ Địa Long mạch Tôn thần.
- Các Ngài Ngũ Phương, Ngũ Thổ, phúc đức Tôn Thần.
- Ngài tiền hậu địa chủ Tài thần.
- Các Tôn thần cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Tín chủ con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Nhân tiết (VD: Đoan ngo, Trung thu)

.....

Thành tâm sửa biện, hương hoa lễ vật, kim ngân trà quả và các thứ cúng dâng, bày ra trước án. Chúng con thành tâm kính mời.

Cúi xin các ngài thương xót tín chủ, giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ chúng con toàn gia an lạc, công việc hanh thông, người người được chữ bình an, tám tiết vinh quang thịnh vượng, lộc tài tăng tiến, tâm đạo mở mang, sở cầu tất ứng, sở nguyện tòng tâm.

Giải tâm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

Văn khấn Gia Tiên ngày tuần tiết, sóc vọng

Dùng cho các ngày tuần tiết hoặc các ngày tiết Hàn thực (3 - 3), tiết Đoan Ngọ (5 - 5), tiết Trung thu (15 - 8), tiết Cửu trùng (9 - 9), Song thập (10 - 10). Trước hết phải cúng Thần ngoại trước, Thần nội sau.

Na Mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng thiên hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Ngài bản cảnh Thành hoàng, Ngài bản xứ Thổ Địa, Ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Tổ Tiên, Tổ khảo, Tổ tỷ, Chư vị Hương linh.

Hôm nay là ngày:.....

Gặp tiết.....tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhờ đức cù lao tiên tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết, trà quả dâng lên trước án. Chúng con thành tâm cúi xin các ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, Chư vị hương linh Gia Tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh, tiền chủ hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

B. CÚNG DÂNG HƯƠNG VÀO CÁC KỲ GIỖ

Trong tục thờ cúng Tổ Tiên thì tục dâng hương vong linh người đã khuất vào các kỳ giỗ là quan trọng nhất. Người ta có thể có những lý do nào đó để bỏ lễ dâng hương vào một số kỳ lễ, tiết trong năm nhưng không một người Việt Nam có hiếu nào với Tổ Tiên mà lại bỏ qua tục cúng dâng hương người đã khuất vào dịp giỗ ông, bà, bố mẹ, vợ, chồng.

Một trong những mối lo lớn của người Việt Nam ngày xưa là sợ khi chết đi, đến ngày cúng giỗ không có ai hương khói. Bởi vậy, cúng giỗ là thể hiện đạo hiếu, thể hiện tấm lòng thủy chung thương tiếc của người đang sống với người đã khuất. Ở đây đạo lý có vẻ cao hơn tín ngưỡng.

Thế cho nên vào ngày giỗ của tiên tổ, nhà giàu thì có thể tổ chức cúng giỗ linh đình mời họ mạc xa gần, anh em bằng hữu về dự, còn nhà nghèo túng thì cúng bát cơm, quả trứng, đĩa muối, lưng canh với ba nén nhang, cây đèn dầu, nến, thờ cúng người đã khuất.

Có người bảo "chẳng qua nhân dịp cúng giỗ mà ăn uống" nói vậy chẳng hoá ra là con người Việt Nam bất hiếu, bất nhã với vong linh người đã khuất lắm sao?

Mấy nguyên tắc chung của cúng giỗ

* **Thứ nhất:** Đối với ngày giỗ của ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng (còn gọi là giỗ trọng) thì *ngày hôm trước ngày giỗ* cần phải có *cúng cáo giỗ*. Ngày hôm cúng cáo giỗ còn gọi là *ngày tiên thường*.

Cúng cáo giỗ là để báo cho người đã khuất biết ngày hôm sau về hưởng giỗ, đồng thời là để báo với Thần Linh Thổ Địa nơi để mộ người đã khuất, cũng như Công thần Thổ Địa tại gia cho phép hương hồn người đã khuất được về hưởng giỗ. Cúng cáo giỗ bao gồm cúng tại gia và cúng ngoài mộ. Trong cúng cáo giỗ *phải cúng Công thần Thổ Địa trước, cúng Gia Tiên sau*. Ngoài việc khấn mời vong linh người được giỗ còn phải khấn mời vong linh hương hồn Gia Tiên nội, ngoại cùng về dự giỗ. Nhân dịp cúng cáo giỗ ngoài mộ cần đắp điểm sửa sang lại mộ phần.

* **Thứ hai:** Làm giỗ và cúng giỗ đúng ngày mất của người được giỗ thường là vào buổi chiều. (Có người bảo phải làm giỗ trước ngày mất một ngày thì linh hồn người mất mới hưởng được lễ. Có lẽ nói thế vì suy luận phải cúng người mất vào hôm còn sống thì người đó mới có thể "ăn" được, chứ cúng đúng ngày hôm mất thì "ăn" làm sao?

Trong cúng giỗ đúng vào ngày mất của người được hưởng giỗ cần phải cúng mời người được hưởng giỗ trước, sau đó mới đến vong linh hai họ nội, ngoại từ bậc cao nhất trở xuống và cuối cùng là cáo thỉnh Gia Thần cùng dự tiệc giỗ.

1. Ngày giỗ đầu

Ngày giỗ đầu hay còn được gọi là "tiểu tường" là ngày giỗ (kỵ giỗ) đầu tiên sau đúng một năm ngày mất của ai đó. Đây là một trong hai giỗ thuộc kỳ tang. Bởi vậy, vào ngày giỗ đầu người ta thường tổ chức trang nghiêm, bi ai, sâu thẳm chẳng khác là mấy so với ngày để tang năm trước. Nghĩa là con cháu đều vận tang phục, khi tế lễ đều khóc như ngày đưa đám, một số nhà có điều kiện còn thuê cả đội kèn trống nữa.

Vào ngày giỗ đầu người ta còn thường mua sắm rất nhiều đồ hàng mã, không chỉ là tiền, vàng, mã, giấy mà còn cả những vật dụng như áo quần, nhà cửa, xe cộ và thậm chí còn mua sắm cả hình nhân bằng giấy. "Hình nhân" ở đây không phải để thế mạng cho ai mà là tặc tín ngưỡng tin rằng với phép thuật của thầy phù thủy thì hình nhân bằng giấy khi đốt đi sẽ hoá thành người hầu hạ vong linh nơi âm giới. Trong thế giới văn minh ngày nay không phải ai cũng tin tưởng như thế. Mặc dù không tin nhưng có người cũng vẫn làm với ý nghĩa làm vui đi nỗi xót xa nơi trần thế và để báo ân với vong linh người đã khuất. Lý trí và tình cảm đôi khi trái nhau là thế.

Những đồ hàng mã đó, sau buổi giỗ, được đem ra tận ngoài mộ để hoá (đốt). Những đồ hàng mã đốt trong ngày giỗ tiểu tường còn

được gọi là "*mã biểu*". Gọi là "*mã biểu*" vì người ta nghĩ rằng những đồ mã này cúng cho vong linh người mất nhưng người đó không được dùng mà phải mang biểu các ác thần để tránh sự quấy nhiễu!

2. Ngày giỗ hết

Ngày giỗ hết hay còn gọi là "*dại tường*", tức là ngày giỗ vào đúng ngày tròn 24 tháng của người quá cố.

Về cơ bản, giỗ hết không khác giỗ đầu là mấy về các thủ tục. Nó vẫn là giỗ trong vòng tang. Chỉ có khác là ngày giỗ hết thường làm linh đình hơn, và sau giỗ này người nhà *bỏ tang phục*, hay còn gọi là *hết tang*. Sau ngày giỗ này người ta sẽ chọn ngày tháng tốt để làm lễ *Cải cát*, sang mộ cho người quá cố. Và từ năm thứ ba trở đi thì giỗ của người quá cố trở thành giỗ thường hay "*cát kỵ*".

Bởi thế, có người bảo "*ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời*". Quan trọng nhất vì nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của người còn sống cũng như đối với vong linh người đã khuất. Với người đang sống, người ta trở lại đời sống thường nhật, có thể tham gia các tổ chức hội hè, đình đám và theo quan niệm xưa thì chỉ sau giỗ hết người vợ có chồng qua đời mới có thể đi bước nữa.

3. Ngày giỗ thường

Ngày giỗ thường hay còn được gọi là "*cát kỵ*", đó là ngày giỗ của người quá cố kể từ năm thứ ba trở đi. Ngày giỗ này người ta tin vong linh người quá cố đã siêu thoát hay đầu thai trở lại nên không cần thiết phải cúng giỗ nữa.

Nếu như giỗ tiểu tường và giỗ đại tường là lễ giỗ trong vòng tang, còn mang nặng những xót xa, tủi hận, bi ai thì ngày giỗ thường lại là *ngày vui* của con cháu nội, ngoại.

*"Trâu bò được ngày phá dỡ
Con cháu được ngày giỗ ông"*

là vậy. Đây là dịp để cháu con hai họ nội, ngoại tề tựu, họp mặt đông đủ. Những dịp như thế cũng là dịp để mọi người trong gia đình, dòng họ gặp nhau thăm viếng sức khỏe và cố kết cộng đồng gia đình, dòng họ.

Trong các giỗ thường, chỉ có giỗ trọng như ngày giỗ của ông, bà, bố, mẹ, vợ, chồng mới có ngày tiên thường. Còn lại thì không cần thiết phải có ngày tiên thường.

Ghi chú: Trong các bài văn khấn khi khấn người đã khuất thì đàn ông dùng chữ "khảo", đàn bà dùng chữ "tỷ".

Cao tăng tổ khảo	với người khấn là đời thứ năm tức
Cao tăng tổ tỷ	là: kỵ ông, kỵ bà
Tăng tổ khảo	với người khấn là đời <i>thứ tư</i> (còn
Tăng tổ tỷ	gọi là <i>chất</i>)
Tổ khảo	với người khấn là đời <i>thứ ba</i> (còn
Tổ tỷ	gọi là cháu)
Hiên khảo	với người khấn là đời <i>thứ hai</i>
Hiên tỷ	tức là con khấn bố mẹ

Tùy theo phong tục của từng địa phương, từng vùng và từng gia cảnh mà việc tổ chức ngày giỗ có khác nhau nhiều ít. Điều quan trọng nhất là nhân ngày cát kỵ cháu con tưởng nhớ đến người đã khuất, thể hiện lòng thành với vong linh Tiên Tổ. Chén nước, nén hương, bát cơm, quả trứng, đĩa muối, lưng canh mà tâm thành thì cũng giữ được đạo hiếu chứ chẳng cứ mâm cao cỗ đầy mới ra người biết ơn Tiên Tổ. Văn lễ cũng vậy, cũng chẳng nên quá cầu kỳ, cầu nệ. Miệng khấn nôm na mà tâm tưởng nhớ đến vong linh người đã khuất thì ắt là "linh"; còn như miệng đọc văn hoa chữ nghĩa nhưng tâm không thành kính thì Tiên Tổ có *linh* cũng chẳng *chứng* cho.

Vậy, cúng giỗ người đã khuất cốt thể hiện lòng nhân đạo hiếu, tặc dạ thủy chung... của những người đang sống. Đây cũng là nét đạo lý làm người trong truyền thống văn hoá Việt Nam.

Văn khấn Thổ thần long mạch trước khi cúng giỗ

(Trước khi cúng giỗ Tổ Tiên hoặc ông, bà, cha, mẹ đều phải cáo từ với Gia Thân ở trong nhà, hoặc ngoài mộ như: Thổ Công, Táo quân Long mạch).

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng Thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Các Ngài Thần Linh cai quản trong xứ này

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Nhân hôm nay (nếu khấn trong lễ "tiên thường" thì đọc: nhân sáng mai ngày) là ngày giỗ.....

Chúng con cùng toàn thể gia quyến tuân theo nghi lễ, sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng.

Trước án tọa Tôn thần cùng chư vị uy linh, kính cẩn tâu trình và cúi xin các ngài giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

*Kính cáo Bản gia Thổ Công, Táo quân, Long mạch và các * vị Thần Linh, cúi xin chứng minh, phù hộ cho toàn gia chúng con bình an thịnh vượng.*

Xin cho phép các tiên linh, vong linh (người được giỗ) Gia Tiên chúng con và những vong hồn nội tộc được thờ phụng vị cùng về hâm hưởng.

Cẩn cáo

Văn khấn lễ Tổ Tiên ngày giỗ

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy tổ Tiên nội ngoại!

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Chính ngày (Tiểu tường, đại tường, cát ky) của...

Thiết nghĩ vắng xa trần thế, không thấy âm dung. Năm qua tháng lại, vữa ngày húy lâm. Ôn vãng cực xem bằng trời biển, nghĩa sinh thành không lúc nào quên. Càng nhớ công ơn gây cơ tạo nghiệp bao nhiêu, càng cảm thâm tình, khôn bề giải tỏ. Nhân ngày chính giỗ chúng con và toàn gia con cháu, nhất tâm sắm sửa lễ vật kính dâng, đốt nén tâm hương giải tỏ tấc thành.

Thành khẩn kính mời.....

Mất ngày..... tháng..... năm.....

Mộ phần táng tại.....

Cúi xin linh thiêng giáng về linh sàng, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, độ cho con cháu bình an, gia cảnh hưng long thịnh vượng.

Con lại xin kính mời các cụ Tổ Tiên nội ngoại, Tổ khảo, Tổ tỷ, Bá thúc, Cô dì và toàn thể các hương linh Gia Tiên động lai hâm hưởng.

Tín chủ con lại xin kính mời các Ngài Thổ Công, Táo quân và chư vị linh thần đồng lai giám cách thượng hưởng.

Tín chủ lại mời các vị vong linh tiền chủ hậu chủ trong đất này cùng tới hâm hưởng.

Cẩn cáo

C. DÂNG HƯƠNG KHÔNG ĐỊNH KỲ

1. *Dâng hương "động thổ"*

Người Việt Nam theo tín ngưỡng tin rằng: nơi ở cũng như nơi công xưởng, cửa hàng làm ăn buôn bán đều có công thần địa thổ coi giữ. Vì thế, mỗi khi có việc động chạm đến đất đai nhà cửa, công xưởng, cửa hàng, cửa hiệu... như đào móng làm nhà, sửa sang nhà mới, coi nói nhà ở... tức là "động" đến công thần Thổ Địa, long mạch tại khu vực đó cho nên cần phải có lễ vật dâng cúng và cầu khẩn các vị thần này, trước là cáo lễ, sau là cầu xin các vị gia cát phù trì cho mọi điều được may mắn.

Trước khi tiến hành lễ dâng hương, người ta thường kén chọn ngày giờ "tốt", chẳng hạn không được rơi vào ngày hắc đạo, sát chủ, thổ cấm, trùng tang, trùng phục, v.v... mà phải là những ngày có sao "tốt" chiếu như ngày hoàng đạo, ngày sinh khí, lộc mã, phúc sinh, giải thần, v.v... Còn giờ phải là giờ hoàng đạo.

Sau khi đã chọn ngày giờ tốt, tháng lành, người ta thường sắm một lễ vật gồm: hương, đăng, trầu, quả, tiền, vàng, rượu, thịt, xôi nếp. Lễ vật được đặt trên một cái mâm nhỏ. Nếu là lễ động thổ đào móng nhà, xưởng thì sau khi "giải phóng mặt bằng" (dọn sạch cỏ cây...) người ta đặt mâm lễ lên một cái đôn (hay ghế) cao. Đôn được đặt ở giữa khu đất sẽ được đào móng nhà, móng xưởng...

Gia chủ khăn áo chỉnh tề, thắp đèn nhang vái bốn phương, tám hướng rồi quay mặt vào mâm lễ mà khấn. Khấn xong liền hoá tiền vàng rồi tự tay gia chủ cước cho mấy nhát cước vào chỗ định đào móng.

Ngay sau đó tốp thợ đào móng có thể tiến hành công việc.

Trường hợp mượn tuổi làm nhà (không được tuổi làm nhà):

Những người có tuổi phạm vào năm Kim Lâu và Hoang Ốc thì không nên làm nhà. Do điều kiện cấp bách, những người này khi làm nhà phải mượn người có tuổi không phạm vào hai điều trên để động thổ, khởi công dựng nhà.

a. Khi động thổ, người mượn tuổi thay gia chủ khấn và động thổ. Khi bắt đầu khấn và lúc động thổ, gia chủ phải lánh khỏi nơi làm nhà xa từ 50m trở lên, sau khi hoàn tất việc động thổ xong, mới trở về.

b. Nếu là nhà cao tầng, các kỳ đổ mái tầng một, tầng hai... và tầng cuối cùng, người mượn tuổi vẫn tiếp tục dâng hương, khấn lễ, gia chủ vẫn phải lánh mặt trong thời gian đó.

c. Khi nhập trạch: Khi xây xong nhà, người mượn tuổi làm mọi thủ tục dâng hương, khấn thành lời bàn giao nhà cho gia chủ. Gia chủ khấn nhận bàn giao nhà và khấn cầu theo ý nguyện khi vào nhà mới, (thủ tục nhập trạch xem ở phần nhập trạch).

Văn khấn lễ động thổ

(dùng khi làm nhà, sửa chữa lớn, mở cổng, cất nóc)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.
- Quan Đương niên.
- Các Tôn thần bản xứ.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án. Vì tín chủ con khởi tạo... (nếu cất nóc thì đọc là cất nóc, nếu xây cổng thì đọc là xây cổng, nếu sửa chữa thì đọc là sửa chữa) căn nhà ở địa chỉ..... ngôi dương cơ trụ trạch để làm nơi cư ngụ cho gia đình con cháu. Nay chọn được ngày lành tháng tốt, kính cáo chư vị linh thần, cúi mong soi xét và cho phép được động thổ (hoặc cất nóc, làm việc gì thì nói việc ấy). Nhân có lễ vật tịnh tài dâng cúng, bày trên án tọa.

Tín chủ con thành tâm kính mời:

Ngài Kim niên Đường cai Thái tuế chí đức Tôn thần.

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương .

Ngài Bản xứ Thần Linh Thổ Địa.

Ngài định phúc Táo quân, các ngài Địa chúa Long mạch Tôn thần và tất cả các vị Thần Linh cai quản ở trong khu vực này.

Cúi xin: giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con mọi duyên thuận lợi, công việc hanh thông chủ thợ được chữ bình an, ngày tháng hưởng phần lợi lạc, âm phù dương trợ, sở nguyện tòng tâm. Tín chủ lại xin phổ cáo với các vị tiền chủ hậu chủ và các vị hương linh, cô hồn y thảo phụ mộc, phảng phất ở trong khu vực này. Xin mời tới đây chiêm ngưỡng Tôn thần, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ cũng như chủ thợ đôi bên, khiến cho an lạc, công việc chóng thành.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

2. Dâng hương lễ khai trương

Văn khấn lễ khai trương cửa hàng

(Dùng dọn hàng, khai trương công xưởng)

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Quan Đương niên Hành khiển Thái tuế chí đức Tôn thần.
- Các Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương.
- Các Ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch, Tài thần định phúc Táo quân, chư vị Tôn thần.

Các Thần Linh cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

.....

Ngụ tại:

.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật các thứ cúng dâng bày ra trước án. Vì tín chủ con có xây cất (hoặc thuê được) một ngôi hàng ở tại xứ này là (địa chỉ)..... (nếu là cơ quan, công xưởng thì khấn là tín chủ con là Giám đốc hay Thủ trưởng cùng toàn thể Công ty), nay muốn khai trương khởi đầu việc kinh doanh (hoặc sản xuất) phục vụ nhân sinh mãi mãi tài vật giúp cho sinh hoạt. Do đó chúng con chọn được ngày lành tháng tốt sắm sanh lễ vật, cáo yết Tôn thần dâng cúng Bách linh... cúi mong soi xét, chúng con xin kính mời Quan Đương niên, Quan Đương cảnh, Quan Thần Linh Thổ Địa, Định phúc Táo quân cùng các ngài địa chúa Long mạch và tất cả Thần Linh cai quản ở khu vực này.

Cúi xin: thương xót tín chủ giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con buôn bán hanh thông, làm

ăn thuận lợi, lộc tài vượng tiến, nhân vật bình an. Bốn mùa không hạn ách tai ương, tám tiết có điềm lành tiếp ứng, cầu gì cũng được, nguyện gì cũng thành.

Tín chủ lại mời các vị tiền chủ, hậu chủ cùng chư Hương linh y thảo phụ mộc phảng phất ở trong khu vực này, xin hãy tới đây chiêm ngưỡng Tôn thần thụ hưởng lễ vật phù trì tín chủ, vạn đảo hanh xương, tài lộc như gió mây tập hội.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

3. *Dâng hương nhập trạch (khánh thành)*

Trong cuộc sống không thể tránh được việc có lúc phải di chuyển nhà ở, đặc biệt là những người sống ở đô thị, phố xá, việc chuyển dịch nhà ở dễ xảy ra hơn, nhiều hơn. Chuyển đến chỗ ở mới có một số vấn đề không thể không chú ý dưới đây:

- Phải chọn ngày tốt, giờ tốt để dọn đến nhà mới.

- Khi chuyển nhà, mọi việc chuyển đồ của mình đến nhà mới dứt khoát phải do tay mình hoặc người của gia đình chuyển, toàn gia đình không thể tay không đến ở nhà mới.

- Bài vị cúng Tổ Tiên, các thần phải được làm trước và phải do gia chủ tự tay cầm đến nhà mới. Những người khác trong gia đình đi theo sau vào, mỗi người đều phải cầm trong tay tiền tài của cải.

- Thời gian vào nhà phải là buổi sáng sớm, buổi giữa trưa, hoặc trước lúc mặt trời lặn, tránh đến nhà mới vào buổi tối.

- Thủ tục nhập trạch:

Khi vào nhà mới, vật đầu tiên mang vào là cái chiếu (hoặc đệm) đang sử dụng, sau đó là bếp lửa (bếp ga, bếp dầu), không nên mang bếp điện vì bếp điện có tinh mà không có tướng (tức chỉ có nhiệt mà không có ngọn lửa), chổi quét nhà, gạo, nước..., phải đem theo lễ vật cúng Thần Linh đặt để xin nhập trạch và xin phép Thần Linh rước vong linh gia tiên về nơi ở mới để thờ phụng.

Lễ vật được lên bàn hoặc mâm kê vào chỗ nào đó có hướng đẹp với gia chủ, tự tay gia chủ thắp nhang vào một bát nhang làm tạm thời. Thắp nhang và khấn lễ, tiếp ngay sau đó gia chủ châm bếp và đun nước. Khấn Thần Linh theo nội dung sau:

+ Xin nhập vào nhà mới.

+ Xin lập bát nhang thờ Thần Linh.

+ Xin phép Thần Linh cho rước vong linh Gia Tiên nhà mình về nơi ở mới này để thờ phụng.

Chú ý:

+ Nước đun trên bếp lần đầu tiên ở nhà mới phải để cho sôi 5 - 10 phút, lâu hơn càng tốt, mới tắt lửa. Đun nước mục đích là để khai bếp, pha trà dâng Thần Linh và Gia Tiên. Nếu có khách có thể lấy nước đó để pha nước mời khách.

+ Nếu chỉ nhập trạch lấy ngày tốt chưa có nhu cầu ở ngay thì gia chủ phải ngủ một đêm tại nhà mới.

- Sau khấn Thần Linh xong, gia chủ làm lễ cáo yết Gia Tiên rồi mới dọn dẹp đồ đạc.

- Sau khi dọn xong, để cầu bình yên, toàn gia phải tổ chức lễ bái tạ các Tổ Tiên và Thần Phật.

- Có người chữa, mang thai thì tốt nhất không nên dọn nhà. Trong trường hợp cấp bách không thể không dời nhà, nên mua một cái chổi mới tinh, để đích thân người chữa quét qua các đồ đạc một lượt rồi mới chuyển như vậy mới không phạm tội "thần thai".

- Những người giúp dọn nhà không được là người cầm tinh con hổ, còn lại không phải lo bàn gì nữa.

Trên đây là một số phép tắc giữ gìn sự hanh thông, bình an cho mọi nhà, bách bệnh không phát sinh, tài vận tiến đến, cả nhà vui vẻ.

Văn khấn khi bắt đầu dọn ở

(Còn gọi là phần sài hoặc quy hỏa, tức là bắt đầu dọn vào ở, đun bếp tại nhà khi mới làm hoặc sửa chữa xong, nếu nhà có bàn thờ Phật thì cúng Phật trước).

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị tôn Thần.

- Các ngài Thần Linh bản xứ cai quản trong khu vực này.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trên án, trước bần tọa chư vị Tôn thân kính cẩn tâu trình:

Các Ngài Thần Linh thông minh chính trực giữ ngôi tam thái, nắm quyền tạo hóa, thể đức hiếu sinh của trời đất, phù hộ dân lành, bảo vệ sinh linh, nêu cao chính đạo.

Nay gia đình chúng con hoàn tất công trình, chọn được ngày lành dọn đến cư ngụ, phần sài nhóm lửa, kính lễ khánh hạ cầu xin chư vị minh thần⁽¹⁾, gia ân tác phúc, độ cho gia quyến chúng con an ninh, khang thái, làm ăn tiến tới, tài lộc dồi dào. Người người được chữ bình an, xuất nhập hưởng phần lợi lạc. Cúi mong ơn đức cao dày, thương xót, phù trì bảo hộ.

Tín chủ lại mời các vong linh tiền chủ, hậu chủ ở trong nhà này, đất này xin cùng về đây chiêm ngưỡng Tôn thần, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ thịnh vượng an khang. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có điều lành tiếp ứng.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

⁽¹⁾ Nếu dọn đến nhà mới thì khấn thêm: cho phép tín chủ con rước vong linh gia tiên về nơi này để gia đình thờ phụng.

Văn khấn Cáo yết Gia Tiên khi nhập trạch

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Tổ Tiên nội ngoại.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Gia đình chúng con mới dọn đến đây là: (địa chỉ)

.....
.....

*Thiết lập linh sàng, sửa biện lễ vật, bày trên bàn thờ, trước
linh tọa kính trình các Cụ nội ngoại Gia Tiên. Nhờ hồng phúc Tổ
Tiên, ông bà cha mẹ, chúng con đã tạo lập được ngôi nhà mới,
hoàn tất công trình, chọn được ngày lành tháng tốt, thiết lập án
thờ, kê giường nhóm lửa, kính lễ khánh hạ.*

*Cúi xin các cụ, ông bà cùng chư vị hương linh nội ngoại
thương xót con cháu, chứng giám lòng thành, giáng phó linh sàng
thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì cho chúng con lộc tài vượng tiến,
gia đạo hưng long, cháu con được chữ bình an, xuất nhập hưởng
phần lợi lạc.*

Anh linh chiếu giám, cảm niệm ơn dày

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

4. *Dâng hương khi cưới gả*

Khi trong gia đình có hỷ sự: trai lớn lấy vợ, gái lớn gả chồng đều có tổ chức lễ dâng hương yết cáo Gia Thần và Gia Tiên. Nhà gái hay nhà trai đều có thủ tục này.

Văn khấn khi cưới gả

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy: - Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ

Địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Tổ Tiên họ..... chư vị hương linh

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

.....

Có con trai (con gái).....

Kết duyên cùng

Con của ông bà.....

Ngụ tại... ..

Nay thủ tục hôn lễ đã thành. Xin kính dâng lễ vật, gọi là theo phong tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn.

Trước linh tọa Ngũ tự Gia Thần chư tôn linh.

Trước linh bài liệt vị Gia Tiên chư chân linh xin kính cẩn khấn cầu:

Phúc tổ di lai, sinh trai có vợ sinh gái có chồng: nếu là nhà gái.

Lễ mọn kính dâng, duyên lành gặp gỡ, giai lão trăm năm, vững bền hai họ, nghi thất nghi gia, có con có của.

Cầm sắt giao hòa, trông nhờ phúc tổ.

Cẩn cáo

5. *Dâng hương cúng Mẹ*

Người xưa tin rằng thân thể của thai nhi là do bà mẹ nặn thành. Vì thế nên 7 ngày (đối với sinh con trai) hay 9 ngày (đối với sinh con gái) sau khi đẻ, người ta làm *lễ đầy cữ* để tạ ơn bà Mẹ (theo tục truyền thì có 12 bà Mẹ) và xin bà phù hộ và dạy cho đứa trẻ biết cười, lật, bò, đứng, đi, ăn, nói...

Được một tháng thì có *lễ đầy tháng* cũng là để tạ ơn bà Mẹ, và xin phép bà Mẹ đặt tên cho đứa trẻ. Vì trong năm đầu sau khi mới đẻ, tính mệnh đứa trẻ rất mỏng manh, không những thân thể nó yếu ớt mà xung quanh nó lại đầy những ma quỷ và hung thần rình hại nó, nên người ta đặt tên cho con nít những tên cực xấu để quỷ tà chê bỏ, thường lấy tên con gái đặt cho con trai để đánh lừa quỷ tà.

Nếu nhà hiếm muộn, khó nuôi con thường đem con nít bán khoán cho Phật hay Thánh ở Chùa, Đền rồi xin áo dậu mặc cho nó.

Khi trẻ đầy một năm thì làm lễ "*đầy tuổi tôi*".

Nếu là con gái thì đầy năm người ta khâu tai cho nó.

Nếu là con trai thì đầy năm người ta đặt nó xuống đất và để trước mặt nó các đồ dùng trong các nghề nghiệp như: dao, kéo, đục, cái hái, tờ giấy, bút... rồi khấn bà Mẹ để bà xui nó chọn lấy một cái đồ trong số đó. Tương lai của đứa trẻ sẽ định theo cái đồ nó cầm lấy đó.

Trong "Hong Lâu Mộng" có một đoạn Tào Tuyết Cần miêu tả, khi vừa tròn 1 tuổi Giả Chính thử chí hướng của Bảo Ngọc sau này, liền đem tất cả các thứ trên đời bày ra và bảo đứa trẻ đến lấy. Ai ngờ đứa trẻ không lấy thứ gì, ngoài việc thò tay lấy son phấn, kim thoa cài đầu chơi. Giả Chính không thích nên nói rằng sau này Bảo Ngọc là kẻ ham mê tửu sắc. Điều này có liên quan đến tục "Trảo chu" (tạm dịch là nắm tuổi), còn gọi là "trảo bách ngoạn" (nắm trăm thứ đồ chơi). Khi đứa trẻ tròn 1 tuổi để dự đoán tiền đồ, vận mệnh tương lai của nó. Người ta để bút, giấy, sách, bàn tính và những đồ vật làm bằng giấy, v.v... và xem đứa trẻ lấy gì.

- Nếu nó nắm được bút, báo hiệu tương lai trẻ sẽ thích học hành.

- Nếu nó lấy bàn tính thì đứa trẻ sau này sẽ giỏi buôn bán.

Bảo Ngọc lấy son phấn nên Giả Chính quả quyết rằng nó sau này sẽ là kẻ ham mê tử sắc, quả thật vậy.

Lễ vật cúng Mụ:

- Xôi gấc: 7 nắm (nếu sinh con trai).

9 nắm (nếu sinh con gái).

- Cua bể: 7 con (nếu sinh con trai).

9 con (nếu sinh con gái).

(Có thể thay cua bể bằng cua thường)

- Trứng gà nhuộm đỏ luộc: 7 quả (nếu sinh con trai).

9 quả (nếu sinh con gái).

- Thanh bông, hoa quả, tiền vàng, trầu cau, nến tùy tâm.

Tất cả được bày trên mâm, kê cao để cúng Mụ.

Văn khấn Mụ

Na mô A di đà Phật! (3 lần).

*Kính lạy: Đệ nhất Thiên tử đại tiên chủ
 Đệ nhị Thiên Đế đại tiên chủ
 Đệ tam Tiên Mụ đại tiên chủ
 Thập nhị bộ tiên nương
 Tam thập lục cung chư vị tiên nương*

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Vợ chồng con là:.....

Sinh được con (trai, gái) đặt tên là.....

Nay nhân ngày đầy cữ (hoặc đầy tháng, đầy năm) thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án, trước bản toạ chư vị Tôn thân kính cẩn tâu trình:

Nhờ ơn thập phương Chư Phật, Chư vị Thánh hiền, Chủ Tiên Bà, các đấng Thần Linh, Thổ Công địa mạch, Thổ Địa Chính thần, Tiên Tổ nội ngoại cho con sinh ra cháu (tên).....

Sinh ngày.....

Được mẹ tròn con vuông.

Cúi xin: Chư Tiên Bà, Chư vị Tôn thân giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì, vuốt ve che chở cho cháu được ăn ngon, ngủ kỹ, hay ăn chóng lớn, vô bệnh, vô tật, vô tai, vô ương, vô hạn, vô ách; phù hộ cho cháu bé được thân mệnh bình yên, cường tráng, kiếp kiếp được hưởng vinh hoa phú quý. Gia đình con được phúc thọ an khang, nhân lành nảy nở nghiệp dữ tiêu trừ, bốn mùa không hạn ách nghĩ lo.

Con xin thành tâm đỉnh lễ,

Cẩn cáo

6. *Dâng hương bán khoán*

Trẻ nhỏ từ khi mới sinh đến tuổi trưởng thành phải nhờ sự nuôi dưỡng, dạy dỗ chăm sóc của cha mẹ. Không những thế còn phải được sự che chở phù hộ, độ trì của Phật, Thánh Tổ Tiên ông bà. Vì thế từ xưa đã có tục bán khoán tức là làm lễ để cầu xin chư vị nhận trẻ nhỏ làm con cái (con bán) và giúp đỡ cho chúng mạnh khoẻ, thông minh cho đến tuổi trưởng thành. Thông thường làm lễ bán khoán cho đến tuổi 13 (hết 1 giáp) hoặc bán cho đến trọn đời. Theo Phật giáo thì làm lễ qui y cho trẻ là được và hướng dẫn cho chúng hướng thiện. Cho tới nay tục bán khoán vẫn còn. Nghi thức đó như sau:

Đến Chùa ghi tên tuổi cha mẹ và con và hẹn ngày làm lễ. Sau khi sắm lễ (theo sự hướng dẫn) làm lễ xong gia đình (mại chủ) nhận được và giữ một tờ khoán (vải khoạc giấy đều được) cho đến khi làm lễ chuộc lại (lễ bán khoán ở ban thờ đức Chúa).

Văn khoán

Phúc tinh vô lượng thiện tôn,

Kim cút: Việt Nam quốc!... tình... huyện... y vu... tự cư. Phụng

*Phật Thánh hiến cúng... Thiên, tiến lễ khát mại đồng tử, lập khoán
văn kỳ bình an diên thọ sự. Kim thân mại chủ... thê... đồng phu thê đẳng.
Hỷ kiến u... niên... nguyệt... nhật... thời, sinh hoạch nam (nữ) tử niên
phương.. tuế. Lự kỳ hình xung, tướng khắc, quĩ mị vi ương. Tất bằng.*

*Thánh đức dĩ khuông phù; hạt ký duyên sinh vu tính mạnh. Vị
thử, ý dục thọ tràng. Đẩu vu:*

Phật Thánh toạ hạ mại qui. Cung duy:

Na mô thập phương vô lượng thường trụ Tam bảo kim liên toạ hạ.

*Na mô Đại từ đại bi, linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát. Hồng liên
toạ hạ.*

Bản tự thập bát long thần già lam chúa tể vị tiền.

*Vọng vì Thánh tộc chi môn; nguyện vì Minh linh chi tử. Kim khát
ái tính danh vì... Cấm trừ chủ Quan sát sự. Thần phục vọng:*

*Đức đại khuông phù - Ân hồng bảo hộ. Vận thần thông lực,
tiểu trừ tà quỷ vu tha phương; khử chúng hung đồ tốc phó doanh châu
ư ngoại cảnh. Tự tư hướng hậu, bất đắc vãng lai. Nhược ngoan tà đảng
chúng bất tuân pháp luật chiếu lý thì hành. Túc mại chủ... cử tấu:*

Thánh tiên y luật trị tội. Tu chí khoán giả.

Hữu khoán ngưỡng.

Tả thiên thiên lực sĩ.

Hữu vạn vạn hùng binh

Trung sai ngũ hổ đại tướng quân

Đẳng quan, chuẩn thủ.

*Kê: nhất phó phụ mẫu sở sinh dưỡng dục chí... tuế thực khoán,
tái mại bách tuế như nghi vì chiếu dụng giả.*

Nhị viên chứng kiến:

*Tả dương niên vương hành khiển chí đức Tôn thần. Hữu dương
cảnh Thành hoàng bản thổ đại vương từ hạ vi bằng.*

*Tuế thứ....niên... nguyệt... nhật... thời lập khoán. Thích Ca Như
Lai di giáo đệ tử thần phụng hành".*

Cách hành văn của văn khoán có vài bản khác nhau đôi chút
nhưng nội dung là một: Tên tuổi cha mẹ địa chỉ năm tháng ngày giờ
sinh con trai (gái). Hôm nay làm lễ Phật giao ước xin trẻ nhỏ tên là...
làm con cái Phật Thánh và xin đổi họ tên thành... Nhờ ơn chư vị phù
hộ độ trì cho trẻ nhỏ mạnh khỏe, thông minh. Đến bao nhiêu tuổi xin
lễ chuộc lại. Nếu thần ác quỷ nào xâm phạm đến mại tử (con bán) thì
Phật Thánh chiếu theo pháp luật trị tội.

Chứng minh lễ khoán có:

- Vua.....cai trị năm nay.

- Thần Thành hoàng Thổ Địa làm chứng.

Lễ bán khoán tổ chức vào ngày.....tháng.....năm.....

Vị chủ lễ tên là.....thực hiện.

Sớ bán khoán được đốt sau khi hành lễ. Mãi chủ (người bán con) giữ văn khoán. Nơi làm lễ được giữ văn tự (nếu có). Đến khi làm lễ chuộc lại, lễ sắm như lúc bán và đốt văn tự cùng tờ khoán.

Nếu trường hợp bán trọn đời thì hàng tháng hoặc ngày lễ lớn, làm lễ khấn văn như sau:

Văn khấn vào những ngày tuần tiết

(dành cho bán khoán)

Na mô A Di Đà Phật (3 lạy)

Đệ tử mãi chủ và mãi tử chúng con thành tâm cúi lạy 9 phương trời 10 phương chư Phật.

Con cúi lạy đức Chúa ông bản tự thập bát long thần già lam chúa tế.

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Mãi chủ con là.....

Vợ.....

Mãi tử là.....

Chúng con chí thành chí thiết dâng lên lễ bạc hương hoa kim ngân phẩm vật. Cúi lạy Đức chúa ông linh thiêng soi xét xá tội xá lỗi, phù hộ độ trì cho gia đình chúng con cùng mãi tử (con bán).....bốn mùa được yên vui tám tiết không vận hạn, thân tâm an lạc, gia đình bình yên, an khang thịnh vượng... cúi mong Ngài chứng minh, chúng giám cho chúng con được sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm. Chúng con xin chí thiết, chí thành, nhất tâm bái tạ.

Cẩn nguyện

7. *Đang hương đám hiếu*

Cách tính tuổi người chết có nhập mộ, thiên di và trùng theo quan niệm của người xưa (năm, tháng, ngày, giờ)

1. *Phải biết người chết bao nhiêu tuổi.*

2. *Năm, tháng, ngày, giờ người chết.*

3. *Nam giới tính từ cung Dần xuôi theo chiều kim đồng hồ.*

4. *Nữ giới tính từ cung Thân ngược chiều kim đồng hồ đến cung Dậu.*

Thí dụ: khởi một mười (10) hai mươi (20) v.v... đến tuổi chết vào cung nào dưới cung đó một cung khởi tháng giêng tính cho đến tháng chết, tính liền dưới cung chết này đến ngày chết. Dưới cung ngày chết tính liền đến cung giờ chết.

Chẳng hạn người đàn ông chết vào giờ Dần, ngày mồng sáu tháng ba thọ 66 tuổi.

Cách tính: Một mười khởi từ cung Dần

Hai mươi ở cung Mão

Ba mươi ở vào cung Thìn

Bốn mươi ở cung Ty

Năm mươi ở cung Ngọ

Sáu mươi ở cung Mùi

Sáu mươi một ở cung Thân, sáu mươi hai ở cung Dậu, sáu mươi ba ở cung Tuất, sáu mươi tư ở cung Hợi, sáu mươi lăm ở cung Tý, sáu mươi sáu ở cung Sửu (tuổi chết có tuổi nhập mộ). Sau cung Sửu, khởi tháng giêng ở cung Dần, tháng hai ở cung Mão, tháng ba ở cung Thìn, (tháng chết có một nhập mộ). Sau cung Thìn, khởi ngày mồng một ở cung Ty, mồng hai ở Ngọ, mồng ba ở Mùi, mồng bốn ở Thân, mồng năm ở Dậu, mồng sáu ở Tuất (ngày chết có một nhập mộ) sau cung Tuất khởi giờ chết ở cung Hợi, Sửu ở cung Tý, Dần ở cung Sửu (giờ chết có một nhập mộ). Như vậy người chết là tận số. Con cháu hậu sinh sẽ làm ăn phát đạt, không còn lo lắng nhiều cho người chết nữa.

CÓ THỂ THAM KHẢO BẢNG SAU:

Trùng năm (rất xấu) Ty	Thiên di Ngọ	Nhập mộ (tốt) Mùi	Trùng tháng (xấu) Thân ← (khởi nữ)
Nhập mộ (tốt) Thìn			Thiên di
Thiên di Mão			Dậu Nhập mộ (tốt) Tuất
Trùng giờ (xấu) Dần (khởi nam)↑	Nhập mộ (tốt) Sửu	Thiên di Tý	Trùng ngày (xấu) Hợi

Người xưa có câu:

- Tý, Ngọ, Mão, Dậu thiên di (chuyển linh cữu khi đưa đám tang).
- Thìn, Tuất, Sửu, Mùi vì nhập mộ người chết là tận số, con cháu hậu sinh làm ăn có tài lộc sau này.
- Dần, Thân, Tỵ, Hợi thì trùng tang. Trong gia đình có người chết nên phòng tránh mọi điều xấu, rủi ro cho gia đình mình và nội tộc

Văn khấn đám hiếu

(Khi nhà có đám hiếu cần đặt bàn thờ, hoặc khi chôn cất tế lễ thì dùng văn khấn này. Có thể đổi đi đôi câu chữ cho phù hợp).

Na mô A Di Đà Phật (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đương cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương.
- Đông trù tư mệnh Táo Phủ thần quân.
- Chư Gia Tiên Cao tăng Tổ tỷ.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Người thân của gia đình con là.....

đã mất vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Hỡi ôi!

Vùng đất rộng dường bao, bầu trời cao xa có mấy? Cây cao ấy, gió cả ấy, nổi sâu kia ai khéo đắp làm chi. Bờ cõi này, cảnh vật này, dấu cũ nọ bóng đi đâu chẳng thấy. Luống trông mấy đám bạch vân kia, phải đặt một linh sàng thờ cúng. Hương hoa lễ vật dâng lên, làm tròn đạo hiếu.

Cúi xin hâm hưởng

Cẩn cáo

III. DÂNG HƯƠNG Ở ĐÌNH - ĐỀN - MIẾU - PHỦ

A. CẤU TRÚC THỜ TỰ NƠI ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

Tục thờ Thần Linh là một trong những truyền thống văn hoá tín ngưỡng lâu đời của người Việt Nam. Dù có sự thâm nhập rất mạnh của Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo hay nói chung là các tôn giáo, tín ngưỡng ngoại lai vẫn không làm mất đi tập tục truyền thống lâu đời này. Trái lại, vẫn trường tồn trong lịch sử dân tộc. Đình, Đền, Miếu, Phủ đã trở thành một yếu tố vật chất không thể thiếu trong sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng của người Việt Nam, nó ăn sâu vào tiềm thức, vào tình cảm tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt Nam. Đình, Đền, Miếu, Phủ cùng với sự lưu truyền về sự linh diệu của Thánh, Thần trong nhiều trường hợp đã đi vào những trang sử oai hùng của dân tộc; đã góp phần không nhỏ vào việc duy trì tình cảm yêu nước, cố kết khối cộng đồng làng xã và dân tộc Việt Nam.

Theo tín ngưỡng thì Đình, Đền, Miếu, Phủ đều là những nơi linh thiêng để các Thánh, các Thần hay các Mẫu giáng trụ. Tuy nhiên cấu trúc thờ tự ở mỗi loại có khác nhau, đòi hỏi mỗi người khi thực thi lễ dâng hương ở Đình, Đền, Miếu, Phủ không thể không tìm hiểu.

1. "Đình" với việc phụng thờ đức Thành hoàng

Hầu như *mỗi làng xã* Việt Nam đều có một ngôi Đình - Đình làng. Đôi khi có những ngôi Đình rất lớn, riêng khu "Đại bái" đã có thể xây tới 7 gian hay 9 gian.

Ngoài ý nghĩa là trung tâm sinh hoạt chính trị - xã hội của cộng đồng làng - xã, Đình làng còn giữ vai trò chức năng là nơi thờ tự Thành hoàng. Có làng thờ một vị, có làng lại thờ đến hai vị Thành hoàng.

Thành hoàng là vị *phúc thần* có thể là Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần hay Hạ đẳng thần. Các vị Thành hoàng là Thượng, Trung hay Hạ đẳng thần là do các triều đại phong kiến sắc phong.

Trong ý thức cộng đồng làng - xã người Việt Nam thì các vị Thành hoàng là các vị phúc thần giữ vai trò cổ kết khối cộng đồng; ngài bảo vệ cho mỗi thành viên, mỗi dòng họ trong làng; ngài giáng phúc trừ tai cho cộng đồng làng xã đồng thời cũng "quở phạt" những ai vi phạm luật lệ, tập tục trong làng. Theo nhiều truyền thuyết thì nhiều vị Thành hoàng đã có công "âm phù", "báo mộng" cho một số vị vua hay tướng lĩnh triều đình trong những cuộc hành quân tiêu trừ phản loạn hay chống giặc ngoại xâm.

Các vị thần được thờ làm Thành hoàng của các làng xã Việt Nam cũng rất phong phú, đa dạng. Có vị là nhân thần, là tướng lĩnh có công với triều đình trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, nhưng cũng có những vị thần được nhân dân làng xã tôn xưng thờ phụng làm Thành hoàng lại chỉ là những nhân vật huyền thoại; lại có những vị Thành hoàng là thần *ăn trộm*, thần *trẻ con*, thần *ăn mày*, thần *gắp phân*...

Dù xuất xứ của một vị thần được tôn làm Thành hoàng có như thế nào chăng nữa thì một khi làng xã đã tôn xưng, phụng thờ mọi người dân trong làng - xã đều có ý thức tôn kính một cách tự giác đối với thần.

Bởi vậy, không chỉ những dịp làng tổ chức tế lễ lớn tại Đình làng như khi làng "vào đám", tế lễ vào dịp Tết Nguyên đán, vào các dịp

tuần tiết, bốn mùa xuân, hạ, thu, đông... hàng năm, người dân làng - xã mới tới dâng hương tại Đình mà ngay cả những khi mỗi gia đình nào đó trong làng xã có sự kiện hiếu, hỷ như sinh con, cưới xin, ma chay, khao vọng, đi thi đỗ đạt... người ta cũng có thể biện lễ tới thỉnh cáo Thành hoàng và cầu ngài gia cát phù trì cho gia chủ.

Vào những dịp lễ lớn, khách thập phương có thể tới dâng hương, bày tỏ lòng thành kính và cầu xin ngài phù hộ.

Vì sao dân gian lại thờ Thành hoàng

Thành hoàng được tôn sùng làm thần minh bảo hộ con người trước đây điều đó rất phổ biến. Trong các thành phố dù to hay nhỏ đều có xây Miếu thờ Thành hoàng. Trong ý thức quan niệm sùng bái xưa, tất cả những sự vật có liên quan đến đời sống thường ngày của con người đều được thần minh bảo hộ.

Thời xưa ở Trung Quốc, người ta gọi rãnh đào ở ngoài thành là "trì" nếu có nước, nếu không có nước thì gọi là "hoàng". "Thành hoàng" là cái ngòi nước bảo vệ ngày xưa, tức là "Thủy dung thần" phát triển dần thành thần bảo vệ thành thị, tức thần Thành hoàng, sử ký ghi chép rằng: Đại tướng của Bắc Tề là Cung Dung Nghiêm cùng quân sỹ bị quân Lương vây hãm không thể cứu viện được, nhưng do quân dân đã cúng tế thần Thành hoàng trong Miếu thần và được "linh nghiệm". Vị Thành hoàng hiển linh đã làm cho quân sỹ bỗng chốc bùng bùng dũng khí, có sức mạnh áp đảo và cuối cùng đã đánh bại quân Lương. Từ đó uy danh của Thành hoàng trở nên lừng lẫy, chấn động bốn phương. Đến đời Đường, nền kinh tế thành thị phát triển, thương mại rất phồn vinh, tín ngưỡng Thành hoàng càng trở nên phổ biến, người ta xây Miếu để thờ phụng.

Cùng với sự ảnh hưởng của Thành hoàng ngày nay càng rõ nét, Đạo giáo đã đưa Thành hoàng vào trong hệ thống Thần Linh của mình, coi là một trong những Thần Linh được sùng bái, là thần diệt ác trừ hung, bảo hộ đất nước. Thành hoàng có thể ứng nghiệm với sự cầu mong của con người, khi hạn ban mưa, khi úng ban nắng, giúp dân

được phong lưu no đủ. Đạo giáo còn coi Thành hoàng là thần cai quản vong hồn. Khi các đạo sỹ làm lễ cầu siêu cho các vong hồn, phải viết văn chiếu theo ý Thành hoàng mới có thể giải thoát cho các vong hồn lên đàn tràng được. "Thái bình quảng ký" ghi rằng thần Thành hoàng là chúa phần âm".

Bởi vì trong quan niệm của người đời "Thành hoàng" là trưởng quan của phần âm, cho nên Thành hoàng các vùng thường được thay thế bằng những vị anh hùng hoặc bề tôi nổi tiếng đã lìa cõi trần. Coi họ là Thành hoàng ở chính vùng đó. Họ mong rằng các vị anh hùng này cũng sẽ anh linh như khi còn sống để phù trợ cho trăm họ, diệt ác trừ tà.

Hoạt động thờ Thành Hoàng chủ yếu có mấy mặt sau:

a. Miếu trị bệnh: trăm họ tin theo thầy mo, khi mắc bệnh thường đến Miếu Thành hoàng để rút thẻ, xem bói và ở trong Miếu, tà ma không dám gần người bệnh và bệnh tự nhiên được thuyên giảm.

b. Thăm dạ đường: tức là mời Thành hoàng ban đêm mở cửa Miếu để tra xét quỷ.

c. Phát lộ phiếu: những người chết ở xa quê, phải đến Miếu Thành hoàng để lĩnh phiếu đi đường, mới có thể đưa hồn về quê hương được, nếu không sẽ trở thành quỷ ở quê người.

d. Thiên vương cáo (tức đốt sớ): vương cáo là tờ kêu oan của trăm họ, thiên vương cáo tức là đem tờ kêu oan lên Miếu Thành hoàng đốt, Thành hoàng có thể kêu oan cho.

e. Chấn áp tai họa, bệnh dịch và cầu mưa...

2. Kiến trúc Đình làng: cấu trúc thờ tự trong mỗi Đình làng có thể khác nhau, tùy theo từng địa phương, từng vùng và nguồn lịch sử của ngôi Đình, song giữa các ngôi Đình vẫn có những nét khá chung về cấu trúc thờ tự mà người dân khi thực thi tín ngưỡng dâng hương không thể bỏ qua.

a. Hậu cung: các ngôi Đình đều có "hậu cung" hay "nội điện",

cũng còn gọi phổ biến là "*Đình trong*". Đó là vị trí trong cùng của Đình tính từ phía mặt tiền của ngôi Đình. Đây là chốn thâm nghiêm, nơi thờ tự chính của ngôi Đình. Đây cũng là nơi mà người bình thường không được bước vào. Với ý nghĩa đó nơi đây còn được gọi là *cung cấm*.

Trong cung cấm thường có tượng hoặc bài vị của Thành hoàng đặt trong long ngai hay long khám. Phổ biến là người ta thờ trong cung cấm long ngai cùng bài vị, sắc phong Thành hoàng. Rất hiếm gặp việc thờ tượng. Ngay phía trước bàn thờ đặt long ngai, bài vị, sắc phong của Thành hoàng là một *hương án*. Trên hương án thường đặt bình hương và các đồ thờ khác nhau. Bao quanh ba mặt của bàn thờ và hương án (hai bên tả hữu và mặt tiền) là các *hàng tự khí* gồm các đồ bát bửu, lô bộ, tàn lọng, cờ quạt, v.v... làm tăng thêm vẻ uy nghi của cung cấm.

Cũng có những Đình thờ Thành hoàng, trong đó lễ bộ (thường là hai thanh mác trường, hai ngọn cờ tiết mao, hai Phủ việt) lại bỏ đồ thờ bình khí, chỉ dùng hai lá cờ tiết mao. Người dân trong làng xã rất tự hào về hai lá cờ tiết mao này vì nó là tượng trưng cho chức sắc của đức Thành hoàng được triều đình công nhận.

b. Nhà Đại Bái: phía trước cung cấm là *nhà Đại bái*. Đây là khu vực lớn nhất của kiến trúc Đình, hai bên tả hữu của nhà đại bái có thể được dùng làm nơi hội họp của dân làng, xã mỗi khi làng có tổ chức tế lễ Thành hoàng, hay họp làng.

Chính giữa nhà Đại bái được gọi là *trung Đình*. Đây là gian giữa của nhà đại bái được dùng làm nơi tế tự Thành hoàng.

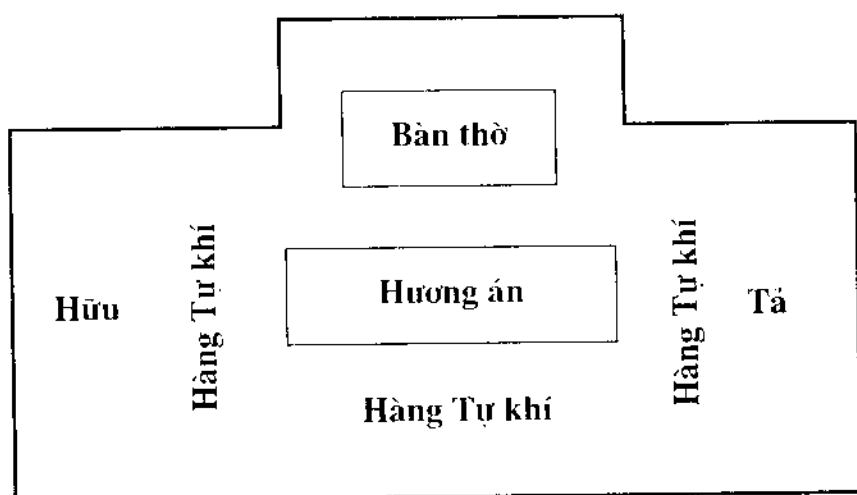
Tính từ phía hậu cung trở ra người ta thường đặt một *hương án*, nhiều Đình cũng có thêm nhiều đồ thờ khác ngoài bình hương.

Trên mặt sàn nền của Đình người ta thường trải chiếu để làm lễ. Hai bên tả, hữu của trung Đình là hai cái bàn dài dùng để đồ lễ. Lễ vật của dân làng cũng như của khách dâng cúng Thành hoàng đều được đặt trên hai chiếc bàn này.

Phía ngoài nhà đại bái là sân Đình, hai bên tả hữu của sân Đình có hai dãy hành lang có mái che mưa, nắng gọi là tả mạc và hữu mạc.

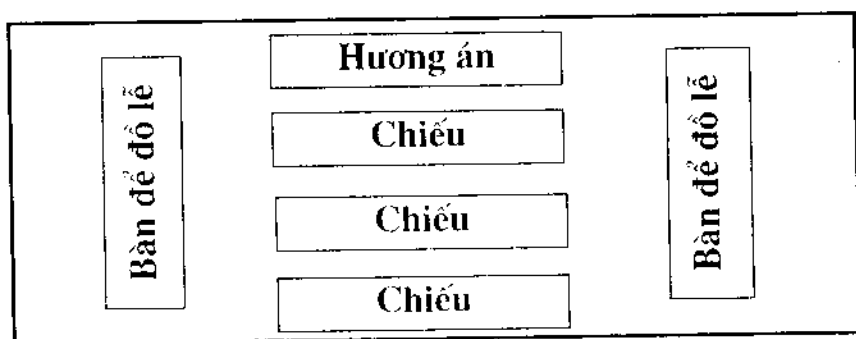
Đây là hai vị trí mà người ta có thể sử dụng để sửa sang lại lễ vật, mũ áo trước khi dâng lễ vào nhà đại bái.

Cấu trúc thờ tự nơi Đình làng có thể khái quát qua sơ đồ sau đây:



(Khu nội điện hay Đình trong)

Hai bên tả hữu có thể được đặt bàn thờ các vị bộ hạ, tiểu tướng của Thành hoàng



(Khu Đại bái)

3. *Đền, Miếu với việc thờ Thánh, Thần*

Đình, Đền, Miếu đều là những nơi linh thiêng thờ Thánh, thờ Thần nhưng Đền, Miếu có những điểm khác Đình.

- Mỗi làng chỉ có một Đình nhưng có thể có nhiều ngôi Đền, Miếu.
- Theo một số học giả, Đình là nơi thờ vọng còn nơi thường trú của thần là Đền. Nghĩa là chỉ những ngày tế lễ ở Đình thần mới giáng lâm.
- Cấu trúc của Đình thường thoáng, cao, thích hợp nhiều hơn với việc hội họp dân làng, xã; còn Đền, Miếu thường có cấu trúc tối hơn, gây cảm giác linh thiêng, bí ẩn cho những người đến cầu cúng lễ bái.
- Đình có thể là nơi để hội họp dân làng, xã; còn Đền, Miếu chỉ dành riêng cho việc phụng thờ, tế lễ Thần Linh.
- Đền, Miếu thường được xây dựng ở những nơi thắng cảnh, nhất là gò cao, gần hồ to, sông lớn; còn Đình thường xây dựng "tuỳ chỗ nào trung độ, tiện cho dân làng hội họp" (Theo "Việt Nam phong tục" của Phan Kế Bính).

Nói chung, thường thì Đình có kiến trúc lớn hơn Đền, Miếu.

Giữa Đền và Miếu cũng có những khác biệt nhất định như:

- Trừ một số trường hợp cũng gọi là "Miếu" như *Thái Miếu, Văn Miếu*... còn nói chung thì Miếu thường nhỏ hơn Đền. Miếu hầu như được lập khắp nơi, từ gốc đa lớn tới một số bến sông, chân núi, bãi tha ma (nghĩa địa)... đều có thể có những Miếu nhỏ như *Miếu Sơn thần, Miếu Hà bá, Miếu Thủy thần, Miếu Cô, Miếu Cậu*...

- Đền thường có vị Thủ Từ trông coi, quét tước, đèn nhang hôm sớm; còn Miếu, đặc biệt là Miếu nhỏ thì không có Thủ Từ.

- Vào những dịp tế lễ lớn ở Đình như khi làng vào đám, ngày thần kỵ, thần dân chỉ thấy nói làm đám rước thần từ Đền vào Đình mà không nói rước các Thần Linh từ Miếu vào Đình.

- Nhiều Đền là một quần thể kiến trúc lớn, khách thập phương thường đến làm lễ rất đông, vừa là du lịch vãng cảnh vừa là thực thi tín ngưỡng, còn Miếu, nhất là Miếu nhỏ thì không có điều ấy, v.v..

Nếu đi sâu tìm hiểu nhiều khi rất phức tạp, khó phân loại. Giả như giữa các Đền ở các vùng cũng khác nhau ít nhiều về cấu trúc xây dựng và cấu trúc thờ tự. Hoặc Đền có nơi thờ Nam thần, lại có Đền thờ Nữ thần. Trong trường hợp này Đền thờ Nam thần thường được cấu trúc

xây dựng to, hoành tráng còn Đền thờ Nữ thần thường thấy nhỏ hơn. Lại nữa, Đền thờ Nam thần thường ít ban thờ hơn, Đền thờ Nữ thần thường rất nhiều ban thờ như ban *Tứ Phủ công đồng, ban cô, ban cậu...*

Hiện nay có những Đền thờ Nam thần cũng xây dựng và đặt thêm *ban thờ Mẫu, thờ cô, thờ cậu...* mà vốn kiến trúc trước đây không có. Đây cũng là hiện tượng mới mẻ mà người thực thi tín ngưỡng, tham quan du lịch Đền. Miếu cần lưu ý.

Nói chung, *cấu trúc thờ tự* của Đình và Đền không khác nhau về cơ bản. Nghĩa là cấu trúc thờ tự của Đền cũng giống như ở Đình gồm khu hậu cung (nội điện) và nhà đại bái, đôi khi còn gọi là nhà tiền tế - tức là khu nhà phía trước dùng làm nơi đặt lễ tế thần.

Vì Đền không phải là nơi dành cho việc hội họp dân làng, xã mà chỉ là nơi tế tự Thần Linh vào các kỳ tuần tiết, sóc vọng hay ngày thần誕, thần kỵ nên cấu trúc xây dựng của Đền thường không có hai bên tả hữu rộng rãi như Đình; tất cả hai bên tả, hữu (nếu có) thường cũng là các vị trí để đặt các ban thờ, chỉ chừa một khoảng trống vừa phải để người ta có thể thực thi tín ngưỡng thờ cúng, lễ bái khi đến dâng hương.

Nhiều Đền, Miếu được xây dựng theo hình chữ nhật (đặt ngang hay dọc). Khu hậu cung và tiền tế có thể được ngăn ra làm hai phần bởi một bức màn thờ.

Việc khái quát cấu trúc thờ tự nơi các Đền chỉ có thể ở điểm chung nói trên.

4. Phủ với việc thờ Thánh Mẫu

Nếu như Đền có thể là nơi thờ Nam thần hoặc Nữ thần thì Phủ là nơi linh thiêng *chỉ dành cho việc thờ tự Thánh Mẫu*. Có những Phủ rất lớn, với một quần thể kiến trúc rộng như Phủ Giầy hoặc "vừa phải" như Phủ Tây Hồ.

Có người cho rằng tín ngưỡng về Mẫu là một nét đặc trưng của tín ngưỡng bản địa Việt Nam. Hiện nay tín ngưỡng về Thánh Mẫu rất phổ biến trong nhân dân.

Cấu trúc thờ tự của Phủ rất phong phú, với nhiều ban thờ, nhiều tượng thờ, thể hiện tinh thần hoà đồng tôn giáo.

Cấu trúc thờ tự đơn giản nhất cũng bao gồm các ban thờ sau đây:

a. Hậu cung: là nơi thâm nghiêm đặt ban thờ Mẫu, thường là "*Tam toà Thánh Mẫu*".

+ Một tượng Mẫu ở vị trí cao nhất, chính giữa, thường có sắc phục *màu đỏ* (có nơi lại đặt sắc phục màu vàng). Đó là tượng Bà Chúa Liễu Hạnh.

+ Thấp hơn tượng Bà Chúa Liễu hạnh một chút ở phía hữu là Mẫu đệ nhị, có sắc phục *màu trắng*. Đó là Mẫu Thoải.

+ Tương ứng về phía tả là Mẫu đệ tam có sắc phục *màu xanh*. Đó là Mẫu Thượng Ngàn.

b. Mặt tiền của hậu cung Tam toà Thánh Mẫu là một ban thờ lớn. Ban thờ này gồm ba lớp thờ tự tính từ phía hậu cung trở ra:

+ Lớp thứ nhất gồm: Giữa là *Vua cha Ngọc hoàng*, bên tả là vị *Nam Tào*, bên hữu là vị *Bắc Đẩu*.

+ Lớp thứ hai gồm năm vị quan lớn (gọi là "*Ngũ vị thái tử*").

Đệ nhất: Áo đỏ, là Quan Thượng Thiên.

Đệ nhị: Áo xanh, là Quan Giám Sát.

Đệ tam: Áo trắng, là Quan Thủy Phủ.

Đệ tứ là Áo vàng là Quan Khâm Sai.

Đệ ngũ: Áo đen (đôi khi màu tím, lam) Quan Tuân Tranh.

Năm màu áo này tượng trưng cho màu của ngũ hành: Kim (trắng), Mộc (xanh), Thủy (đen), Hoả (đỏ) và Thổ (vàng).

Chính giữa lớp thứ hai và thứ ba là một dãy đồ thờ tự khí, phía trước là một bát (bình) hương lớn.

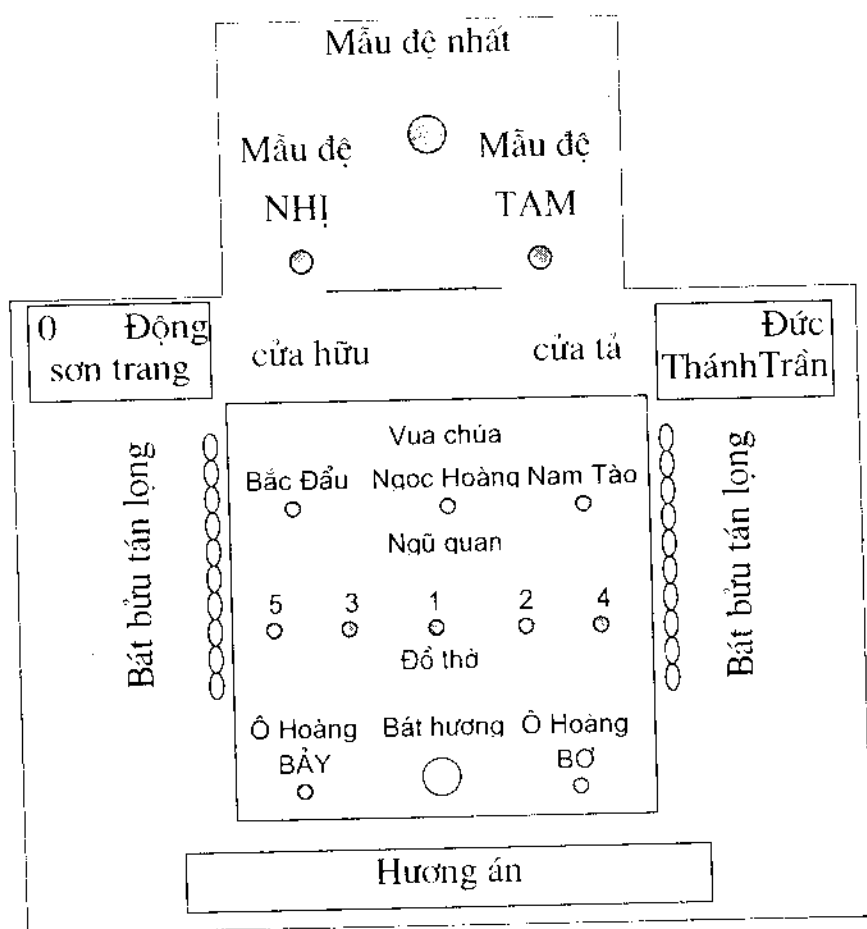
Hai bên tả hữu của ban thờ này là dãy bát bửu, tàn lọng làm tăng vẻ uy nghi của ban thờ.

c. Hai bên tả hữu của ban thờ nói trên là ban thờ Đức Thánh Trần (Hung Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn) ở bên tả còn bên hữu là ban thờ Động Sơn Trang (Chúa Sơn Trang).

d. Phía dưới ban thờ nói trên thường là ban thờ quan Ngũ Hồ cùng Thanh xà, Bạch xà.

e. Ngoài cùng của ban giữa Phủ là một hương án.

Có thể khái quát cấu trúc thờ tự nói trên qua sơ đồ sau đây:



Một số Phủ (hoặc Đền thờ nữ thần) còn có thêm các ban thờ: Lầu cô, Lầu cậu (ở gần hoặc ngay sau cửa ra vào phía tả phía hữu của Phủ Đền); ban thờ thần hoàng, ban thờ châu Thủ Đền (ở phía trong Phủ, Đền), hoặc thêm long ngai trên hương án...

Đạo thờ Thánh Mẫu phức tạp, đa dạng là thế, phải tùy từng nơi mà có cái nhìn cụ thể. Song khái quát lại thì thường cấu trúc thờ tự bao gồm:

- Ban Mẫu.
- Ban Công đồng quan lớn.
- Ban Ngũ hổ, Song Long.
- Ban thờ Đức Thánh Trần.
- Ban thờ Chúa Sơn Trang.
- Ban thờ Thần Hoàng địa thổ, Thủ Đền tại vị.
- Ban thờ cô, thờ cậu.

Nhiều Đền, Phủ còn có cấu trúc thờ tự thêm cả ban Phật. Như vậy, một mặt trong đạo thờ Thánh Mẫu đã thể hiện tinh thần hoà đồng tôn giáo: bản địa và ngoại lai. Mặt khác nhiều Đền, Chùa lại chịu ảnh hưởng của tục thờ Thánh Mẫu nên cấu trúc thờ tự ở một số Đền, Chùa ngoài việc thờ một vị Thần Linh chính nào đó hay thờ Phật, thờ Bồ Tát... còn có cả những ban thờ Thánh Mẫu nữa.

Chẳng hạn như cấu trúc thờ tự của: Đền Bà Chúa Kho (ở thôn Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Đây là một ngôi Đền được lập ra để tôn thờ Bà Chúa Kho (Chủ Khố Tử). Đó là vị thần, vị chúa chính của Đền. Bàn thờ Bà Chúa Kho được đặt nơi *cung thượng* - cung cấm của Đền. Hai bên tả hữu có ban thờ Đức Ông và ban thờ Châu Bà. Phía mặt tiền của cung thượng là cung đệ nhị: nơi đặt ban thờ "Tam toà Thánh Mẫu". Còn phía trước ban Tam toà Thánh Mẫu là ban "Công đồng Tứ Phủ". Bên tả và bên hữu của ban Công đồng tứ Phủ là ban thờ ông Hoàng Bảy và ông Hoàng Bơ. Lềch về bên tả của ban Công đồng Tứ Phủ là ban thờ Bát bộ Sơn trang. Ngoài cùng về phía tả là ban thờ Cô, thờ Cậu; còn bên hữu, ngoài sân Đền lại có thêm đài "Cửu thiên".

Như vậy Đền Bà Chúa Kho không chỉ là nơi linh thiêng thờ một vị chúa mà còn là nơi linh thiêng thờ Thánh Mẫu cùng nhiều vị thần khác có liên quan tới tục thờ Thánh Mẫu. Tuy nhiên, ở những nơi thờ

như vậy thì cung cấm phải là nơi thờ vị thần, vị chúa, vị Thánh của chính Đền đó, còn các ban khác đặt phía ngoài, chỉ nằm trong cấu trúc thờ tự chung của ngôi Đền. Ngược lại, nếu là Phủ thờ Thánh Mẫu thì cung cấm, cung thượng đương nhiên phải là nơi an vị của Thánh Mẫu.

Tính chất hoà đồng tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt Nam còn thấy qua cấu trúc thờ tự của một số Chùa. Chẳng hạn, Chùa Hà (thuộc Từ Liêm - Hà Nội) là nơi được lập ra để thờ Phật, Bồ Tát. Thế nhưng trong cấu trúc thờ tự lại có thêm nhà thờ Thánh Mẫu ở phía tả Chùa.

Tính chất hôn dung, hoà đồng tôn giáo, tín ngưỡng tại mỗi khu vực thờ tự cũng như ngay trên một diện thờ như thế đã góp phần thoả mãn tính đa dạng, tinh thần bao dung của người Việt Nam, vốn là một trong những đặc trưng nổi bật trong lịch sử văn hoá - tín ngưỡng nước nhà. Nó góp phần thoả mãn đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, của mỗi người khi đi du lịch tham quan cũng như khi thực hành tín ngưỡng.

B. NGHI THỨC VÀ VĂN KHẤN KHI THỰC HÀNH LỄ DÂNG HƯƠNG TẠI ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

1. Nghi thức chung

a. Khi nào đến Đình, Đền, Miếu, Phủ?

Tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ đều có các kỳ dâng hương lớn, mang tính tổ chức với những nghi thức chặt chẽ, nghiêm trang cùng với tổ chức hội hè tấp nập, đông đúc cho khách thập phương.

Sau những kỳ lễ dâng hương như vậy mọi cá nhân có nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng đều có thể tuỳ tâm dâng lễ vật, khấn cầu, làm lễ dâng hương tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ.

Không chỉ trong kỳ lễ dâng hương lớn, mà ngay cả trong cuộc sống thường nhật, khi "hữu sự" người ta cũng có thể lòng thành sắm lễ vật tới dâng hương tại Đình, Đền, Miếu, Phủ.

Đến với những nơi thờ tự như vậy trước hết là biểu hiện một tập tục văn hoá truyền thống của dân tộc là thể hiện sự kính trọng, tôn sùng, nhớ ơn các vị tiền nhân đã có công với cộng đồng làng, xã, dân tộc... trong lịch sử. Đó cũng là thể hiện đạo lý của con người Việt Nam "uống nước nhớ nguồn": trong dòng họ gia đình thì công ơn tiên tổ, trong làng, xã thì có Thành hoàng....là những bậc Thánh Thần đã có công khai phá lập làng, đánh giặc giữ nước, cứu nạn trừ tai, bảo vệ cộng đồng làng xã dân tộc.

Những nơi thờ tự Đình, Đền, Miếu, Phủ còn là những trung tâm sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, bởi ngoài việc thoả mãn nhu cầu văn hoá truyền thống, người đến thực hành lễ dâng hương tại những nơi thờ tự Đình, Đền, Miếu Phủ còn nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng nữa.

Với tư cách thứ hai này, đòi hỏi người thực hành tín ngưỡng trước hết phải có *tâm thành* với Thần, Thánh Mẫu.

Nếu đến với Đình, Đền, Miếu, Phủ mà tâm không thành thì mới chỉ là người văn cảnh, du lịch mà thôi chứ tâm thành phải là người thực hành tín ngưỡng.

Ngày nay, có nhiều người đến các nơi thờ tự chỉ với mục đích văn cảnh, du lịch. Nếu họ có thắp hương dâng lễ vật, khấn cầu thì nhiều khi cũng chỉ làm theo tập tục truyền thống, theo kiểu "nhập gia tùy tục". Đây là điều hết sức bình thường. Song lại có những người đến nơi thờ tự chỉ với mục đích tín ngưỡng. Cũng có những người đến với mục đích thoả mãn cả hai nhu cầu ấy.

Trong trường hợp đến với Đình, Đền, Miếu, Phủ với mục tiêu thoả mãn tín ngưỡng, tôn giáo đòi hỏi người thực thi tín ngưỡng phải có lòng tin vào linh thiêng. Cổ nhân thường nói "Linh tại ngã, bất linh tại ngã" (nghĩa là linh thiêng hay không linh thiêng không phải là cái ở bên ngoài mà ở ngay trong ta). Theo ý nghĩa ấy, khi đến các nơi thờ tự mà tâm ta động, lòng ta thành thì quỷ thần mới chứng, sự cầu mới nên. Ấy là cứ theo cổ nhân thì vậy, còn có thật có chứng, có nên hay không thì tùy ở sự chiêm nghiệm của mỗi người. Người bảo có, kẻ bảo không, ấy cũng là "linh tại ngã" và "bất linh tại ngã" vậy.

Xưa đức Khổng Tử (bậc "chí nhân tiên Sư" của đạo Nho) bảo: "kính quý thần nhi viễn chi" nghĩa là tôn kính quý thần nhưng mà nên xa quý thần. Xem thế thì Ngài không phải là người phủ nhận sự tồn tại của quý thần nhưng đồng thời Ngài lại dạy chớ có quá gần quý thần.

Có lẽ quá gần quý thần thì dễ sinh ra mê tín quý thần, phò thác mình cho số phận an bài chăng? Xem ra lời dạy ấy của đức Khổng Tử cũng không phải là không cần thiết đối với người thực hành tín ngưỡng tại những nơi thờ tự Đình, Đền, Miếu, Phủ hiện nay.

Với lòng tôn kính nơi linh thiêng của Đình, Đền, Miếu, Phủ đòi hỏi người đến thực hành tín ngưỡng phải là những người có tâm thành, "tâm động" để "quý thần tri" mà còn phải là người trong sạch từ trong đến hình thức bên ngoài.

Đến những nơi Đình, Đền, Miếu, Phủ đòi hỏi người thực hành tín ngưỡng phải gạt bỏ ai oán, hối lỗi mọi ý nghĩ xấu, lời nói không phải, hành động bất chính hàng ngày chót gặp phải để đến với Thần, Thánh. Mẫu. Ngoài ra phải tắm gội sạch sẽ, nên "kiêng giới" một số ngày trước khi hành hương về thánh địa thờ tự; nên ăn chay, làm vài việc từ thiện trước ngày dâng hương hành lễ. Khi có tang, để trở người thân người ta cũng không dự lễ dâng hương tại Đình, Đền, Miếu, Phủ. Tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ thường có tổ chức hội hè náo nhiệt. Nhưng đó là ở bên ngoài, còn ở bên trong Đình, Đền, Miếu, Phủ là những bàn thờ uy nghi, thường có biển đề hai chữ "tĩnh túc" (nghĩa là yên lặng) điều này nhắc nhở cho những người đến thực hành tín ngưỡng dâng hương cần phải có thái độ kính cẩn, yên lặng, không làm huyên náo nơi thờ tự, điều đó góp phần làm tăng thêm vẻ thâm nghiêm của chốn thờ tự. Ngay khi khấn người ta cũng không khấn to, chỉ khấn nhảm nhảm trong miệng mà thôi.

b. Sắm lễ vật gì khi đến dâng hương tại Đình, Đền, Miếu, Phủ?

Khi đến Đình, Đền, Miếu, Phủ nên có lễ vật. Lễ vật có thể to, nhỏ, nhiều, ít, sang, mọn tùy tâm.

Ngay cả với những người đến chốn thờ tự Đình, Đền, Miếu, Phủ chỉ với mục đích văn cảnh cũng nên như vậy. Đây không phải là vấn đề "tiêu cực" hay mê tín dị đoan. Sự văn cảnh nơi thờ tự khác với đi du lịch nơi không có thờ tự chính là ở điều này.

Mặc dù Đền, Đình, Miếu, Phủ là nơi thờ Thánh, thờ Thần, thờ Mẫu nhưng người ta vẫn có thể sắm lễ chay như: hương, hoa, quả, oản....để dâng cúng được. Có người cho rằng lễ chay chỉ để lễ Phật, còn lễ Thánh, Thần thì phải lễ mặn nên rất cầu kỳ trong việc sắm lễ vật trước khi đến nơi thờ tự. Song thực tế thì tùy tâm sắm lễ vật mới là tâm thành. Trong những ngày lễ lớn, dù có sắm sửa linh đình cũng khó có nơi bày đặt lễ vật. Nên chăng khi có tâm thành với Thánh, Thần, thì nên cúng công đức để tu tạo, sửa sang chốn thờ tự có lễ tốt hơn.

Mặc dù vậy, người có điều kiện, lại có tâm thành thì đi sắm sửa lễ vật dâng cúng cũng cần *phân biệt các loại lễ vật*. Có mấy loại lễ vật chính sau đây:

Lễ chay: gồm hương, hoa, trà, quả, oản...dùng để lễ ban Phật, Bồ Tát (nếu tại nơi thờ tự có ban này).

Lễ chay cũng được dùng để dâng ban Thánh Mẫu. Trong trường hợp này người ta thường sắm thêm một số hàng mã để dâng cúng như tiền, vàng, nón, hia, hài, v.v.

Lễ mặn: gồm có gà, lợn, giò, chả, v.v. được làm cẩn thận, nấu chín.

Nếu có lễ này thì đặt tại bàn thờ Ngũ vị Quan lớn tức là ban công đồng.

Lễ đồ sống: gồm có trứng, gạo, muối hoặc thịt mỗi (một miếng thịt lợn khoảng vài lạng).

Đây là lễ giành riêng cho việc dâng cúng quan Ngũ hổ, Bạch xà, Thanh xà đặt ở hạ ban công đồng tứ phủ.

Theo lệ thường thì gồm 5 quả trứng vịt sống đặt trong một đĩa muối, gạo; hai quả trứng gà sống đặt trong hai cốc nhỏ, một miếng thịt mỗi được khía (không đứt rời) thành năm phần, không nấu chín (để sống).

Kèm theo lễ này cũng có thêm tiền, vàng (mã).

Cổ mặn sơn trang: gồm những đồ đặc sản Việt Nam như cua, ốc, bún, ớt, chanh quả.v.v. Nếu có gạo nếp cẩm nấu xôi, chè thì cũng thuộc vào lễ này.

Theo lệ thường, khi sắm lễ mặn sơn trang người ta thường sắm theo con số 15 : 15 con ốc, con cua; 15 quả ớt, chanh hoặc có thể chỉ cần một quả nhưng được khía ra làm 15 phần.v.v. Con số 15 này tương ứng với 15 vị được thờ tại ban sơn trang:

+ 1 vị chúa.

+ 2 vị hầu cận.

+ 12 cô sơn trang.

Lễ ban thờ có, thờ cậu: thường gồm oản, quả, hương, hoa, hia, hài, nón, áo...(đồ hàng mã), gương, lược, v.v... Nghĩa là những đồ chơi mà người ta thường làm cho trẻ nhỏ. Những lễ vật này cầu kỳ, nhỏ, đẹp và được bao trong những túi nhỏ xinh xắn, đẹp mắt.

Lễ thần Thành hoàng, Thủ điển: thường dùng lễ mặn như chân giò lợn luộc, xôi, rượu, tiền vàng, v.v...

c. Lễ ban nào trước?

Theo lệ thường người ta lễ Thần Thổ Địa, Thủ Đền trước, gọi là lễ trình. Gọi là lễ trình vì đó là lễ cáo Thần Linh Thổ Địa nơi mình đến dâng lễ. Người thực hành tín ngưỡng cáo lễ Thần Linh cho phép được tiến hành lễ tại Đình, Đền, Miếu, Phủ.

Sau đó người ta sửa sang lễ vật một lần nữa, mỗi lễ đều được sắp bày ra các mâm và các khay chuyên dùng vào việc cúng lễ tại Đền, Đình, Miếu, Phủ...

Kế đến là đặt lễ vật vào các ban. Khi dâng lễ cần chú ý phải kính cẩn dùng hai tay dâng lễ vật, đặt cẩn trọng lên ban thờ. Cần đặt lễ vật lên ban chính trở ra ban ngoài cùng.

Chỉ sau khi đã đặt xong lễ vật lên các ban thì mới đến đoạn thắp hương.

Khi làm lễ, cần phải lễ từ ban thờ chính đến ban ngoài cùng. Thường lễ ban cuối cùng là ban thờ cô,thờ cậu.

Thứ tự khi thắp hương:

- Từ trong ra ngoài.

- Ban thờ chính của điện được đặt theo hàng dọc ở gian giữa được thắp hương trước.

- Các ban thờ hai bên được thắp hương sau, sau khi đã thắp xong hương ban chính ở gian giữa.

Khi thắp hương cần dùng số lẻ: 1 nén, 3 nén, 5 nén, 7 nén...Thường thì 3 nén.

Sau khi hương được châm lửa thì dùng hai tay dâng hương lên ngang trán, vái ba vái rồi dùng cả hai tay kính cẩn cắm hương vào bình (bát hương) trên ban thờ.

Nếu có số tau trình thì có thể kẹp số vào giữa bàn tay hoặc đặt lên một cái đĩa nhỏ, hai tay nâng đĩa số lên ngang mày rồi vái ba lần.

Sau khi lễ xong thì số tau trình được đặt tại ban Công đồng tứ phủ.

Trước khi khấn thường có thỉnh chuông. Thỉnh ba hồi chuông. Thỉnh chuông xong mới lễ, mới khấn.

Hiện nay nhiều Đình, Đền, Miếu, Phủ vào dịp có tổ chức lễ dâng hương lớn, khách thập phương đến dự quá đông đúc, khiến cho việc mỗi cá nhân thực hành lễ dâng hương bỏ qua một số nghi thức tập tục. Trong trường hợp ấy "chấp kinh" cũng có lúc phải "tòng quyền" nghĩa là không thể quá câu nệ mà trái với hoàn cảnh cụ thể.

d. Làm gì khi hạ lễ?

Sau khi kết thúc khấn, lễ ở các ban thờ nơi Đình, Đền, Miếu, Phủ mà ta tới thì trong khi đợi hết một tuần nhang có thể viếng thăm phong cảnh nơi thờ tự.

Khi thắp hết một tuần nhang có thể tiến hành thắp thêm một tuần nhang nữa.

Thắp xong nhang, vái ba vái trước mỗi ban thờ rồi hạ tiền, vàng...(đồ mã) đem ra nơi hoá vàng để hoá (thường mỗi nơi thờ tự của Đình, Đền, Miếu, Phủ đều có một lò hoá tiền vàng... cho khách đến lễ).

Khi hoá tiền, vàng...cần hoá từng lễ một, từ lễ của ban thờ chính cho tới cuối cùng là lễ tiền vàng.... của ban thờ cô, thờ cậu.

Hoá tiền, vàng... xong mới hạ lễ dâng cúng khác.

Thường khi đặt lễ thì đặt từ ban chính trở ra, còn khi hạ lễ thì ngược lại, hạ lễ từ ban ngoài cùng vào đến ban chính. Riêng các đồ lễ ở ban thờ cô, thờ cậu như gương, lược... thì để nguyên trên bàn thờ; hoặc giả nơi đặt ban thờ cô, thờ cậu có nơi để riêng thì gom vào đó, không đem về.

Hiện nay, theo lệ thường, sau buổi lễ tín chủ thường dành một phần "lộc" nhỏ đặt vào một khay hay đĩa cùng với một số tiền tùy tâm để biếu lại người Thủ Đền ở Đền, Miếu.

Việc tuy nhỏ nhưng xem ra cũng là cách xử thế "công, tư, vẹn cả đôi đường".

Hiện nay, ở nhiều nơi thờ tự công cộng thường có hòm tiền quyên góp công đức để tôn tạo, xây dựng, duy trì nơi thờ tự. Nếu khách thập phương đến thực thi tín ngưỡng hay văn cảnh Đình, Đền, Miếu, Phủ phát tâm công đức muốn cúng một số tiền tùy tâm thì sau khi mọi việc đã xong xuôi mới xuất tiền bỏ vào hòm công đức.

2. Văn khấn

Văn khấn của cá nhân đến thực thi tín ngưỡng tại các nơi thờ tự Đình, Đền, Miếu, Phủ rất phong phú, đa dạng.

Hiện nay các nơi thờ tự lớn, công cộng, thường có "dịch vụ" mẫu văn khấn cho khách thập phương. Khách đến thực thi lễ dâng hương chỉ cần điền vào chỗ trống của văn khấn, số tau trình những điều cần thiết như ngày, tháng, năm, họ tên tín chủ cùng họ, tên vợ (chồng), con cái...; nơi ở của chủ, v.v...

Khách đến dâng hương có thể đọc văn khấn, số trình mà cũng có thể chỉ cần đặt văn khấn, số trình vào một cái đĩa nhỏ rồi đặt vào mâm, khay lễ vật để dâng cúng cũng được.

Khi hoá vàng thì trước tiên người ta hoá văn khấn, số trước.

Ngày xưa, số tấu trình trong lễ dâng hương thường là viết bằng chữ Hán (Nho). Ngày nay để tiện lợi cho người thực thi tín ngưỡng mà hầu hết không biết chữ Hán, người ta soạn những bài văn khấn, số trình bằng chữ quốc ngữ, dễ đọc, dễ hiểu đối với người thực hành tín ngưỡng.

Trên cơ sở những mẫu văn khấn lưu hành lâu nay tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ, chúng tôi nêu văn khấn chung sau đây; xin kể để độc giả tham khảo.

Văn khấn Thành hoàng ở Đình, Đền, Miếu

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- *Hoàng thiên hậu thổ chư vị Tôn thần*
- *Ngài Kim niên Đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần.*
- *Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương.*

Hôm nay là ngày:.....

Hương tử con là.....

.....

Ngụ tại:

.....

Kính nghĩ

Đức Đại vương nhận mệnh Thiên Đình giáng lâm ở nước Việt Nam làm Bản cảnh Thành hoàng chủ tế một phương bấy nay ban phúc lành che chở cho dân. Nay hương tử chúng con thành tâm dâng lên lễ bạc, hiến tế hương hoa, phẩm oản...

Cầu mong đức Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương chứng giám, rủ lòng thương xót, phù hộ che chở cho chúng con mọi sự tốt lành, lắm tài nhiều lộc, an khang thịnh vượng, sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm.

Giải tấm lòng thành, mong được che chở.

Cẩn tấu

Văn khấn lễ Thánh Mẫu

Na mô A Di Đà Phật!

Hương tử chúng con thành tâm kính lạy Đức Hiệu Thiên chí tôn kim quyết Ngọc Hoàng Huyền cung cao Thượng đế.

Kính lạy:

- Đức Cửu Trùng Thanh Vân lục cung công chúa.

- Đức thiên tiên Quỳnh Hoa Liễu Hạnh Mã Hoàng công chúa, sắc phong Chết Thắng Hòa Diệu Đại vương, gia phong Tiên Hương Thánh mẫu.

- Đức đệ nhị dinh thượng cao sơn triều miếu Sơn tinh công chúa Lê Mại Đại vương.

- Đức đệ tam Thủy Phủ, Lân nữ công chúa.

- Đức đệ tứ khâm sai Thánh mẫu, tứ vị Châu bà, năm tòa quan lớn, mười dinh các quan, mười hai Tiên cô, mười hai Thánh cậu, ngũ hổ Đại tướng, Thanh Hoàng Bạch xà Đại tướng.

Tín chủ con là.....

Ngụ tại:

*Cùng toàn thể gia đình đến nơi điện (Phủ, Đền)
chắp tay kính lễ khấu đầu vọng bái, lòng con thành khẩn, dạ con thiết tha, kính dâng lễ vật, cúi xin các Ngài xót thương ứng hộ, khiến cho gia đình chúng con tiêu trừ tai nạn, điều lành thường tới, điềm dữ lánh xa, hết tai ương bệnh tật trong nhà, hưởng thịnh vượng an lành mãi mãi. Tài như nước đến, lộc tựa mây về, bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có phúc lành tiếp ứng.*

Lại xin: thể đức hiếu sinh, rủ lòng cứu độ, khiến chúng con như ý sở cầu, cho hương tử tòng tâm sở nguyện.

Giải tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

Văn Khấn lễ Mẫu Thượng Ngàn

Na mô A Di Đà Phật!

Hương tử chúng con dốc lòng kính lạy Đức chúa thượng ngàn đĩnh thượng cao sơn triều mừng sơn tinh công chúa Lê Đại Mai Vương ngọc diện hạ.

Kính lạy:

- Đức Thượng ngàn chúa tể Mị Nương Quế Hoa công chúa tối tú tối linh, cai quản tám mươi một cửa rừng trong cõi Nam giao.

- Chư tiên, chư thánh chư thần, bát bộ sơn trang, mười hai tiên nương, văn võ thị vệ, thánh cô thánh cậu, ngũ hổ bạch xà đại tướng.

Hương tử con là:.....

.....

Ngụ tại:

.....

Nhân tiết.....chúng con thân đến.....Phủ chúa trên ngàn, đốt nén tâm hương kính dâng lễ vật, một dạ chí thành, chắp tay khấn nguyện. Cúi xin lượng cả bao dung, thể đức hiếu sinh, ra tay cứu vớt, độ cho chúng con cùng cả gia quyến bốn mùa được chữ bình an, tám tiết hưng long thịnh vượng, lộc tài quảng tiến, công việc hanh thông, giải vận giải hạn, biến hung thành cát, đổi họa ra tường, như ý sở cầu, tòng tâm sở nguyện.

Giải tâm lòng thành, cúi xin chứng giám

Cẩn tấu

Văn khấn lễ Đức Thánh Trần

Na mô A Di Đà Phật!

Hương tử chúng con kính lạy Đức Trần triều hiển thánh Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương, Đại nguyên soái, tổng quốc chính, Thái Sư thượng phụ Thượng quốc công, tiết chế, lịch triều tấn tể, khai quốc an chinh hồng đồ tá trí hiệu linh trác vĩ, minh đức trí nhân, phong huân hiển liệt, chí trung đại nghĩa, dực bảo trung hưng, thượng đẳng tôn thần, ngọc bệ tiền.

Con lạy:

- Nguyên từ quốc mẫu Thiên thành Thái trưởng công.*
- Tư vị Thánh tử đại vương, Nhị vị vương cô Hoàng Thánh.*
- Đức ông Phạm diện súp tôn thần, tả quan Nam Tào, hữu quan Bắc Đẩu, lục bộ thượng từ, chư vị bách quan.*

Chấp kỳ lễ bái phù hộ độ trì cho:

Hương tử con là:

Ngụ tại:

Cùng toàn gia quyến được luôn mạnh khỏe. Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối được tai qua nạn khỏi, điều lành mang đến, điều dữ mang đi, cầu tài được tài, cầu lộc được lộc, cầu bình an được bình an. Có người có của, được nhân an vật thịnh đi đến nơi về đến chốn, làm ăn được thông đồng bén giọt, vạn sự như ý.

Giải tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

Văn khấn tại Đền Bà Chúa kho

Na mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Hương tử chúng con kính lạy:

- Tam giới Thiên chúa cấp nhất thiết thánh chúng.

- Tam Phủ công đồng, Tứ Phủ vạn linh

- Thiên tiên thánh mẫu, Địa tiên thánh mẫu, Thủy tiên thánh mẫu.

- Tứ Phủ châu bà, Ngũ vị thánh ông, tả hữu quan hoàng.

- Nhị vị Thánh cô, Bát bộ sơn trang, Thập nhị tiên nàng.

- Đương niên Hành khiển chí đức tôn thần.

- Đương cảnh thành hoàng bản thổ Đại vương.

- Ngũ hổ thần tướng, thanh bạch xà Thần Linh.

- Đức Chúa kho Thánh mẫu hiển hóa anh linh cảm thông các sự, chấp lễ, chấp bái, chứng minh công đức phù hộ độ trì cho Hương tử con là:.....

.....
Ngụ tại:

.....
Ngày hôm nay là ngày.....

Con sắm sửa kim ngân, hương hoa lễ vật chí thiết một lòng, thành tâm dâng lễ, sám hối cầu xin cho con được: gia quyến bình an, cầu tài đắc tài, cầu lộc đắc lộc, bách sự cầu được như ý.

Chúng con cúi đầu thành tâm kính lễ Chúa kho Thánh mẫu.

Cẩn tấu

Văn khấn lễ Thánh mẫu Liễu Hạnh

Na mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Hương tử chúng con kính lạy:

- Thánh mẫu Liễu Hạnh, Chế thắng Hòa Diệu, Đại vương

"Tối linh chí linh"

- Mẫu Đệ nhất thiên tiên

- Mẫu Đệ nhị thượng ngàn

- Mẫu Đệ tam thủy cung

Hương tử con là:.....

Ngụ tại:

Hôm nay là ngày:.....

Tại: Phủ Tây Hồ phường Quảng Bá Quận Tây Hồ

Thành kính dâng lễ vật:.....

Cung thỉnh Tam Tòa Thánh Mẫu, vua cha Ngọc Hoàng, Tam Phủ công đồng, Tứ Phủ vạn linh, Hội đồng các quan, Bát bộ sơn trang, Thập nhị quan Hoàng, Thập nhị châu cô, Thập nhị quan cẩu, Ngũ lói thiên tướng, Ngũ hổ thần quan, Thanh bạch xà Thần Linh, chấp kỳ lễ bực chứng giám cho con được hưởng: Gia quyến bình an, đắc lộc, đắc tài, đắc thọ, bách sự như ý...

Giải tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

Văn khấn Bia Bà ở La Khê

Na mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Hạo thiên chi tôn Kim quyết ngọc hoàng Thượng đế.
- Đức Đương cảnh Thành hoàng bản thổ Đại vương.
- Đức Đương niên Hành khiển Tôn thần.
- Đức Mạc triều Đế nhị đế Trần quý phi Thánh nương.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Hương từ con là:.....

.....

Ngụ tại:

.....

Chấp tay kính lễ, khấu đầu vọng bái, lòng con thành khẩn, dạ con thiết tha. Kính dâng lên chút lễ bạc; xin Thánh nương cùng chư vị chính thần, rủ lòng thương xót, phù hộ độ trì cho gia đình chúng con được thịnh vượng khang thái. Tài như nước đến, lộc tựa mây về. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có phúc lành thường đến.

Giải tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

Trong thực tế thì nhiều người chưa có điều kiện tìm hiểu tường tận xem nơi mình dâng lễ cầu trúc thờ tự gồm những vị Thần, Thánh nào. Trong trường hợp đó thường khấn chung như sau:

"Na mô Adi đà Phật (ba lần)

Con lạy chín phương trời, mười phương chư Phật.

Con lạy đức Phật Adi đà, con lạy đức Phật Bà quan Âm

Con lạy tam vị đức Vua Cha

Con lạy đức Trần Triều hiển thánh Nhân vũ Hưng Đạo
Đại vương.

Con lạy Ngũ vị quan lớn, tứ phủ Châu Bà, tứ phủ Ông
Hoàng, thập nhị Tiên Cô trên ngàn dưới thoải.

Con lạy tứ phủ thánh Cậu thánh Cô.

Con lạy quan lớn đương niên hành khiển, đương cảnh Thành
Hoàng bản Thổ Địa vương Tôn thần.

Hôm nay nhân ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:.....

Nhất tâm tu thiết hương, hoa, phẩm quả, lễ bạc chi nghi,
cầu Phật, Thánh trắc giáng diện đường chứng minh công đức,
khuông phù cho chúng con trong gia trung tứ thời bát tiết, ba
tháng hè, chín tháng đông được nhân vật tăng long, tiêu trừ hạn
ách. Chúng con phạm trần nhục nhốn nan tri, việc âm chưa
tường, việc dương chưa tỏ. Nhảm Ngài đại xá, lỗi Ngài quá
thương; trên các quan thượng tấu đế Đình; dưới các quan hạ
trình long cung, biển hung thành cát, cải họa vi tường; ban tài
tiến lộc cho chúng con; kẻ buôn có bụng đợi, kẻ bán có lòng chờ,
lộc tự vắn lai, tài như xuyên chí; có người, có của, có lương, có
thực để trên lo việc thánh, dưới gánh việc trần, thần hôn phụng
sự cửa đình thần tứ phủ được mãn chiều xế bóng.

Chúng con nhất tâm tưởng, nhất dạ thành, xin Phật Thánh
chấp kỳ lễ bạc, lời kêu tiếng khẩn, tờ đơn cánh sớ cho con được
sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm...

Cẩn tấu

C. CÁC KỲ DÂNG HƯƠNG TẠI MỘT SỐ ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

Tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ lớn thường có người thường xuyên túc trực hôm sớm đèn nhang phụng thờ Thần Linh, Thánh, Mẫu.

Ngoài ra, tại các nơi thờ tự như vậy đều có những kỳ lễ hội dâng hương định kỳ vào các dịp tuần tiết sóc vọng. Thường là:

- Ngày mồng một và mười rằm hàng tháng.
- Dịp tết Nguyên đán.
- Ngày Đình đầu tháng hai (Xuân tế)
- Dịp cuối Xuân đầu Hạ (Lễ Kỳ an)
- Ngày mồng ba tháng ba (Tết Hàn thực)
- Mười lăm ngày sau ngày Xuân phân (Tết Thanh minh)
- Ngày mồng năm tháng năm (Tết Đoan ngo)
- Ngày rằm tháng bảy (Tết Trung Nguyên)
- Ngày Đình đầu tháng tám (Thu tế)
- Ngày rằm tháng tám (Tết Trung thu)
- Ngày mồng mười tháng mười (Lễ Trùng thập)
- Ngày mồng hai tháng chạp (Lạp tết)

Ở các vùng nông thôn, vào cấy lúa cũng có thể làm lễ gọi là "lễ Hạ điền" và khi lúa bắt đầu trổ bông cũng có thể có kỳ lễ dâng hương gọi là "*lễ Thượng điền*"; lại còn có cả lễ Thượng tôn vào tháng Chín âm lịch, tức cũng là lễ Cơm mới.

Ngoài các kỳ lễ dâng hương phổ biến nói trên tại mỗi Đình, Đền, Miếu, Phủ còn có những kỳ dâng hương lớn hơn, thường mỗi năm một lần, đó là những kỳ dân làng mở hội vào đám.

Hội có thể mở vào những ngày nhân dịp mùa Xuân hay mùa Thu nhưng cũng có thể chọn ngày sinh nhật hay ngày mất của Thần Linh (tức ngày thân đàn hay thân kỵ) để mở hội vào đám.

Đây là kỳ lễ dâng hương lớn, hầu như mọi người dân trong làng, xã đều có tham dự. Một số Đình, Đền, Miếu, Phủ lớn, nổi tiếng về

những truyền thuyết linh thiêng thì không chỉ dân làng tới dự mà khách thập phương tới rất đông.

Những kỳ lễ dâng hương lớn như vậy thường có thể kéo dài nhiều ngày. Ngoài việc tế lễ Thần Linh, Thánh Mẫu còn có cả việc tổ chức hội hè vui vẻ với những trò vui văn hoá dân gian.

Theo tác giả Phan Kế Bính trong "Việt Nam phong tục" và tác giả Toan Ánh trong "Phong tục Việt Nam" thì nghi thức tế lễ dâng hương Thần Linh vào những dịp dân làng vào đám hết sức trang nghiêm và phức tạp:

Sau khi đốt hương trên hương án và các bình hương tại các vị trí thờ tự thì bắt đầu buổi tế lễ.

Một người đánh trống lên ba hồi trống.

Kế đó, người Đông xướng, xướng lên:

- Khởi chinh cổ!

Hai người chấp sự đứng hai bên liền đi vào chỗ giá chiêng, trống. Một người đánh ba hồi chiêng, một người đánh ba hồi trống, rồi mỗi bên đánh ba hồi nữa, đoạn vái đi ra.

Người Đông xướng lại xướng:

- Nhạc sinh tỵ vị!

Phường bát âm nổi lên tiếng đàn, sáo, cảnh, nhị và đồng vân đánh trống nhện nhịp lên một lúc.

Kế đó lại xướng:

- Cử soát tế vật!

Khi đó, hai người: một người cầm cây nến ở hai bên bàn bên Đông, bên Tây; một người cầm cái đèn cầm một bó hương dẫn tế chủ vào tận nội điện để xem xét lại các đồ tế lễ dâng thần có được thành kính và có thiếu gì không. Xong, lui ra. Khi vào đi theo bên phải, khi ra theo bên trái. Bước chân đi cũng theo nghi thức "Xuất Á", "Nhập Ấi".

Kế tiếp lại xướng:

- Ế mao huyết!

Một người cầm cái đĩa đựng một ít huyết và ít lông trâu, bò đổ đi.

Rồi lại xướng:

- Chấp sự giả tư kỳ sự!

Những người chấp sự ai được cất cử phụ trách việc gì thì chú trọng vào việc nấy.

Người xướng lại xướng tiếp:

- Tế chủ dữ chấp sự giả các nghệ quán tẩy sở! Người chủ tế và các chấp sự cùng đến chỗ cạnh hương án. Tại đó có một chiếc kỷ đặt một chậu nước và treo một cái khăn.

Lại xướng:

- Quán tẩy!

Khi đó người chủ tế liền rửa tay vào chậu nước

Xướng tiếp:

- Thuế cân!

Người chủ tế lấy khăn lau tay.

Người chủ xướng lại xướng:

- Bồi tế viên tựu vị!

Mấy người bồi tế bước vào đứng ở hàng chiếu qui định của mình.

Lại xướng:

- Chủ tế viên tại vị!

Chủ tế lui về chiếu qui định của mình.

Lại xướng:

- Thượng hương!

Khi đó hai người chấp sự: một bưng lư hương; một bưng hộp trầm đem đến trước mặt chủ tế. Chủ tế bỏ trầm vào lư hương, đốt lên rồi hai tay nâng lư hương vái một vái. Tiếp đó đưa lư hương cho người chấp sự mang vào dâng đặt ở hương án giữa.

Người xướng, xướng tiếp:

- Nghinh thần cúc cung bái!

Tất cả chủ tế và bồi tế liền lạy thụp cả xuống như để đón thần hiển hiện trên điện thờ.

Lại xướng:

- Hưng!

Khi đó chủ tế và bồi tế đều đứng cả dậy.

Lại xướng:

- Bái!

Chủ tế và bồi tế lại làm lễ như trước.

Xướng:

- Hưng!

Chủ tế và bồi tế lại đứng cả lên.

Cứ như vậy đến bốn lễ.

Xong lại xướng:

- Bình thân!

Chủ tế và bồi tế đứng nghiêm trang.

Lại xướng:

- Hành sơ hiến lễ!

Làm lễ dâng rượu lần đầu.

Xướng tiếp:

- Nghệ tử tôn sở, tư tôn giá cử mịch!

Chủ tế đi ra chỗ án để rượu. Người chấp sự mở cái miếng Phủ trên mâm đài ra.

Rồi lại xướng:

- Chúc tửu!

Rượu được rót ra.

Kế lại xướng:

- Nghệ đại vương thân vị tiên!

Hai người nội tán chur tế lên chiếu nhất.

Xướng:

- Quị!

Chủ tế và bồi tế đều quỳ cả xuống.

Lại xướng:

- Tiến tước!

Một người chấp sự dâng đài rượu đưa cho chủ tế. Chủ tế vái một vái rồi giao trả đài cho người chấp sự.

Xướng:

- Hiến tước!

Các vị chấp sự đi hai bên, hai tay nâng cao đài rượu đi vào nội điện. Xong, trở ra.

Lại xướng:

- Hung, bình thân, phục vị!

Chủ tế và bồi tế cùng phục xuống rồi đứng dậy. Tế chủ lui ra chiếu ngoài.

Xướng:

- Độc chúc!

Hai người chấp sự vào bàn trong kính cẩn bưng văn tế ra.

Lại xướng:

- Nghệ độc chúc vị!

Người chủ tế và bồi tế hai người bưng chúc, đọc chúc đều quì cả xuống.

Lại xướng:

- Chuyển chúc!

Người bưng chúc đưa cho chủ tế. Chủ tế cầm lấy chúc, vái một vái rồi đưa cho người đọc chúc.

Xướng:

- Độc chúc! Lần này, người đọc chúc đọc bản văn tế. Đọc xong, chủ tế lạy hai lạy rồi ra phía ngoài. Sau đó, lại lễ xướng trở lại để dâng hai tuần rượu nữa, gọi là Á hiến lễ và Chung hiến lễ.

Sau khi làm lễ xong cả ba tuần rượu, lại xướng:

- Ấm phúc!

Hai người vào nội điện bưng ra một chén rượu và một khay trầu.

Xướng:

- Quì!

Chủ tế quì xuống. Hai người đưa chén rượu, khay trầu cho chủ tế.

Xướng:

- Ấm phúc!

Chủ tế bung lấy chén rượu, vái, lấy tay áo che mồm uống một hơi hết ngay.

Lại xướng:

- Thụ tội!

Chủ tế cầm khay trâu, vái, rồi ăn một miếng.

Sau đó chủ tế lễ hai lễ rồi lui ra chiếu ngoài.

Xướng:

- Tạ lễ cức cung bái!

Chủ tế và bồi tế đều cùng lạy tạ bốn lạy..

Lại xướng:

- Phân chúc!

Người đọc chúc đem văn tế đi hoá (đốt đi).

Xướng:

- Lễ tất!

Dâng làng, khách thập phương dự lễ theo thứ tự trước sau vào làm lễ.

Trong suốt buổi lễ, chiêng, trống, nhạc luôn luôn cử hành long trọng.

Tế lễ, dâng hương cũng như mở đám hội hè theo định kỳ hàng năm tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ như thế đã trở thành truyền thống văn hoá - tín ngưỡng lâu đời của con người Việt Nam.

Ngày nay, nhân dân nhiều địa phương trong cả nước vẫn duy trì sinh hoạt truyền thống này. Tại nhiều nơi thờ tự Thần Linh, Thánh Mẫu vào những dịp có tổ chức tế lễ đông đúc không sao kể xiết.

Dưới đây xin giới thiệu những kỳ lễ dâng hương lớn tại một số Đình, Đền, Miếu, Phủ trong cả nước (thời gian được tính theo âm lịch hàng năm).

1. Hà Nội

a. Phủ Tây Hồ

Phủ Tây Hồ là nơi thờ Bà Chúa Liễu (Mẫu Liễu Hạnh) được tạo

lập ở Tây Hồ, thuộc thôn Quảng Khánh, xã Quảng An, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Trước đây, theo truyền thuyết lâu đời thì lễ hội dâng hương Mẫu Liễu tại Phủ Tây Hồ là ngày mồng bảy tháng ba hàng năm và được tổ chức rất lớn.

Ngày nay, vào dịp mùa xuân không chỉ nhân dân ở các làng xã gần Phủ tới làm lễ dâng hương mà khách thập phương cũng mộ uy tín Bà Chúa Liễu đến làm lễ dâng hương, thực thi tín ngưỡng Mẫu rất đông.

b. Đền Mai Động

Đền Mai Động là nơi Đền thờ Bà Lê Chân, một nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng, đã cùng Hai Bà cầm quân chống Mã Viện tại Bạch Đằng. Đền được xây dựng ở quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Hội lễ dâng hương kỷ niệm Bà Lê Chân kéo dài trong ba ngày từ mồng bốn đến mồng sáu tháng giêng hàng năm.

c. Đền An Dương Vương

Đền An Dương Vương đặt ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Hội lễ dâng hương được tổ chức từ ngày mồng sáu đến ngày Mười sáu tháng giêng.

d. Đền Và

Đền Và là nơi thờ núi Tản Viên (Tản Viên Sơn Thần). Đền được tạo lập ở nhiều nơi tại khu vực Hà Nội để thờ Thần Tản Viên nhưng điển hình là Đền Và thuộc huyện Bất Bạt, Hà Tây.

Hội lễ dâng hương, có rước thần, tế thần... là vào ngày mười lăm tháng giêng hàng năm.

e. Đền Hạ Lôi

Đền Hạ Lôi được xây dựng tại Mê Linh, Hà Nội. Lễ hội dâng

hương kỷ niệm Hai Bà Trưng vào ngày mười lăm tháng giêng hàng năm để tưởng nhớ ngày Hai Bà tuần tiết.

g. Đèn Hai Bà Trưng

Đền Hai Bà Trưng được tạo lập ở làng Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hàng năm từ ngày mồng Ba đến ngày mồng Sáu tháng Hai đều có mở hội lễ dâng hương lớn tại Đền.

h. Đèn Gióng

Đền Gióng ở xã Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội là nơi thờ Thánh Gióng mà theo truyền thuyết là người có công đánh giặc Ân.

Hội lễ dâng hương được mở vào ngày mồng chín tháng tư hàng năm.

Ngoài những Đình, Đền, Miếu, Phủ tiêu biểu với những lễ hội dâng hương truyền thống nói trên, tại khu vực Hà Nội ngày nay còn lưu nhiều dấu tích Đình, Đền, Miếu, Phủ khác mà ít nhất thì vào những ngày sóc vọng, lễ, tiết hàng năm cũng đều có lễ dâng hương tưởng nhớ Thần Linh "đã có công âm phù" cho nhân dân trong cuộc sống.

- *Đền thờ "Bạch Mã Thần"* (Quảng Lợi Đại Vương) ở Hàng Buồm, Hà Nội.

- *Đền thờ "Cao Sơn Mẫu Thần"* thờ thánh Tản Viên và hai Bà Mẹ (mẹ nuôi và mẹ đẻ) của Thánh đó là "Cao Sơn thần nữ đại Thánh Tôn thần" và "Thái vĩ đại Thánh Tôn thần".

Đền được nhân dân tạo lập ở phố Trần Bình Trọng, Hà Nội; gọi là "Đền Ngọc Liên".

- *Đền Ghềnh*: là nơi thờ Mẫu Liễu và Chúa Thượng Ngàn. Đền lập ở thôn Ái Mộ, Gia Lâm, Hà Nội.

- *Đền thờ "Đổng Cổ Sơn Thần"* ở phố Thụy Khuê, Hà Nội; tương truyền thần rất linh thiêng. Ngày mồng bốn tháng tư hàng năm

thường có tổ chức lễ hội dâng hương cầu thần phù hộ cho dân được sinh sống làm ăn thịnh vượng.

- **Đền thờ "Thánh Trần Vũ"** ở đường Quán Thánh, Hà Nội.

- **Đền thờ "Thánh Linh Lang"** ở Thụy Khuê, Hà Nội mà theo tương truyền Thánh Linh Lang là vị thần trấn giữ phía Tây thành Thăng Long.

- **Đền thờ "Lý Ông Trọng"**: đó là Đền Chèm ở Từ Liêm, Hà Nội. Hội lễ dâng hương thường vào ngày mười lăm tháng năm hàng năm. Tương truyền nơi thờ ông ở đây đã được xây dựng từ 2000 năm trước.

- **Đền thờ "Lý Triều Quốc Sư"** là Đền thờ Nguyễn Minh Không được đặt ở phố Lý Quốc Sư, Hà Nội.

- **Đền Ngọc Sơn** ở Hồ Hoàn Kiếm mà hậu cung có thờ Đức Thánh Trần, v.v..

v.v.

2. Bắc Ninh - Bắc Giang

a. Đền Bà Chúa Kho (Chủ Khố Linh Từ)

Đền Bà Chúa Kho được tạo dựng ở thôn Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh.

Mấy năm gần đây, sinh hoạt tín ngưỡng về Bà Chúa Kho khá phát triển. Vào dịp đầu năm và cuối năm, khách thập phương chen vai sát cánh, nhộn nhịp đổ về Đền Bà Chúa Kho để xin vay, xin trả, xin cầu tài, cầu lộc....

Theo lệ thường, hàng năm cứ đến ngày mồng mười tháng giêng nhân dân các làng ở khu vực Đền Bà Chúa Kho có làm lễ dâng hương Đền thờ Bà.

b. Đình Cối là ngôi Đình của làng Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn. Đình Cối thờ Thiên Cương Đế, tương truyền là người có công dẹp giặc Xích Quỷ thời vua Hùng thứ sáu.

Lễ hội được mở vào ngày mồng bốn tháng giêng hàng năm.

c. Một số lễ hội khác

- *Hội Từ Hà ở xã Hồng Giang, Lục Ngạn* được mở vào ngày mồng tám tháng giêng hàng năm.

- *Hội kết nghĩa du xuân* ở bốn làng Yên Phú, Yên Dân, Yên Tiên, Yên Vĩ, huyện Yên Phong, mở hội vào ngày mồng tám tháng giêng.

- *Hội Thập Đình* ở mười làng thuộc ba xã Đông Cứu, Song Giang và Đại Lai, huyện Gia Lương. Mười làng này đều cùng thờ vị Doãn Công và Đào Nương là hai vợ chồng đồng thời là hai tướng của Hai Bà Trưng. Hội mở từ ngày mồng sáu đến ngày mồng mười tháng hai vào các năm Thân, Tý, Thìn.

- *Hội Đình Bảng* ở Tiên Sơn, mở hội vào ngày mười lăm tháng ba hàng năm.

- *Hội Đàng Kim* ở Thị Cầu, mở hội từ ngày mồng bảy đến mười sáu tháng tám, v.v..

Trong những kỳ mở lễ hội như vậy đều thường có lễ dâng hương Thần Linh, Thánh, Mẫu.

3. Nam Hà

Khu vực Nam Hà và Ninh Bình là vùng đất còn lưu được nhiều di tích tín ngưỡng Đình, Đền, Miếu, Phủ vào bậc nhất trong nước. Ngày nay hoạt động văn hoá - tín ngưỡng ở vùng đất này vẫn vào loại phổ biến, thu hút khá đông khách thập phương. Điển hình là các nơi thờ tự sau đây:

a. Phủ Giày

Phủ Giày được tạo lập trong khoảng thế kỷ XVII với một quần thể kiến trúc thờ tự rất lớn mà điển hình là Phủ Tiên Hương và Phủ

Vân Cát nằm tại hai thôn Tiên Hương và thôn Vân Cát thuộc huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà.

Phủ Giày cũng như Phú Sông (Thanh Hoá) và Phủ Tây Hồ (Hà Nội) là nơi thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Theo nhiều nhà nghiên cứu thì tín ngưỡng về chúa Mẫu Liễu Hạnh cũng như quan niệm về Tam Toà Thanh Mẫu cùng hệ thống thờ tự đa dạng các Thần Linh là một đặc trưng của truyền thống tín ngưỡng bản địa Việt Nam. Có lẽ cũng một phần bởi vậy mà cho tới nay tín ngưỡng về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, qua những bước thăng trầm của lịch sử không những không bị mất đi mà hiện nay có phần sinh hoạt sôi nổi trở lại.

Theo lệ thường lễ hội Phủ Giày được mở từ ngày mồng một đến ngày mồng mười tháng ba hàng năm. Khách thập phương về dự rất đông đúc trong suốt thời gian mở lễ hội. Hoạt động tín ngưỡng cũng rất sôi nổi ở hầu khắp các vị trí thờ tự Phủ Giày: từ hai Phủ lớn ở Tiên Hương, Vân Cát tới các hệ thống Đền, Miếu của khu vực Phủ như: Đền Khâm Sai, Đền Công Đồng, Đền Thượng, Đền Quang, Đền Đức Vua, Đền Giếng Găng, Đền Cây Đa, Đình Ông Khổng, Phủ Tổ, làng Mẫu, v.v..

Hoạt động văn hoá - tín ngưỡng điển hình của lễ hội Phủ Giày là lễ rước kiệu và hát chầu văn.

b. Hội Đền Dim

Đền Dim thuộc xã Nam Dương, Nam Ninh.

Hội Đền Dim được mở từ ba mươi tháng giêng đến mồng hai tháng hai. Hoạt động văn hoá - tín ngưỡng của hội thường có lễ rước và tế thần.

c. Đình làng Võ Giàng

Đình làng Võ Giàng thuộc xã Thanh Thuỷ, huyện Thanh Liêm. Đình thờ Vũ Cốt là một tướng giỏi của Lê Lợi, tham gia đánh đuổi giặc Minh trên đoạn sông Đáy.

Lễ hội được mở vào ngày mười lăm tháng hai hàng năm. Hoạt động văn hoá - tín ngưỡng điển hình là lễ tế Thánh, đua thuyền trên sông Đáy và phóng lao.

d. Đền Bảo Lộc

Đền Bảo Lộc thuộc huyện Mỹ Lộc, Nam Hà. Đây là quê hương của đức Trần Hưng Đạo.

Hội Đền được mở vào ngày hai mươi tháng tám hàng năm. Hội có tế lễ long trọng và một số trò vui dân gian.

e. Ngoài những hoạt động lễ hội điển hình nói trên, ở vùng đất Nam Hà còn có nhiều hoạt động văn hoá - tín ngưỡng truyền thống khác;

- Hội Viêng Vủ Bản mở hội vào ngày mồng tám tháng giêng hàng năm.

- Hội Đền Cổ Trạch ở thành phố Nam Định. Đây là nơi thờ các vị vua thời Trần.

Hội mở từ ngày mười tám đến hai mươi tháng tám hàng năm.

- Hội Trường Yên: ở xã Trường Yên, Hoa Lư. Đây là nơi thờ tự Đinh Bộ Lĩnh người có công dẹp loạn mười hai sứ quân, thực hiện sự thống nhất nước nhà trong buổi đầu xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập tự chủ.

Hội mở từ ngày mồng chín đến mười một tháng Ba hàng năm.

Điển hình trong sinh hoạt văn hoá của hội là tổ chức diễn trò tập trận cờ lau.

- Đền An Cư thuộc xã Nghĩa Khánh, huyện An Khánh. Đền thờ đức Trần Hưng Đạo.

Hội mở vào ngày hai mươi tháng tám.

- Hội Thánh Tiên ở xã Liên Túc, huyện Thanh Liêm.

Hội mở từ ngày mồng năm đến mồng mười tháng giêng.

- Hội Dịch Diệp thuộc xã Trục Chính, huyện Nam Ninh.

Hội mở từ ngày mồng năm đến mồng bảy tháng giêng.

- Hội Rền Văn Chàng thuộc xã Nam Giang, huyện Nam Ninh.

Hội mở vào hai ngày Mười Lăm và Mười Sáu tháng giêng hàng năm.

- Hội Đình Hát: thuộc xã Hồng Quang, huyện Nam Ninh.

Hội mở từ ngày mười lăm đến ngày hai mươi tháng mười hàng năm.

- Hội Đồng Phù thuộc huyện Nam Ninh, nơi thờ vọng Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Hội mở vào ngày mười lăm tháng ba hàng năm, v.v...

4. Hải Hưng

a. Đền Quan lớn Tuần Tranh

Đền Quan lớn Tuần Tranh ở Ninh Giang, Hải Hưng là Đền thờ một trong ngũ vị quan lớn - Quan Tuần Tranh.

Hội lễ dâng hương được mở vào ngày hai lăm tháng hai hàng năm. Hội có tổ chức rước đám, hầu bóng và một số trò vui dân gian.

b. Đền Dạ Trạch

Đền Dạ Trạch hay "Hoá Dạ Trạch" ở thôn Yên Vĩnh, xã Dạ Trạch, Châu Giang, Hải Hưng thờ Chủ Đồng Tử, Tiên Dung và Công chúa Hồng Vân.

Tương truyền nơi đây là nơi mà thành quách nguy nga tráng lệ của hai vợ chồng Chủ Đồng Tử và Tiên Dung đã biến mất chỉ để lại một cái đầm lớn là Dạ Trạch. Hàng năm, hội lễ dâng hương được mở từ ngày mồng mười đến mười ba tháng hai.

c. Đền Đoàn Thượng

Đền Đoàn Thượng ở Bần Yên Nhân, Hải Hưng là nơi thờ Đoàn Thượng, một danh tướng thời Lý.

Hàng năm lễ hội dâng hương, tế lễ và rước đám cùng một số trò vui dân gian được tiến hành vào ngày mười một tháng tư.

d. Đền Quát

Đền Quát ở xã Yết Kiêu, Hải Hưng thờ một bộ tướng thủy quân thân tín của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn thời Trần là Yết Kiêu.

Hội mở từ ngày mười tám đến hai mươi tháng tám hàng năm.

e. Đền Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc ở huyện Chí Linh, là nơi thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo Đại vương. Đây là nơi thờ tự lớn với một quần thể di tích Kiếp Bạc nổi tiếng.

Từ xa xưa tín ngưỡng của khu thờ tự này đã nổi tiếng khắp trong nước. Người ta đến Kiếp Bạc không chỉ với ý nghĩa dự lễ hội kỷ niệm người anh hùng của dân tộc Trần Hưng Đạo mà còn vì tin tưởng sự linh thiêng của Ngài trong việc trừ ma, trừ tà, chữa bệnh hữu sinh vô dương...

Hội lễ dâng hương tại Đền Kiếp Bạc thường được tổ chức vào ngày hai mươi tháng tám hàng năm.

g. Đền Phạm Ngũ Lão

Đền Phạm Ngũ Lão ở làng Phù Ủng, Ân Thi, Hải Hưng là nơi thờ Phạm Ngũ Lão, một danh tướng thời Trần, có công cùng Hưng Đạo Vương cầm quân chống giặc Nguyên - Mông.

Hàng năm lễ hội dâng hương, tế lễ được tiến hành từ ngày mồng mười đến hai lăm tháng giêng.

h. Đền Yết Kiêu

Đền Yết Kiêu ở Hạ Bì, Tứ Lộc, Hải Hưng là nơi thờ Yết Kiêu, một danh tướng của Hưng Đạo Vương.

Hội lễ dâng hương và tế lễ cùng một số trò vui đánh vật, đáu đĩa... được tổ chức vào ngày mồng tám tháng hai hàng năm, v.v...

5. Thanh Hoá

a. Đền Sòng

Đền Sòng ở Bím Sơn, Thanh Hóa là nơi thờ Chúa Mẫu Liễu Hạnh.

Hàng năm hội lễ dâng hương, cầu tự, đồng bóng được mở vào ngày mười lăm tháng ba hàng năm.

b. Hội Xuân Phả

Đền ở Đông Sơn, Thanh Hoá là nơi thờ Đại Hải Long Vương.

Hội lễ dâng hương rước đám, tế lễ cùng một số trò vui dân gian được mở vào ngày mồng mười tháng hai hàng năm.

6. Hà Tây

a. Đền Me

Đền Me ở làng Cung Thuận, Tùng Thiện, Hà Tây là Đền thờ Tản Viên Sơn Thánh.

Hội lễ dâng hương, rước đám, cúng thần và một số trò vui dân gian được mở vào dịp từ ngày mồng hai đến mồng mười tháng hai hàng năm.

b. Đình làng Đa Sĩ

Đình làng Đa Sĩ ở ngoại ô thị xã Hà Đông, Hà Tây là nơi thờ thần Thành Hoàng nghề rèn.

Hội tế thần được tổ chức vào ngày mười lăm tháng hai hàng năm.

7. Thái Bình

a. Đèn Lạng

Đèn Lạng ở xã Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình.

Hội lễ dâng hương, tế thần cùng một số trò vui dân gian được mở từ ngày mồng Sáu đến mười hai tháng giêng hàng năm.

b. Đèn Tân La

Đèn Tân La ở Thái Bình thờ Bát Nàn Công chúa, một nữ tướng của Hai Bà Trưng.

Hội lễ dâng hương, cúng thần vào ngày mười sáu tháng giêng hàng năm.

c. Miếu Hai Thôn

Miếu hai thôn ở xã Xuân Hoà, Vũ Thư, Thái Bình là nơi thờ bà vợ vua Lý Bôn (bà Đỗ Thị Khương).

Hội lễ dâng hương, tế lễ, rước đám và trò vui dân gian được tổ chức vào ngày mồng chín tháng ba hàng năm.

d. Đình La Vân

Đình La Vân ở thôn La Vân, xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ, Thái Bình là nơi thờ Nguyễn Minh Không.

Lễ hội mở từ ngày mười lăm đến hai mươi tháng Ba.

e. Đèn Sáo

Đèn Sáo ở xã Song An, Vũ Thư, Thái Bình là nơi thờ bà Ngô Thị Ngọc Giao, mẹ của vua Lê Thánh Tôn.

Hội lễ dâng hương, rước kiệu, cúng thần và trò vui dân gian được tổ chức vào ngày hai mươi đến hai lăm tháng ba hàng năm

8. Phú Thọ

a. Đền Thượng Lạp

Đền Thượng Lạp ở Vĩnh Tường, Phú Thọ là nơi thờ Cao Nguyên, một danh tướng của Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa chống Mã Viện.

Hội lễ dâng hương, tế thần cùng một số trò vui dân gian được tổ chức vào ngày mồng mười tháng giêng hàng năm.

b. Đình Thổ Tang

Đình Thổ Tang ở Vĩnh Tường, Phú Thọ là nơi thờ Hồ Lâm Hầu, một người có công chống giặc Minh.

Hội lễ dâng hương, tế thần và những cuộc thi, những trò vui dân gian được tổ chức vào ngày mười bốn đến hai ba tháng giêng hàng năm.

c. Đền Hùng

Đền Hùng ở Phong Châu, Phú Thọ là nơi thờ các Vua Hùng thời tiền sử Việt Nam.

Hội lễ dâng hương, tế lễ, rước đám....được tổ chức từ ngày Mồng Chín đến mười ba tháng ba hàng năm.

9. Quảng Ninh

Đền Cửa Suốt ở thị trấn Cửa Ông, Quảng Ninh là nơi thờ Trần Quốc Tảng, con trai thứ ba của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Hội lễ Thần mở vào ngày mười lăm tháng giêng hàng năm. Tương truyền Đền rất thiêng.

10. Tây Ninh

Đền Linh Sơn Thánh Mẫu ở núi Bà Đen, Tây Ninh. Đền được

lập ở lưng chừng núi và gần đỉnh núi có Miếu Sơn Thần. Tương truyền đây là nơi rất linh thiêng.

Hàng năm khách thập phương đến thực thi văn hoá - tín ngưỡng rất đông suốt cả ba tháng Xuân, nhất là vào trung tuần tháng giêng.

11. Hải Phòng

Đền Đồ Sơn ở Đồ Sơn, Kiến An. Hải Phòng thờ Diêm Tước Đại Nương là vị thần phù hộ cho dân.

Hội lễ tế thần và một số trò vui dân gian được mở vào ngày mồng mười tháng tám hàng năm.

12. An Giang

Miếu Bằng Lăng ở xã Phú Lâm, Tân Châu, An Giang là nơi thờ Bà Thượng Đồng Cổ Hỷ.

Lễ hội dâng hương, tế lễ vào ngày mười lăm và mười sáu tháng ba hàng năm.

IV. DÂNG HƯƠNG TẠI CHÙA

Từ khi có du nhập Phật giáo vào Việt Nam (khoảng thế kỷ đầu công nguyên) thì trong sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người Việt Nam đã dần dần hình thành nên những ngôi Chùa. Có những ngôi Chùa mà dấu tích lịch sử đã có trên ngàn năm như Chùa Khai Quốc (Hà Nội) mà ngày nay gọi là Chùa Trấn Quốc. Lại có những ngôi Chùa rất đặc sắc về kiến trúc và thờ tự như Chùa Một Cột (Hà Nội) và tên chữ được gọi là Diên Hựu (nghĩa là kéo dài cõi phúc). Chùa Keo (Thái Bình) cũng là một ngôi Chùa thuộc loại cổ với kiến trúc độc đáo hiếm thấy. Còn Chùa Tây Phương (Hà Tây) thì nổi tiếng với các pho tượng La Hán. Có những ngôi Chùa mà trong ký ức tín ngưỡng của nhân dân đã trở nên hết sức linh thiêng, mặc dù cấu trúc văn hoá không có gì đặc sắc lắm như Chùa Hà (Hà Nội). Những ngày sóc vọng, tuần tiết nhiều khách thập phương đến thực thi tín ngưỡng thật là đông đúc.

Nói tới Chùa cổ trước hết phải nói tới khu vực Thăng Long (Hà Nội).

Kể từ khi Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long thì hàng loạt ngôi Chùa cũng được tu bổ và tạo dựng. Theo chính sử (Đại việt sử ký toàn thư) Nguyên phi Ỗ Lan trước sau đã cho tu tạo hơn

trăm ngôi Chùa và bảo tháp. Sau thời Lý ít thấy nói về việc tạo lập Chùa mới.

Hiện nay có một số ngôi Chùa được tu sửa lại nhưng nhiều người nhận thấy yếu tố khôi phục nguyên bản đôi khi chưa được tôn trọng, làm mất vẻ đẹp của kiến trúc văn hoá Chùa xưa.

Nhưng dù sao chăng nữa, ngôi Chùa, dù cũ, dù mới vẫn đang thu hút đông đảo khách thập phương. Đây là một thực tế khách quan.

Xưa, người ta bảo "trẻ vui nhà, già vui Chùa", rằng "đàn ông vui Đình, đàn bà vui kệ, vui kinh cửa Chùa" còn ngày nay thì cứ gì tuổi già hay đàn bà, phụ nữ, cả những người trẻ, cả đàn ông, thanh niên đều thấy có nhiều người đến Chùa, có cả người đến Chùa để nghiên cứu giáo lý, học tập và tu hành.

Có người thuần tuý vì tín ngưỡng đến dâng hương cầu phúc mong cho được gặp những gì tốt lành ở đời, tránh được tai hoạ chẳng may vấp phải.

Lại có người đến Chùa làm lễ cầu siêu, cầu nguyện cho người thân đã khuất được mong nương nhờ cửa Phật được giải thoát tự tại, tiêu dao.

Một số người còn đến cửa Phật để cầu tự nữa. Chẳng cứ nay, từ xưa chính sử và dã sử đã từng ghi chép về việc cầu tự của một số vị vua nơi cửa Chùa và được linh nghiệm như ý muốn. Vua Lý Thánh Tông chẳng đã từng nhân dịp đầu xuân mà đi cầu phúc. Duyên ấy gặp được bà Ý Lan. Càn Đức được sinh ra, từng kế nghiệp 56 năm mang bao điều tốt đẹp làm gương sáng cho đời sau mà ngày nay nhiều người còn nhắc tới khi nói về thời Lý.

Chùa thường được tạo lập ở những nơi có thắng cảnh đẹp, tạo ra những danh lam du lịch. Thật không có gì quá đáng khi "Lịch sử văn hoá Việt Nam" có nhận định "Nếu không có sự thâm nhập của Phật giáo suốt chiều dài lịch sử thì ngày nay chúng ta sẽ *mất đi quá nửa* số di tích danh lam thắng cảnh mà chúng ta tự hào".

Cũng bởi thế mà xưa, nay nhiều bậc tao nhân mặc khách khi có

thời giờ thường tìm đến cửa thiền để thư giãn tâm hồn. Đã từng có thi sĩ tâm đắc, cho rằng:

"Thoáng bên tai một tiếng chày kinh

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng"

Thật là một tác động tâm linh hiếm thấy, chỉ thường thấy khi đến cửa Chùa thăm Phật.

Dù đến "thăm Phật" theo phong cách du lịch đi chăng nữa thì việc khác với đi du lịch khác là ở chỗ người ta đều có dâng hương với một chút lễ chay mọn như hoa, quả để dâng Phật và chư vị Thánh Hiền thờ trong Phật điện. Thật là một loại hình du lịch đặc thù.

Dâng hương đã trở thành nghi thức không thể thiếu đối với bất cứ khách thập phương nào khi đến Chùa.

A. CẤU TRÚC THỜ TỰ TẠI CÁC CHÙA

Khác với Đình, Đền, Miếu, Phủ là nơi để thờ tự chư vị Thần Linh, Thánh Mẫu, Chùa là nơi thờ tự các vị Phật, Hiền Thánh và các vị Tổ Sư.

Ấy là nói trung tâm thờ tự ở Chùa. Còn như nói cho đầy đủ cấu trúc thờ tự ở một khu Chùa thì có thể còn có thờ tự cả các vị Thần Linh và thánh mẫu nữa. Đây là một trong những biểu hiện của tinh thần hoà đồng giữa tín ngưỡng, tôn giáo bản địa của người Việt Nam với Phật giáo.

Nói tới cấu trúc thờ tự tại các Chùa Việt Nam cũng cần phân biệt hệ thống thờ tự tại Phật điện Chùa Bắc tông và Nam tông.

Phật điện của Chùa Nam tông (hay còn gọi là Nam phương Phật giáo - Tiểu thừa giáo) thường thờ ít tượng, phổ biến là tượng Đức thế tôn thuyết pháp tay cầm cành hoa sen, bên phải là tượng tôn giả Ca - Diếp với hình dáng của một người tuổi già, còn bên trái là tượng tôn giả A - Nan với vóc dáng trẻ, đẹp. Phật điện có cấu trúc thờ tự giản dị

như thế thường thấy tại các Chùa ở Nam Việt Nam và các nước như Căm-pu-chia, Lào, Xrilanca, Nam Ấn Độ nữa:

Phật điện của Chùa Bắc tông (Hay còn gọi là Bắc phương Phật giáo- Đại thừa giáo) lại thường thờ rất nhiều tượng. Nhiều nhà nghiên cứu nhận xét tính chất tín ngưỡng tôn giáo ở các Chùa Bắc tông là vị tha rất lớn và điển hình. Vào Chùa Bắc tông, ngược nhìn lên Phật điện và nhiều ban thờ khác trong Chùa ta không khỏi lúng túng nhận diện các vị được thờ. Đây là cấu trúc thờ tự tại các Chùa ở Bắc Việt Nam cũng như ở một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Tây Tạng và Miến Điện.

Để thích hợp với sinh hoạt tín ngưỡng và thờ tự, các Chùa ở miền Bắc nước ta đã tạo dựng theo mấy mô hình cơ bản sau đây.

- Chùa hình chữ Công
- Chùa hình chữ Tam
- Chùa hình nội công ngoại quốc
- Chùa hình chữ Đinh (ngược)

Nói chung (trừ Chùa hình chữ Đinh) cấu trúc thờ tự tại các Chùa Bắc tông thường gồm các khu:

1. Nhà Bái Đường (hay còn gọi là tiền đường - tức là nơi để hành lễ cho mọi người vào Chùa lễ Phật) được cấu trúc ở ngay phía trước Phật điện.

Ngay phía dưới chân hương án ở chính giữa nhà Bái Đường có trải chiếu hoa và đặt những đồ vật cần thiết cho người tụng kinh, làm lễ như mõ, kệ, thanh la, Kinh Nhật Tụng, v.v..

2. Chính điện: thường được kiến trúc theo nhiều bậc từ thấp đến cao (tính từ phía ngoài vào). Đây là vị trí trang nghiêm của một ngôi Chùa. Trên các bậc, bệ có đặt các tượng thờ Phật, Bồ Tát...

Tại một số Chùa, ở hai bên tả, hữu của Phật điện còn có thờ ban Đức chúa và Thánh Tăng.

3. Nhà thờ tổ: thường được đặt ở phía sau Chùa. Trong nhà

thờ tổ, người ta đặt trên bệ chính giữa Đức Bồ đề Đạt ma (còn gọi là Đức Tổ tây, là tổ của phái Thiền tông). Ngoài ra còn có tượng của các vị tổ đạo cao, đức trọng từng trụ trì tại chính ngôi Chùa đó.

Việc bài trí các tượng thờ trong các Chùa Bắc tông có thể nói là rất đa dạng và phức tạp. Cần có cái nhìn đúng và cụ thể khi tới thực thi dâng hương tới từng vị tại mỗi Chùa. Bởi vậy, cần nhận ra vị trí thờ tự của mỗi vị Phật, Hiền Thánh, Bồ Tát, v.v. qua nhận diện hình dáng các tượng được thờ sau đây:

*** BỘ TƯỢNG TAM THẾ CHƯ PHẬT**

Ở vị trí cao nhất của Phật điện, gần sát nóc Chùa, sát vách của tường trong, thường đặt ba pho tượng khá lớn, kích cỡ ngang nhau, dàn theo hàng ngang- đó là ba pho tượng Tam thế. Tam thế là tổng hợp hết thầy chư Phật ở đời quá khứ, hiện tại và vị lai, tức là chỉ chung các cõi Phật theo thời gian.

Gần tượng Tam thế còn có pho tượng tạc ngồi trên toa sen, đặt ở chính giữa có hình dáng gần giống pho tam thế nhưng trên áo, tay, tai và cổ đeo nhiều vòng chuỗi trang sức đẹp - đó là tượng Pháp Thân - còn gọi là tượng Phật Tỳ Lô Giá Na.

Pho tượng ngồi bên phải hình dáng với vẻ gầy gò, da bọc xương, tay đặt trên đầu gối, không có hoa sen. Đây là tượng ứng hoá thân - hay còn gọi là tượng Tuyết Sơn, dân ta lại còn quen gọi là tượng "ông nhịn ăn mà mặc".

*** BỘ TƯỢNG DI ĐÀ TAM TÔN**

Thường ở hàng thứ ba của Phật điện có bài trí ba pho tượng đặt ngang hàng: pho tượng đặt giữa thường cao và to lớn so với các pho tượng khác trên điện thờ là tượng Phật A di đà, pho tượng đặt bên trái là tượng Đại thế chí Bồ Tát, bên phải là tượng Quán thế âm Bồ Tát.

Trong điện thờ còn có tượng các vị Bồ Tát khác nữa, có nhiều danh hiệu và kiểu dáng khác nhau, mỗi tượng mang một ý nghĩa riêng và có thể được thờ riêng ở một Chùa như Chùa Một Cột- Hà Nội-

chẳng hạn. Nhiều gia đình Phật tử Việt Nam cũng thờ tượng hay ảnh Bồ Tát ở thế cứu khổ cứu nạn. Ví dụ như các tượng sau đây:

- **Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn** (nghìn mắt nghìn tay với ý nghĩa thấu tỏ mọi khổ nạn của chúng sinh và cứu độ chúng sinh).

- **Quan Âm Toạ Sơn:** hình ảnh ngài ngồi trên núi Phổ Đà.

- **Quan Âm Tống Tử** (hay còn gọi là Quan Âm Thị Kính) với biểu tượng người đàn bà bế con và con vệt đậu trên vai.

- **Quan Âm Chuẩn Đề:** thường tạc có 18 tay

- **Quan Âm Bạch Y:** thường với hình tượng mặc áo trắng, tay phải cầm cành dương liễu và tay trái cầm bình nước Cam Lộ rót xuống, v.v...

Có một số nơi còn gọi là bộ Di đà tam tôn là bộ tượng Tây phương Tam thánh. Lại có nơi tạc pho A di đà ở thế ngồi còn hai Bồ Tát ở thế đứng, cũng còn có nơi lại tạc ngồi cả, v.v...

Bộ ba Di đà tam tôn này được tạc, thờ rất phổ biến tại các Chùa Bắc tông. Về mặt tín ngưỡng, người hành lễ thường rất chú trọng bộ tượng này. Trong mọi lời khấn vái thường nhắc tới hồng danh của đức Phật A di đà và Quan Âm Bồ Tát.

*** BỘ TƯỢNG THÍCH CA TAM TÔN**

Thường ở dãy thứ tư có bộ tượng Thích Ca Tam Tôn. Pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi toạ thiền đặt ở giữa. Pho bên phải tượng Văn Thù Bồ Tát tay cầm bảo kiếm, trên đầu thường đội mũ Tỳ Lư ngồi trên lưng Sư tử lông xanh (cũng có nơi tạc đứng trên toà sen, hoặc lại tạc hình đóng tử, đầu búi tóc, đội mũ ngọc).

Còn pho tượng đứng bên trái là tượng Ngài Phổ Hiền Bồ Tát thường tạc đội mũ Tỳ Lư ngồi trên lưng con voi trắng, tay nâng hoa sen trên có lưỡi kiếm.

Ở những Chùa có đặt thờ hai pho tượng Maha cadiếp và Ananda thì pho tượng Phật Thích Ca ở giữa lại được tạc thay đổi hình dáng: tay cầm cành hoa sen hay bắt ấn, chuyển pháp luân. Với hình tượng này người ta gọi là tượng Phật Thích Ca niêm hoa hay Phật Thích Ca chuyển pháp.

Nhiều Chùa ở miền Nam thường chỉ thờ ba pho tượng này.

*** TƯỢNG PHẬT NIẾT BÀN**

Hàng thứ năm của Phật điện thường đặt một pho tượng với tư thế người nằm ngủ: đầu gối lên tay phải, nằm nghiêng. Đó là tượng Phật Thích Ca nhập Niết bàn.

Bên trái tượng này là tượng Phạm Thiên còn bên phải là tượng Đế Thích.

Theo tín ngưỡng Phật giáo thì Phạm Thiên là vị chủ cõi trời sắc giới. Ngài được tạc hình dáng một ông vua hai tay nâng hốt ngọc. Còn Đế Thích là vua cõi trời Đạo Lợi, thống lĩnh 31 cõi và tầng trời.

Một số Chùa có thể đặt thờ tượng Phật Thích Ca nhập Niết bàn hoặc chỉ thờ hai vị Phạm Thiên và Đế Thích.

*** TOÀ CỬU LONG**

Ban thờ ngoài của điện thờ thường có toà Cửu long hay tượng Thích Ca sơ sinh, thường tạc hình một trẻ nhỏ một tay chỉ trời, một tay chỉ đất. Đây là tạc theo hình tượng tương truyền về những linh dị khi Ngài Thích Ca ra đời: ngài bước đi bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà tuyên bố: " Thiên thượng thiên hạ, Duy ngã độc tôn".

Và rồi chín con rồng hiện ra phun nước tắm cho ngài.

*** TƯỢNG THỔ ĐỊA VÀ THÁNH TĂNG.**

Hai bên toà Cửu long thường có hai pho tượng tạc ở thế ngồi. Đó là tượng Thổ Địa và Thánh Tăng.

Pho tượng ngôi thế kiết già, đầu đội mũ Tỳ Lư được gọi là Thánh Tăng (hay Tân Đầu Lư).

Pho tượng thờ Thổ địa còn gọi là Đức Ông tạc mặt đỏ trông rất uy nghiêm. Có nơi tượng này còn phủ vải sắc đỏ thẫm. Có nơi tượng Đức Ông là hình một ông già tóc bạc, râu dài tay cầm cành trúc hay phát trần.

*** TƯỢNG NGỌC HOÀNG CÙNG NAM TÀO VÀ BẮC Đẩu**

Một số Chùa còn thờ cả tượng Ngọc Hoàng Thượng đế cùng Nam Tào và Bắc Đẩu tinh quân.

Nếu có những tượng này thì thường được bày thờ ở hàng thứ năm của Phật điện (tính từ phía trong ra ngoài).

Pho tượng Ngọc Hoàng Thượng đế đặt ở chính giữa mặc áo long bào, đầu đội mũ bình thiên, hai tay cầm hốt bạc.

Ngồi bên phải tượng Ngọc Hoàng là pho tượng Bắc Đẩu tinh quân, tay cầm sổ ghi chép tội, phúc của nhân gian (còn gọi là sổ sinh).

*** TƯỢNG TỨ THIÊN VƯƠNG**

Một số Phật điện còn đặt thờ cả bộ tượng Tứ Thiên Vương (hay còn gọi là Hộ Thế Tứ Vương).

Đó là:

- Trì Quốc Thiên Vương
- Tăng trưởng Thiên Vương
- Đa Văn Thiên Vương.

Bốn vị này thường có trang phục áo vương triều và được bày ở hai bên đối diện nhau.

Một số Chùa lại tạc bốn vị thiên vương này có hình dáng quan văn thời phong kiến.

Theo quan niệm tín ngưỡng thì đây là bốn vị Thiên Vương cai quản bốn cõi trời xung quanh núi Tu Di - nơi vị trí của vua trời Đế Thích được mô tả ở trên. Vị thứ nhất ở phía Đông, vị thứ hai ở phía Tây, Vị thứ ba ở phía Nam, vị cầm ô, vị cầm thanh gươm và vị cầm con rắn.

*** TƯỢNG TỨ BỒ TÁT**

Một số Chùa không thờ bộ tứ Thiên Vương thì thường lại thay vào đó là bộ tượng Tứ Bồ Tát.

Đó là:

- Kim cương Ái Bồ Tát
- Kim cương Sách Bồ Tát
- Kim cương Ngũ Bồ Tát
- 0- Kim cương Quyền Bồ Tát

Vị Bồ Tát thứ nhất được tạc với hình dáng thế tay cầm mũi tên

biểu thị lòng yêu thương, đùm bọc và sẵn sàng bảo vệ cho chúng sinh khổ nạn. Vị thứ hai được tạc với thế tay cầm sợi dây lớn biểu thị lòng từ bi cứu khổ cứu nạn, dắt dẫn chúng sinh thoát qua biển cả sự khổ đau. Vị thứ ba được tạc theo thế tay cầm một cái lưới biểu thị Ngài chỉ tụng niệm thâm thần chú, không phát lên thành tiếng một cách bền bỉ và vững chắc. Vị thứ tư được tạc theo thế tay nắm chặt để nơi ngực, biểu thị Ngài đã chứng được phép định tri mạnh mẽ bền chắc như nắm tay bằng kim cương. Thường thường bốn vị đầu đội mũ Tỳ Lư.

*** TƯỢNG KIM ĐỒNG, NGỌC NỮ**

Một số Chùa còn tạc thờ hai pho tượng Kim Đồng, Ngọc Nữ dâng hoa, để thờ ở hai bên toà Cửu Long.

Bộ tượng này, có khi được tạc rõ một hình nam và một hình nữ, cũng có khi lại tạc cả hai đều là hình đồng tử nhưng rất khó xác định là nam hay nữ, đứng hoặc quỳ dâng hoa.

Một số nơi gọi hai tượng này là tượng Thiên Tài và Long Nữ.

*** BỘ TƯỢNG BÁT KIM CƯƠNG**

Những ngôi Chùa có kiến trúc rộng rãi thường bày trí một bộ tượng gồm 8 vị thần, được gọi là Bát Kim Cương (hay Bát Bộ Kim Cương).

Tám pho tượng Kim Cương này thường đặt ở hai bên trong chính điện. Các vị này thường được tạc với tư thế tay cầm chày Kim Cương (một thứ vũ khí hình cái chày làm bằng đá kim cương) để bảo hộ Phật pháp.

Về tên gọi 8 vị thần này không thống nhất ở các Chùa, các nơi. Sở dĩ có điều đó là do xuất phát từ hai thuyết khác nhau.

Thuyết khác nhau cho rằng 8 vị thần này là các vị thần tượng trên trời, phát tâm bồ đề, nguyện đem thân lực để hộ trì Phật pháp, đó là:

- Thanh Trì Tai Kim Cương
- Tích Độc Thân Kim Cương
- Hoàng Tuyền Cầu Kim Cương
- Bạch Tịnh Thủy Kim Cương
- Xích Thanh Hoả Kim Cương
- Định Trì Tai Kim Cương

- *Tử Hiện Thân Kim Cương*

- *Đại Thần Lực Kim Cương*

Còn thuyết thứ hai lại cho rằng 8 vị này là 8 vị Bồ Tát hiện thân ra thành Bát Bộ Kim Cương để hộ trì Phật pháp. Trong trường hợp này người ta gọi là Bát đại Minh Vương Kim Cương, đó là:

- Hàng Tam Thế Kim Cương (do Bồ Tát Kim Cương Thủ hiện thành).

- Đại Uy Đức Kim Cương (do Hư Không Tạng Bồ Tát hiện thành).

- Đại Tiểu Kim Cương (do Bồ Tát Diệu Cát tường hiện thành).

- Đại Luân Kim Cương (do Từ thị Bồ Tát hiện ra).

Mã Đầu Kim Cương (do Quán Tự Tại Bồ Tát hiện ra).

Bất Động Kim Cương (do Hàng Nhất Thiết Cái Chứng Bồ Tát hiện ra).

Vô Năng Thắng Kim Cương (do Bồ Tát Địa tạng hiện ra).

Bộ Trì Kim Cương (do Phổ Hiền Bồ Tát hiện ra).

*** BÁT KIM CƯƠNG ĐỒNG TỬ.**

Tín ngưỡng Phật giáo cho rằng 8 vị thần Kim Cương là sứ giả của Bát Động Minh Vương xuất hiện để hộ trì Phật pháp, gọi là Bát Đại Kim Cương Đồng Tử, đó là:

- *Tuệ Quang Đồng Tử*

- *Tuệ Hỷ Đồng Tử*

- *A Nôc Đạt Đa Đồng Tử*

- *Chỉ Đức Đồng Tử*

- *Ô Cầu Bà Đồng Tử*

- *Căng Yết La Đồng Tử*

- *Chế Cha Ca Đồng Tử.*

Tám vị Đồng tử này cầm chày kim cương nên gọi là Kim Cương Đồng Tử.

Tám vị Kim Cương tuy mỗi thuyết tên gọi có khác nhau nhưng đều có hình dáng võ tướng uy nghiêm, oai phong凛冽 với ý nghĩ phục ngoại ma, hộ trì Phật pháp.

*** TƯỢNG 10 VUA DIÊM VƯƠNG**

Trong nhiều Chùa còn có tượng Thập Điện Minh Vương. Mười vị này được thờ ở hai bên tường của chính điện, lại có Chùa thờ ở hai khu Bái Đường và được bày đặt quay vào nhau.

Theo tín ngưỡng Phật giáo thì mười vị Diêm Vương này là mười vị vua có nhiệm vụ cai quản ở nơi âm phủ, làm việc phân xử tội phúc và hành hình, phạt tội những tội nhân sau khi qua đời, đó là các vị:

- Tán Quảng Minh Vương (cai quản cung điện âm phủ thứ nhất).
- Sở Giang Minh Vương (vị cai quản cung điện thứ hai ở âm phủ).
- Tống Đế Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ ba ở âm Phủ).
- Ngũ Quan Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ tư ở âm phủ)
- Diêm La Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ năm ở âm phủ).
- Biến Thành Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ sáu ở âm phủ)
- Thái Sơn Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ bảy ở âm phủ).
- Bình Chính Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ tám ở âm phủ).
- Đô Thị Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ chín ở âm phủ).
- Chuyển Luân Minh Vương (vị vua cai quản cung điện thứ mười ở âm phủ).

Trong 10 vua Diêm Vương được tạc giống nhau, được sắp đặt làm hai dãy, mỗi dãy có 5 tượng.

Có một số Chùa xây dựng thành động, gồm 10 động, mỗi động đặt một vị, tượng trưng cho mười cửa ngục. Mỗi động có các hình quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa, trông thật đáng sợ.

*** BỘ TƯỢNG LA HÁN**

Trong chính điện hoặc ngoài Bái Đường ở một số Chùa còn có 18

pho tượng, được chia làm hai dãy, ngồi sát tượng, quay mặt vào nhau. Đó là tượng Thập Bát La Hán.

Có Chùa kiến trúc xây dựng theo kiểu nội công, ngoại quốc, có hành lang thì thờ ở hai dãy hành lang, mỗi bên 9 vị.

Mười tám vị La Hán này, theo tín ngưỡng Phật giáo đã nhận sắc chỉ của Đức Phật, sống mãi ở thế gian để hoá độ cho chúng sinh, đó là các vị:

- Tân Đầu Lư tôn giả
- Ca Nhã Ca Phật Ta tôn giả
- Ca Nha Ca Bát Ly Noạ Xà tôn giả.
- Tô Tân Đà tôn giả.
- Nha Cự La tôn giả.
- Bát Đà La tôn giả.
- Ca Lý Ca tôn giả.
- Phật xà La phát Đà La tôn giả.
- Thù Bác Ca tôn giả.
- La hồ La tôn giả.
- Na già Tê Na tôn giả.
- Nhân Yết Đà tôn giả
- A Thi Đa tôn giả.
- Chú Đồ Bán Thác Ca tôn giả.
- Ca Diếp tôn giả.
- Quân Đồ Bất tôn giả.

Có nơi gọi vị thứ 17 là Khánh Hữu tôn giả và vị thứ 18 là Tôn Đầu Lư với tiếng Phạn (Bắc Ấn) là Tân Đồ La Bát La Noạ Xà tôn giả.

Các vị La Hán đều được tạc theo hình dáng như những người thường, mỗi vị có một vẻ và tư thế riêng: hoặc ngồi trên tảng đá, hoặc ngồi trên gốc cây, dựa vào thân cây, đứng, ngồi, v.v... Có vị béo, có vị gầy, có vị hoan hỷ, có vị khắc khổ, trầm tư mặc tưởng, v.v...

Thật là các pho tượng chứa đầy tính nghệ thuật của cuộc sống đa dạng của con người trần tục.

*** TƯỢNG HỘ PHÁP**

Ở hầu hết các Chùa đều có tượng Hộ pháp được đặt ở hai gian tả, hữu của Bái Đường (Tiền đường).

Đây là hai pho tượng thường được tạc rất lớn, to cao hơn người thường. Có Chùa tạc hai pho tượng này ở thế đứng, lại có Chùa tạc ở thế ngồi trên lưng con sấu (gần giống như loài sư tử).

Cả hai pho tượng này thường tạc hình dáng các võ sĩ, trông rất oai nghiêm, đầu đội trụ, mặc áo giáp và có dây thần thông.

Vị đứng ở bên phải tiền đường là vị Thiên Hữu Thái Tử (còn gọi tắt là ông Thiện - khuyến thiện). Thường vị này được tạc với khuôn mặt hiền từ, trắng trẻo, tay cầm viên ngọc báu- gọi là "Ngọc báu như ý".

Còn vị đứng bên trái tiền đường thường được gọi là vị Ác Hữu Thái Tử (hay dân quen gọi là ông Ác, mà thực ra là ông trừng trị điều ác). Pho tượng này thường tạc với khuôn mặt đỏ, dữ tợn, tay cầm cành trúc hoặc thường cầm thanh gươm.

Theo tín ngưỡng Phật giáo thì cả hai vị này đều là vị thần bảo hộ cho Phật pháp, khác hẳn các tượng võ sĩ đôi khi được tạo dựng ở một số Đền, Miếu.

*** TƯỢNG ĐỨC THÁNH**

Ở gian bên trái của Bái Đường, nhiều Chùa thường bày thờ pho tượng một vị Thánh Tăng, đầu đội mũ có bảy cánh sen, mỗi cánh sen có một hình Đức Phật, tay cầm chén, tay cầm ấn. Pho tượng này được gọi là Tượng Đức Thánh Hiền.

Theo tín ngưỡng Phật giáo, Đức Thánh Hiền chính là ngài A Nan Đà tôn giả, vâng theo lời dạy của Phật làm nhiệm vụ phân phát cơm, cháo...cho các chúng sinh đói khát.

Bên cạnh Đức Thánh Hiền thường có đặt thờ hai pho tượng ở thế đứng hầu: một pho tạc với khuôn mặt màu xanh dữ tợn còn một pho tạc với hình dáng nhân từ, hiền hậu.

Những ai thực thi tín ngưỡng vào ngày rằm tháng bảy hàng năm cần lưu ý ban thờ này. Bởi vì vào ngày đó người ta thường phát tâm từ

bì cúng các chúng sinh cô hồn những đồ cháo, nẻ, ngô rang... thì đặt tại ban thờ này. Những đồ cúng ấy không phải để cúng dưỡng Đức Thánh Hiền và hai vị hầu cận mà là nhờ các vị này phân phát cho các chúng sinh.

*** TƯỢNG LONG THẦN**

Ở cạnh ban thờ Thổ Địa có ban thờ Long Thần. Người ta gọi những vị Long Thần này là các Long vương đã quy y Phật và có công hộ trì Phật. Trong các kinh Phật thường nói: "Khi Phật thuyết Pháp thì có Thiên Long bát bộ đến nghe". Thiên là các bậc ở cõi Trời, Long là các Long thần và sáu bậc Quỷ thần khác nữa, gọi gồm là bát bộ. Bát bộ Long thần gồm có:

- Mỹ Âm Long Thần
- Phạm Âm Long Thần
- Thiên Cổ Long Thần
- Hoan Diệu Long Thần
- Hoan Hỷ Long Thần
- Ma Diệu Long Thần
- Lôi Âm Long Thần
- Sư tử Long Thần
- Hoan Đức Long Thần
- Phạm hường Long Thần
- Đức Âm Long Thần
- Phật diệu Long Thần
- Triệt Thính Long Thần
- Quảng Mục Long Thần
- Diệu Nhãn Long Thần
- Minh Đức Long Thần
- Triệt Thị Long Thần
- Biến Hiện Long Thần

*** TƯỢNG TAM CHÂU**

Trong nhiều ngôi Chùa thường có một ban thờ ngoài cùng, đặt

phía sau nơi ngôi tụng kinh của các vị sư - ban thờ này thường được gọi là Án Ngoại. Trên Án Ngoại thường bày thờ tượng Tam châu - đó là tượng Hộ pháp Vi Đà Thiên tướng quân. Pho tượng này thường tạc hình một võ sĩ ở thế đứng, hai tay trên đốc kiếm, lưỡi kiếm cắm thẳng xuống đất.

TƯỢNG ĐỊA TẠNG BỔ TÁT

Trên chính điện của nhiều ngôi Chùa còn có thờ tượng Bồ Tát Địa tạng. Ngài Bồ Tát này thường được tạc với dáng vị Tạng, đầu đội mũ thất Phật (trên mũ có hình tượng của bảy vị Phật), mặc áo cà sa đỏ, tay phải cầm gậy tích trượng, tay trái cầm ngọc Minh Châu, ngồi trên toà sen. Một số Chùa lại tạc ở thế đứng hoặc cưỡi trên lưng con vật giống như sư tử.

Tượng Địa Tạng Bồ Tát có khi được bài trí riêng biệt một nơi để cúng các vong linh khi được đưa đến Chùa làm lễ cầu siêu.

Trên đây là sự mô tả vắn tắt các pho tượng thường thấy thờ tại Phật điện cũng như ở hai bên tả, hữu của Phật điện cũng ở Bái Đường - nghĩa là ở nơi thờ tự chính trong một khu vực Chùa.

Ở nhiều Chùa còn có nhà thờ Tổ, được xây dựng ở phía sau chính điện, cũng bởi thế còn gọi là Hậu đường (nhà sau).

Thường trên cao của gian giữa nhà thờ Tổ có thờ hai tượng là Thánh Tạng là A nan đà (có người lại bảo đó là tượng Văn Thù Bồ Tát) và Sư tổ Bồ đề Đạt ma. Ở ban dưới được bày thờ tượng, tranh hoặc chỉ là bát nhang các vị tổ đã từng tu hành tại Chùa.

Nét đặc biệt của nhiều Chùa ở miền Bắc Việt Nam là ở nhà thờ Tổ còn có thờ cả các tượng Thần, Thánh, Mẫu như: Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn; Tứ Phủ, Thiên Phủ, Địa Phủ, Thủy Phủ, Nhạc Phủ.

Điều này cũng là một cách nói lên đặc điểm dung hoà tín ngưỡng giữa Phật và tôn giáo Bản địa.

Dưới đây là một mô hình tiêu biểu cho cấu trúc thờ tự ở Chính điện và Bái Đường trong nhiều Chùa ở Bắc Việt Nam.

Chính diện

BỘ TƯỢNG CÁC LA HÁN HOẶC ĐIỂM VUÔNG	BA PHO TAM THỂ			BỘ TƯỢNG CÁC LA HÁN HOẶC ĐIỂM VUÔNG
	Phật Quá khứ	Phật Hiện tại	Phật Vị lai	
	BỘ ĐI ĐA TAM TÔN			
	Bồ Tát Thế chủ	Phật A Di Đà	Bồ Tát Quan Âm	
	BỘ THÍCH CA TAM TÔN			
	Phổ hiền	Thích ca	Văn thù	
	Vua Đế thích	Phật Niết Bàn	Vua Phạm Thiên	
	Thổ Địa	Toà Cửu Long	Thánh Tăng	
	HƯƠNG ÁN (Nội)			
	Nơi ngồi tụng kinh			
HƯƠNG ÁN (Ngoại)				

B. DÂNG HƯƠNG LỄ PHẬT TẠI CHÙA

1. Vì sao dâng hương lễ Phật?

Những người có ít nhiều tín ngưỡng Phật giáo thường dâng hương lễ Phật tại các Chùa vào các kỳ tuần tiết, sóc vọng; nhất là vào mười tư, mười rằm hàng tháng. Điều ấy đã gần như thường lệ với các Phật tử. Mỗi khi có việc như gặp phải tai nạn, ốm đau, khó sinh con .v.v. những người có đức tin vào Phật, Pháp, Tăng cũng thường tới Chùa kêu cầu, lễ bái với ước vọng cho được tai qua, nạn khỏi.

Ngay lúc bình thường, những người có tín ngưỡng Phật giáo cũng thường tới Chùa dâng hương lễ Phật và các chư vị Hiền thánh, Tổ Sư, mong điều tốt đẹp đến với bản thân, với gia đình và với cộng đồng con người, xã hội.

Người đến Chùa lễ Phật không chỉ cầu đảo cho người được sống mà còn phát nguyện cầu cho cả người đã khuất như ông, bà, cha mẹ, v.

v... Trong những buổi cầu nguyện như vậy, người ta đều mong muốn cho những người đã khuất được siêu linh đất Phật Tây phương Cực lạc.

Những cầu nguyện như vậy không có gì trái với đạo đức của người Việt Nam xưa, nay.

Cứ theo giáo lý của đạo Phật thì "nhân nào, quả nấy". Thi hào Nguyễn Du tâm đắc đạo lý ấy của nhà Phật mà nói:

"Đã mang lấy nghiệp vào thân

Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa"

Có người nói: nếu nhân quả là không thể tránh được thì cầu cúng, lễ bái Phật, Thánh làm gì? Xem ra quan niệm như vậy có vẻ như đó là người vô thần. Nhưng xét kỹ ra quan niệm ấy lại là quan niệm nặng phần định mệnh, chứ chẳng phải quan niệm đúng đắn. Quan điểm ấy dễ dẫn tới thái độ thụ động trong cuộc sống:

"Cũng liều nhắm mắt đưa chân

Thử xem con tào xoay vẫn đến đâu".

Thật vậy, đạo Phật thừa nhận qui luật nhân - quả trong cuộc sống đời người nhưng lại cũng nói tới việc tạo duyên lành trong cuộc sống cộng đồng nhân sinh. Có nhân mà thiếu duyên cũng chẳng thành quả được. Có nhân thiện, gặp duyên thiện mới nảy quả phúc, lộc, Khang, Ninh. Chẳng may có nhân bất thiện nhưng gặp được duyên lành thì quả xấu cũng có phần thui, chột, giảm nhẹ rất nhiều, có khi còn phá trừ nhân xấu.

Những người tin tưởng vào giáo lý ấy của nhà Phật không chỉ thường xuyên gieo nhân thiện, tạo duyên lành trong cuộc sống thường nhật mà còn thường lui tới cửa Chùa dâng hương lễ Phật, thì với ý thức nhờ nghiệp lực vô biên của Phật, của chư vị Bồ Tát, Hiền Thánh mà được thiện duyên gặp may trong cuộc sống, đảo được tai ương, vượt qua khổ nạn, v.v...

Trong thực tế tín ngưỡng Chùa hiện nay người ta thường cầu cho được.

- Mạnh khỏe, sống lâu.

- Tai qua, nạn khỏi.
- Có con nối dõi.
- Hạn, ách tiêu trừ
- Bách sự như ý
- Tránh dữ, gặp lành
- Vận đạo thông, hanh
- Yên vui thân mệnh
- Gia đình hoà thuận
- Hạnh phúc, an khang
- Thế giới hoà bình
- Văn minh xã hội

Tất cả những cầu nguyện như vậy thường được gọi chung là CẦU AN.

Ngoài ra người ta không chỉ cầu cho người đương sống, còn cầu đảo cho vong linh của những người đã khuất, thường được gọi chung là CẦU SIÊU.

Hình thức cầu siêu thường được gọi là CẦU SIÊU ĐỘ HAY ĐỘ VONG.

Đây là nghi thức được áp dụng cầu nguyện cho những người đã tới giờ phút hấp hối, lâm chung cũng như cho tới khi mất, kể cả với vong linh của người mất đã lâu năm, lâu đời; thậm chí cho tới thất tổ, cửu huyền và chúng sinh thập loại.

Sự cầu nguyện như vậy chưa rõ kết quả ra sao vì đã có ai từ âm phủ vô hình trở về dương thế mà báo rõ ràng đâu (những chuyện đồng bóng thì không nói ở đây). Thế nhưng đây cũng là ước vọng chính đáng của những người đương sống, nó thấp lên ngọn lửa của tình yêu thương, từ bi của con người. Chỉ chừng ấy thôi cũng là điều trân trọng.

Còn như cứ theo giáo lý và tín ngưỡng Phật giáo, thì khi người ta mất đi khỏi dương thế, trong vòng 49 ngày thì thân thức của người mất phải theo nghiệp lực lôi kéo, dẫn dắt (tuỳ theo những điều thường làm khi còn sống). Đến ngày thứ 49 sau khi mất thì nghiệp lực ấy mới được định, trụ (trừ những người thuộc về thượng thiện hay cực ác thì

không cứ phải đợi đủ 49 ngày mới định nghiệp lực). Nghiệp lực ấy khi đã định, đã trụ rồi thì sẽ tạo ra nhân để tiếp tục luân hồi kiếp khác, nên trong thời hạn 49 ngày này là thời gian đặc biệt quan trọng. Nếu trong giai đoạn này người thân trong gia đình thường đến Chùa tụng kinh, trì chú, sám hối, phát nguyện cho người đã quá cố thì nhờ công đức ấy, nhờ tạo duyên thiện, duyên lành ấy mà người mất có thể được chuyển đổi nghiệp lực, chuyển hoá từ nghiệp chướng nặng nề, tội lỗi oan khiên gây ra khi còn sống thành ra được thanh tịnh, tam nghiệp tiêu trừ, thoát được sinh tử quốc độ - tới vùng đất trong sạch mà nơi đó Phật A Di Đà đang thường xuyên thuyết pháp.

Trong thực tế, nghi thức cầu siêu cho người khuất được tiến hành từ khi người ấy hấp hối cho tới trong vòng tang lễ, sau mỗi tuần (7 ngày) cho tới đủ 7 lần là 49 ngày, rồi tiếp đến 100 ngày, rồi kỳ giỗ đầu, giỗ hết.

Theo tín ngưỡng Phật giáo thì từ tuần thứ nhất cho đến giỗ đại tường (giỗ hết), người chết phải trải qua 10 cửa Diêm Vương để đối chiếu tội, phúc. Vì thế cả thời kỳ dài cho đến giỗ hết người sống lễ Phật, tụng kinh, trì chú, sám hối, phát nguyện hồi hướng cho vong linh người khuất được tăng phúc, giảm tội.

Nghi thức lễ Phật, cầu siêu còn được tiến hành trong các lần giỗ tiếp theo đến mãi, nhất là vào kỳ rằm tháng bảy âm lịch là tết Vu lan (xá tội vong nhân). Người ta tin tưởng nhờ công đức lễ bái này mà người khuất được tăng trưởng thiện căn, diệt trừ tội chướng.

Với những quan niệm như vậy người ta dâng hương lễ Phật tại Chùa.

2. Sắm lễ khi vào Chùa?

Người thực thì tín ngưỡng thường nói "vô vật bất linh", nghĩa là dâng hương cúng bái mà thiếu lễ vật thì chẳng được linh thiêng.

Sự thật, theo giáo lý của nhà Phật thì linh thiêng hay không linh chẳng phải ở lễ vật dâng cúng to hay nhỏ, nhiều hay ít, sang trọng hay

hèn mọn mà là trước hết ở tâm thành của người dâng lễ. Bởi thế, lễ vật dâng cúng, nhất là dâng cúng Phật, Bồ Tát và chư vị Hiền Thánh ở Chùa trước hết là tâm thành "Linh tại ngã, bất linh tại ngã" cũng là vậy. Điều này thật đúng với đạo lý của Đạo Phật: "Vạn vật duy tâm tạo" (vạn vật, vạn sự đều được tạo tác bởi tâm); bởi thế tâm thanh tịnh thì vạn vật thanh tịnh; lễ vật dâng cúng chỉ trở lên thanh tịnh, vạn sự cầu đảo chỉ được linh nghiệm khi tâm ta thanh tịnh, khi tâm ta linh nghiệm.

Tuy vậy, người thực thi tín ngưỡng vẫn thấy không an tâm, thấy không đúng luật tục nếu như dâng hương lễ Phật mà lại thiếu những phẩm vật dâng lên hương án nơi Phật điện và các ban thờ khác trong Chùa.

Vậy thì nên sắm lễ vật gì khi vào Chùa lễ Phật? Dù sao thì cũng cần thấy rằng: sắm lễ vật vào Chùa bao giờ cũng giản dị hơn rất nhiều so với việc dâng hương cúng bái tại các Đình, Đền, Miếu, Phủ.

Có mấy điều chung mà những người thực thi tín ngưỡng tại Chùa cần lưu ý khi sắm sửa và dâng lễ vật:

* **Một là:** Đến dâng hương tại các Chùa chỉ nên sắm các lễ chay như: hương, hoa tươi, quả chín, oản phẩm, xôi chè, v.v... mà chớ nên sắm sửa lễ mặn như cỗ tam sinh (trâu: dê, lợn), thịt mỡ (thịt sống như lễ quan Bạch Hổ trong các Miếu, Phủ của đạo thờ thánh, thờ Miếu), rượu, gà, giò, chả, v.v...

Việc sắm sửa lễ mặn chỉ có thể được chấp nhận nếu như trong khu vực Chùa có thờ tự các vị Thánh, Mẫu (vì đặc trưng của tín ngưỡng Việt Nam là sự hoà trộn giữ tín ngưỡng Phật, Bồ Tát và các chư vị Thánh, Mẫu được thể hiện ngay trong cấu trúc thờ tự của khu vực một ngôi Chùa).

Nếu ở ngôi Chùa nào có cấu trúc thờ tự hoà trộn như vậy thì có khi có điều kiện nên sắm lễ vật mặn và chỉ dâng lễ này ở ban thờ Thánh, thờ Mẫu mà thôi, tuyệt đối không được dâng đặt lễ mặn ở khu vực Phật điện (chính điện), tức là nơi thờ tự chính của ngôi Chùa. Trên hương án của chính điện chỉ được dâng đặt lễ chay, thanh tịnh mà thôi. Lễ mặn (nhưng thường đơn giản như gà giò, chả, rượu, trầu cau, v.v...)

cũng thường được đặt tại ban thờ hay có thể là điện thờ (nếu được xây thờ riêng) của Đức ông- Vị thần cai quản toàn bộ công việc của một ngôi Chùa nói ở trên.

*** Hai là:** Hiện nay nhiều người sắm lễ tới Chùa còn thường sắm cả mã vàng, tiền âm phủ. Cần nhớ rằng giáo lý đạo Phật không dạy, thậm chí còn khuyên răn người đời không nên đặt vàng mã, tiền âm phủ....; rằng "đốt vàng mã giết hại chúng sinh... vì tà tâm ấy mà không được Phật tiếp độ" ("giết hại chúng sinh" nói đây là sát hại gia cầm, trâu, bò, lợn, gà, v.v... để làm lễ vật).

Theo giáo lý ấy thì người thực thi tín ngưỡng tại Chùa *không nên sắm sửa vàng mã, tiền âm phủ để dâng cúng, lễ Phật tại Chùa.*

Nếu có sửa lễ này thì chỉ được đặt ở ban thờ Thần Linh, Thánh Mẫu hay ban thờ Đức ông mà thôi.

Tiền giấy âm phủ hay hàng mã kiêng đặt ban thờ Phật. Bồ Tát đã đành, cả đến *tiên thật cũng không dặt lên hương án của chính điện.*

Hiện nay, nếu ta đến Chùa hãy thử để ý quan sát sẽ thấy có người đặt tiền thật nơi hương án, kẹp vào đĩa hay mâm hoa quả để cúng lễ chư Phật, Bồ Tát. Đây là điều cần phải chú ý, không được phạm vào luật tục dâng cúng phẩm vật tại chính điện, làm mất vẻ thanh tịch thờ tự của điện thờ.

Nếu ai đã thực thi tín ngưỡng thật sự phát tâm Bồ đề, ủng hộ việc hoằng dương Phật Pháp hay cứu độ chúng sinh nghèo khó thì nên bỏ tiền, vàng công đức vào các "hòm công đức" đặt tại các Chùa, hoặc gặp ban quản lý Chùa chiền hay các Sư, Tăng trụ trì tại Chùa để nhờ chuyển giao đến nơi mình có nguyện vọng ủng hộ, giúp đỡ. Trên đây là nói những trường hợp có điều kiện, còn như những trường hợp bình thường thì chỉ cần thắp hương thơm cùng với đĩa hoa (hay bó hoa) tươi, sạch cũng coi là đủ lễ theo luật tục vào Chùa. Hoa tươi lễ Phật thường được lựa chọn là hoa sen, hoa huệ, hoa mẫu đơn, hoa ngâu, v.v... không dùng các loại hoa tạp, hoa dại, nhất là thứ hoa để lâu ngày, càng không dùng những loại hoa cúng bái rồi. Điều này xem qua có vẻ như

chấp mặc vào hữu tướng trần tục nhưng xét kỹ lại là thể hiện của sự thành tâm, thanh tịch của người dâng lễ

* **Ba là:** Trước ngày dâng hương lễ Phật ở Chùa, người thực thi tín ngưỡng cần chay tịnh trong cuộc sống sinh hoạt đời thường hàng ngày như ăn chay, kiêng giới, v.v... Và nếu có điều kiện thì nên phát tâm Bồ đề, Đại bi, Hỷ xả làm một việc thiện như giúp đỡ người nghèo khó, hoạn nạn, đau ốm, v.v...

Trước ngày vào Chùa lễ Phật tuyệt đối không phạm vào các giới răn của nhà Phật, tỷ dụ như không uống rượu, không nói thiên lệch đặt điều cho người khác, không đánh nhau, cãi nhau, không giết hại các sinh linh, v.v... Cần luôn tâm niệm những điều tốt đẹp cho mọi người, cho cộng đồng xã hội, cho các chúng sinh.

Nhiều sư, tăng chân chính thường khuyên người đến Chùa thực thi tín ngưỡng rằng chính những điều nói trên mà tín chủ làm được trước khi đến cửa Chùa thì đó là lễ vật đáng tôn kính nhất.

* **Bốn là:** Theo luật tục tín ngưỡng lâu đời của người Việt Nam tại Chùa thì năm nào cũng vậy, cứ vào ngày rằm tháng Bảy là tiết Vu lan, nhiều người sắm lễ vật đến Chùa để cầu siêu cho ông, bà, cha, mẹ hay chung là cho những người đã khuất, thậm chí cho cả các chúng sinh cô hồn "không nơi nương tựa, cầu bơ cầu bất nơi đâu đường xó chợ".

Vào tiết Vu lan như thế người ta thường sắm thêm các lễ vật đặc trưng cho kỳ lễ này, thường là các đồ hàng mã được chế tác theo hình dáng các vật dụng thường ngày của con người như mũ, áo, xe cộ, tiền, vàng, v.v... nhưng chớ có sắm sửa các hình nhân thể mạng. Ngoài ra có người còn sắm sửa cả lễ vật cúng chúng sinh như cháo hoa, ngô nẻ, bánh đa, v.v... Tất cả các lễ vật ấy đều được dâng đặt ở bàn thờ Đức Thánh (thường ở bên trái của nhà Bái Đường); chứ không được đặt ở các ban thờ khác hay ở ban thờ chính điện.

Riêng với các trường hợp "bán khoán" hay làm lễ cầu siêu cho người thân đã khuất trong kỳ tang lễ, rước vong linh người khuất lên Chùa thì cần có sự trao đổi trước với các vị tăng trụ tại Chùa. Nếu được

phép thì làm theo sự chỉ dẫn cụ thể của các vị đó. Không nên tự tiện, tự ý sửa chữa lễ vật không đúng luật tục.

Việc gì cũng có luật tục của việc ấy là thế. Chẳng cứ "tốt lễ dễ kêu cầu" đâu.

3. Nghi thức làm lễ

Theo tập tục từng nơi, nghi thức làm lễ dâng hương Phật, Bồ Tát và chư vị Hiền Thánh có ít nhiều khác nhau. Giáo lý nhà Phật cũng không câu nệ, chấp trước vào nghi thức, cái chính là tâm thành. Tuy vậy, xin nêu ra đây một số nghi thức mà trong thực tế hiện nay thường được các tín đồ thực hành.

Tại các Chùa miền Trung và miền Nam nước ta thì thường người ta dâng lễ, thắp hương cúng dường chư Phật tại chính điện trước rồi tới nhà thờ các vị Tổ Sư dâng lễ cúng Tổ và cuối cùng thì tới Trai Đường (nhà trai giới) hoặc phòng tiếp khách để cúng dường, thăm hỏi các vị sư, tăng trụ trì tại Chùa.

Cũng có một số trường hợp vì chưa quen hành lễ hoặc tới nơi Chùa lạ thì khách thực thi tín ngưỡng thường tới thưa chuyện với các vị sư, tăng trụ trì tại Chùa để nhận được sự hướng dẫn hoặc có thể thưa với các sư, tăng nhờ làm lễ cho mình. Với những ai không quen đến Chùa làm lễ thì việc ấy là cần thiết cho phù hợp với tập tục từng nơi, từng Chùa.

Còn các Chùa ở miền Bắc Việt Nam thì lại khá phổ biến cách làm lễ sau đây:

a. Đặt lễ vật, thắp hương và làm lễ ban thờ Đức chúa (Đức ông) trước. Sở dĩ vậy là vì theo giáo lý và tín ngưỡng Phật thì Đức chúa hay Đức ông (như đã giới thiệu trên đây ở phần cấu trúc thờ tự) là vị cai quản tất cả các công việc của Chùa chiền. Nếu vậy thì trước hết cần phải thắp hương lễ ban thờ này trước để xin được vào làm lễ tại chính điện.

b. Sau khi đặt lễ ở ban Đức chúa xong, đặt lễ lên hương án ở chính điện, thắp đèn, nhang lên, thỉnh 3 hồi chuông (nếu đã có sẵn thì chỉ cần thắp thêm một nén nhang cũng được) và vào những buổi đông người tới làm lễ thì không cần phải thỉnh chuông nữa) rồi làm lễ chư Phật, Bồ Tát.

c. Sau khi đã lễ xong ở chính điện thì đi thắp hương ở tất cả các ban thờ khác của nhà Bái Đường. Khi thắp hương lên đều có ba lễ hay năm lễ. Nếu Chùa nào có điện thờ Mẫu, Tứ phủ thì đến đó đặt lễ, dâng hương, cầu theo ý nguyện.

d. Cuối cùng là lễ ở nhà thờ Tổ (nhà Hậu)

e. Cuối buổi lễ, sau khi đã lễ tạ để hạ lễ thì nên đến nhà Trai giới hay phòng tiếp khách để thăm hỏi các vị Sư, Tăng trụ trì và có thể tùy tâm cúng dường các vị hay phát tâm công đức ủng hộ việc hoằng pháp thì có thể nhờ các vị Sư Tăng giúp cho hoặc bỏ vào hòm công đức tại Chùa.

Một điều cần lưu ý là trong nghi lễ Phật tại chính điện thường có nghi thức lạy.

Đồng thời, việc thực hiện nghi thức lễ Phật tại Chùa cũng có thể chia làm hai hình thức như sau:

- **Nếu là Phật tử** lễ Phật trong các ngày tuần rằm hay ngày trai giới thì có thể chuẩn bị y phục chỉnh tề, tụng một biến kinh Sám nguyện, kinh Dược Sư, kinh Phả môn, khóa kinh Nhật tụng, hoặc niệm Phật từ một đến ba tràng rồi hồi hướng phát nguyện.

- **Còn nếu là khách hành hương** thì có thể lễ Phật ba, hoặc năm, hoặc chín lạy. (nếu biết thần chú nhà Phật^(*) thì có thể niệm vài biến) rồi phát nguyện hồi hướng.

Trong trường hợp khách hành hương lễ Phật giản dị nhất thì có thể lạy Phật tại chính điện 3 lạy rồi phát nguyện bằng một bài văn khấn (nếu không thuộc thì cầm giấy đọc cũng được).

^(*) Như chú: Chú Chuẩn đề, Đại bi thập chú.

Văn khấn lễ Phật

Bài 1:

Na mô A di đà Phật! (3 lạy)

Na mô Bán Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Na mô Đông phương giáo chủ tiêu tai duyên thọ!

Na mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật!

Na mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát!

Hôm nay ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ:.....

Ngụ tại:.....

*Nhất tâm thành kính, lễ bạc dâng lên trước Phật diện tại
Chùa.....*

*Nguyên cầu thập phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị
Hiền thánh, Tăng, Hộ pháp thiện thần, Thiên Long Bát bộ phù hộ
độ trì, rủ lòng từ bi, chứng minh công đức, cứu khổ cứu nạn, ban
lộc phát tài, già trẻ gái trai, bình yên mạnh khỏe.*

*Tâm thành bạc lễ, gặp được thiện duyên, gia sự chu toàn,
ấm êm hạnh phúc. Tốt lành luôn tới, xấu ác qua đi, nhờ lượng từ
bi, mong cầu như nguyện.*

Cẩn nguyện

Văn khấn lễ Phật

Bài 2:

Na mô A Di Đà Phật!

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Cùng toàn thể gia đình thành tâm trước Đại Hùng Bảo Điện, nơi Chùa.....

dâng nén tâm hương, dốc lòng kính lạy:

Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di Đà, Mười phương chư Phật, Vô thượng Phật pháp, Quán Âm Đại sỹ, cùng Thánh hiền Tăng.

Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, si mê lầm lạc. Ngày nay đến trước Phật đài, thành tâm sám hối, thể tránh điều dữ, nguyện làm việc lành, ngửa trông ơn Phật, Quán Âm Đại sỹ, chư Thánh hiền Tăng, Thiên Long bát bộ, Hộ pháp Thiên thần, từ bi gia hộ. Khiến cho chúng con và cả gia đình tâm không phiền não, thân không bệnh tật, hàng ngày an vui làm việc theo pháp Phật nhiệm màu, để cho vận đạo hanh thông, muôn thuở nhuần ơn Phật pháp.

Đặng mà cứu độ cho các bậc Tôn trưởng Cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng cả chúng sinh đều thành Phật đạo.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

Văn khấn lễ Đức Ông

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Đức Ông Tu Đạt Tôn giả, Thập bát long thần, Già Lam Chân Tổ.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Cùng cả gia đình, thân tới cửa Chùa.....

Trước diện Đức Ông, thành tâm kính lễ, hiến dâng phẩm vật, kim ngân tịnh tài. Chúng con tâu lên Ngài Tu Đạt tôn giả từ cảnh trời cao soi xét.

Chúng con kính tâu lên Ngài Già Lam Chân tổ cai quản nội tự cùng các Thánh chúng trong cảnh Chùa đây.

Thiết nghĩ: Chúng con sinh nơi trần tục, nhiều sự lỗi lầm, hôm nay tổ lòng thành kính, cúi xin Đức Ông thể đức hiếu sinh, rủ lòng tế độ che chở cho chúng con, ba tháng hè chín tháng đông, tiêu trừ bệnh tật tai ương, vui hưởng lộc tài may mắn, cầu gì cũng được, nguyện gì cũng thành.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

Văn khấn lễ Đức Thánh Hiền

Na mô A Di Đà Phật!

Con cúi lạy Đức Thánh Hiền. Đại Thánh khai giáo A nan đà Tôn giả.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Chúng con thành tâm dâng lên lễ bạc tâm thành hương hoa, lễ vật.

Cầu mong Tam Bảo chứng minh, Đức Thánh Hiền chứng giám, rủ lòng thương xót phù hộ cho con được mọi sự tốt lành, hạnh phúc an lạc... (Tài lộc, nhà cửa...).

Cúi mong Ngài soi xét tâm thành phù hộ cho gia đình chúng con được sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

Văn khấn cầu tài, cầu lộc, cầu bình an ở ban Tam Bảo

Na mô A Di Đà Phật!

Đệ tử con xin thành tâm kính lạy mười phương chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, Hộ pháp thiện thần, Thiên long bát bộ

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Thành tâm dâng lễ bạc cùng sớ trạng (nếu viết sớ đặt trên mâm lễ vật) lên cửa mười phương thường trụ Tam Bảo.

Chúng con xin dốc lòng kính lễ.

- Đức Phật A Di Đà giáo chủ cõi cực lạc phương Tây.

- Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ cõi Sa Bà.

- Đức Phật Dược Sư Lưu Ly giáo chủ cõi phương Đông.

- Đức Thiên thủ, Thiên nhãn, Ngũ bách danh tầm thanh cứu khổ cứu nạn, linh cảm Quan thế âm Bồ Tát.

Kính lạy Hộ pháp thiện thần chư thiện Bồ Tát kính xin chư vị rủ lòng từ bi, phù hộ độ trì cho con, nguyện được... (công danh, tài lộc, giải hạn, bình an...). Nguyện xin chư vị, chấp kỳ lễ bạc, tâm thành (sớ trạng) chứng minh, chứng giám cho con được tai qua nạn khỏi, điều lành đem đến, điều dữ tiêu tan, phát lộc phát tài, gia trung mạnh khỏe, trên dưới thuận hòa an khang thịnh vượng.

Chúng con người phàm trần tục lầm lỗi còn nhiều. Cúi mong Phật, Thánh từ bi đại xá cho con (và cho gia đình) được tai qua nạn khỏi, mọi sự tốt lành, sớ cầu như ý nguyện tòng tâm.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn nguyện

Văn khấn lễ Đức địa Tạng âm Bồ Tát

(U Minh giáo chủ)

Na mô A Di Đà Phật!

Na mô Đại bi, Đại nguyện, Đại thánh, Đại từ Bản tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Kính lễ đức U Minh Giáo chủ thầy từ chúng giám.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Thành tâm đến trước Phật đài, nơi điện Cửu hoa, kính dâng phẩm vật, hương hoa kim ngân tịnh tài, ngũ thể đầu thành, nhất tâm kính lễ dưới tòa sen báu.

Cúi xin đức Đại sĩ không rời bản nguyện, theo Phật phó chúc trên cung trời Đao lợi, chở che cứu vớt chúng con và cả gia quyến, như thể mẹ hiền, phù trì cho con đỡ, nhờ ánh ngọc Minh châu tiêu trừ tội cấu, trí tuệ mở mang, được mây từ che chở, tâm đạo khai hoa, não phiền nhẹ bớt. Khi còn sống thực hành thiện nguyện, noi gương Đại sĩ, cứu độ chúng sinh. Khi vận hạn ốm đau, nhờ được đức từ hộ niệm, Thần Linh bản xứ giúp yên. Lúc lâm chung được nhờ ánh bi quang, vượt khỏi tam đồ, sinh lên cõi thiện.

Lại nguyện cho hương linh Gia Tiên chúng con nhờ công đức cúng dâng này thấy đều siêu thoát.

Giãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

Văn khấn lễ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

(Phật bà Quan Âm)

Na mô A Di Đà Phật!

Na mô Đại từ, Đại bi Linh cảm Quán Thế âm Bồ Tát.

Kính lay đức Viên thông Giáo chủ thù từ chứng giám.

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ con là:.....

Ngụ tại:

Thành tâm đến trước Phật đài, nơi điện Đại bi, kính dâng phẩm vật, hương hoa kim ngân tịnh tài, ngũ thể đầu thành nhất tâm kính lễ dưới tòa sen hồng. Cúi xin đức Đại sĩ không rời bản nguyện chở che cứu vớt chúng con, như mẹ hiền phù trì con đỡ. Nhờ nước dương chi, lòng trần cầu ân thanh tịnh, thiện nguyện nêu cao. Được ánh từ quang soi tỏ, khiến cho nghiệp trần nhẹ bớt, tâm đạo khai hoa, độ cho đệ tử con và cả gia đình bốn mùa được chữ bình an, tám tiết khang ninh thịnh vượng, lộc tài tăng tiến, gia đạo hưng long, mầm tai ương tiêu sạch lâu lâu, đường chính đạo thênh thang tiến bước.

Cầu gì cũng được, nguyện gì cũng thành.

Giải tám lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện

C. MỘT SỐ VĂN SỚ VÀ VĂN KHẮN TIÊU BIỂU

1. *Sớ cầu bình an*

"Kính nghe rằng:

Thân mệnh yên vui, ý nguyện lòng người đều ước vọng.

Tâm hồn hoan hỷ, cầu mong cuộc sống được an bình.

Một niệm kính thành, mười phương cảm ứng. Nay chúng con
là.....

Ở tại.....

Xin làm lễ cầu (về việc gì đó thì ghi vào còn nếu không thì
thôi).....

Đến trước Phật đài nơi Chùa (tên Chùa).....

Thành tâm kính lễ, sám hối cầu xin, dâng nén tâm hương,
nguyện tăng phúc tuệ.

Chúng con tự nghĩ:

Sinh nơi trần thế

Ở cõi Sa bà

Công mẹ cha sinh dưỡng tày trời.

Ơn đất nước giữ gìn tựa bể.

E đời này nhân tốt ít trồng, ngại kiếp khác duyên lành hạn chế.

Vòng quanh cõi thế, tội phúc khôn lường

Nay tới Phật đường, lễ cầu sám hối.

Xiết bao lầm lỗi, nguyện được sạch lâu.

Tha thiết khẩn cầu, hướng về đường thiện.

Dốc lòng phát nguyện, chư Phật chứng minh.

Kính lễ vô lượng thường trụ Tam Bảo khắp mười phương
kính lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ cõi Sa bà.

Kính lễ Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giáo chủ
cõi phương Đông.

Kính lễ Đức đại từ, đại bi linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Kính lễ Tây thiên Đông độ Việt Nam lịch đại Tổ Sư

Kính lễ Hộ Pháp thiên thần chư thiên Bồ Tát.

Kính nguyện:

Mười phương chư Phật, chư Bồ Tát

Đức độ cao dày, lòng thương rộng lớn

Thả thuyền từ cứu vớt si mê

Dong duốc tuệ giải trừ phiền não

Đức từ bi cứu thế, ban phúc lành tự lợi, lợi tha.

Ngài Bồ Tát độ sinh, đưa thọ mạng nhân sinh tươi đẹp

Hướng về chính nghĩa, mở rộng từ tâm

Nhân tốt gieo mầm, điều hay học hỏi

Cuộc đời tăng hạnh phúc vinh quang

Nếp sống tiến văn minh ngày mới.

Bốn ơn đền đáp, chín phẩm siêu sinh.

Tổ quốc hoà bình, nhân dân an lạc.

Ngày.... tháng..... năm....

Đệ tử thành tâm kính dâng văn sớ.

2. Văn sớ cầu siêu độ Gia Tiên

"Kính nghe rằng:

Mười phương bậc Đại giác, Sư duốc sáng chốn đường mê

Ba cõi đức Đại Sư thả thuyền từ nơi bể khổ

Lễ cầu siêu độ

Kính tiễn Tổ tiên

Một niệm cầu nguyện

Mười phương chứng giám

Nay, sám chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Cùng toàn thể gia đình tới trước Phật đài nơi Chùa.....

Cầu siêu độ cho Gia Tiên

Tên là:.....

Sinh năm.....hưởng thọ.....

Mấtgiờ, ngày.....tháng.....năm.....

Phân mộ mai táng tại.....

.....

Nhờ được hồng âm Tam Bảo, thác hoá liên hoa, sinh sang nước Phật.

Chúng con tự nghĩ:

Chân linh chư vị, sinh nơi trần thế, trong thừa bình sinh, tuệ
cạn chường sâu, nghiệp dày phúc mỏng.

Sai lầm đã lắm, ân oán đã nhiều, nay lễ cầu siêu, Phật đài
sám hối.

Kính lễ vô lượng thường trụ Tam bảo khắp mười phương.

Kính lễ Phật Thích Ca Mâu Ni Giáo chủ cõi Sa bà.

Kính lễ Đức Phật A di đà Giáo chủ cõi cực lạc Tây phương

Kính lễ Thanh tịnh đại hải chúng Bồ Tát

Kính xin:

Đức Thích Ca Giáo chủ, rửa tay báu để dắt dìu

Đức Di Đà đạo Sư, soi ánh vàng mà tiếp dẫn.

Khiến cho:

Các vị linh chính tiến và phụ tiến đều được thoát lìa biển
khổ, thẳng tới đài sen.

Đời đời sinh an dưỡng thành thoi.

Kiếp kiếp hưởng Lạc bang mát mẻ
Lại nguyện sám chủ cho chúng con:
Thân mệnh an khang, tâm thân cõi mở
Nhân lành nảy nở, nghiệp dữ tiêu trừ
Bốn mùa không hạn ách, nghĩ lo
Tám tiết hưởng vinh quang phúc thọ
Lòng thành khẩn thiết, văn sớ kính bày
Ngày..... tháng.....năm.....
Sám chủ chúng con thành tâm dâng sớ.

3. Văn khấn đảo bệnh

Trong trường hợp cầu đảo bệnh thì nên tụng kinh (Được Sư, Phổ môn... hoặc chú Được Sư và chú Bạch Y) rồi khấn rằng:

Đệ tử chúng con là.....

Xin đem công đức này hồi hướng cho bệnh nhân tên là

Ngụ tại.....

Nguyện xin:

Nhân duyên chưa hết

Sớm được nhẹ nhàng

Bệnh tật tiêu trừ

Thân, tâm an lạc

Chí thành bái đảo

Tam bảo chứng minh

Thương xót hữu tình

Rủ lòng cứu độ

Kính lễ đức Đông phương Giáo chủ tiêu tai duyên thọ Được
Sư Lưu Ly Quang Vương Phật (3 lần, nếu là tụng kinh Được Sư).

Kính lễ đức Thiên Thủ thiên Nhân ngũ bách danh, tâm thanh cứu khổ, cứu nạn linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát, (3 lần, nếu là tụng kinh Ngũ Bách hay Phổ môn).

4. Văn khấn cho người mất

Nếu là làm lễ cầu siêu độ cho các vong linh thì sau khi tụng "Kinh A Di Đà"⁴ hoặc có thể các kinh khác xong thì phát nguyện rằng:

"Nguyện xin chân linh (tên người mất).....

Nguyện sinh sang cõi Tây phương,

Hoa sen chín phẩm rõ ràng mẹ cha

Hoa nở thất Phật Di Đà

Bất thoái Bồ Tát đều là anh em

Quan Âm, Thế Chí hiện tiền,

Độ cho vong linh được ngồi trên sen vàng

Kính lễ Đức Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại từ, Đại bi tiếp dẫn đạo Sư A Di Đà Phật (3 lần)

V. LỄ GIẢI QUAN PHÙ, BỆNH PHÙ

Theo quan niệm của ngời xưa, hàng năm mỗi người đều bị 3 ngôi sao: Thiên quan phù, Địa quan phù và Bệnh phù đóng tại các phương vị trong nơi ở. Nếu vô tình đào bới, sửa sang, dọn dẹp hay làm chấn động các sơn phương nói trên thì sẽ sinh tai họa và khẩu thiệt.

Để cứu giải những phương vị xấu đó Dương Quân Tùng tiên sinh đã lập ra thuyết cứu hạn khẩn cấp để giải.

Phép giải

Cần hỏi để biết những sơn phương có Bệnh phù, Quan phù, hàng năm đóng tới. Khi đã biết rõ sơn phương rồi thì sắm sửa một lễ chay tịnh phối theo ngũ hành:

- Hoa năm sắc
- Quả năm màu.
- Lễ nghi năm thứ, đèn nến ngũ sắc.

Bày tại sơn phương vào các ngày theo bộ khóa tứ trụ hoặc những ngày ân xá của trời đất (xin tra lịch).

Quay mặt về phương vị cầm hương khẩn xin giải:

Văn khấn giải quan phù, bệnh phù

Na mô A Di Đà Phật!

Na mô Tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật!

Nam mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Na mô Đại Thánh Phổ Quang Giải oan kết Bồ Tát Ma-ha-tát!

Kính lạy:

- Hoàng thiên hậu thổ chư vị tôn thần.
- Ngài Thiên quan, Thiên phúc, Tử Phúc tôn tinh.
- Kim niên đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần Kim niên hành binh, Công tào phán quan.

- Các Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương, Ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Tôn thần, Long mạch, Tài thần, Định phúc Táo quân và các vị thần minh cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày đất trời ân xá, thể đức hiếu sinh, trừ dư khí, nổi xuân phong, tiêu vọng tai ương mang điếm cát khánh. Tín chủ con thành tâm sửa biện lễ vật năm sắc, ứng với ngũ hành dâng cúng hiến thánh, thiên địa tôn thần, cúi mong lượng cả hồng từ đoái thương soi xét. Chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật...

Nguyện cho: tín chủ chúng con lỗi trước tiêu trừ, họa sau dũa hẳn. Hung nghiệt trôi ra bể bắc, lộc tài ghé đến bờ tây. Trong nhà con cháu bình an, lộc tài vượng tiến. Ra ngoài làm việc sự nghiệp hanh thông, quý nhân giúp đỡ, thần thánh phù trì, người người được chữ khang ninh, gia nội không lo âu tà xích khẩu.

Giải tẩm lòng thành cúi xin chứng giám

Cẩn tấu

Lời dẫn: Sau khi khấn xong để nguyên lễ vật tại chỗ đến khi đèn nến cháy hết thì mắc một ngọn đèn điện tại sơn phương đó cho đến hết năm sẽ được nhiều điều đại cát.

VI. LỄ BỒI HOÀN ĐỊA MẠCH

Khi đào đất, lấp ao, khơi rãnh, xây tường không may làm tổn thương đến long mạch, sinh tai họa thì dùng tam giang thủy, ngũ linh thổ để nặn thân quy, cho kim chỉ ngũ sắc vào thân rùa rồi chọn các ngày: Thiên xá, Thiên nguyên, Địa nguyên, Cường nhật hoặc Trùng mậu, Trùng kỷ. Tụm phương vị đào đất, bày lễ ứng với ngũ hành (*xanh, vàng, đỏ, trắng, đen hoặc tím*) đoạn khấn theo văn này. Chờ cho tàn hương, dùng nước vang màu đỏ do nước tam giang thủy nấu thành, tưới xuống hố, tiếp đến đặt rùa, dùng cát ở bãi nước ngã ba sông trộn với 5 thứ đồ: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen mà lấp.

Văn khấn bồi hoàn địa mạch

Na mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Đức U minh giáo chủ Địa Tạng Vương Bồ Tát.
- Hoàng thiên hậu thổ chư vị tôn thần.
- Các Ngài Ngũ phương, Ngũ đế, Ngũ nhạc Thánh đế, Nhị thập tứ khí thần quan, Địa mạch thần quan, Thanh long Bạch hổ, chư vị thổ thần cùng quyền thuộc.

- Các ngài: Kim niên Đương cai tôn thần, Bản cảnh Thành hoàng tôn thần và các vị thần minh cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ con là.....

.....

Ngụ tại:

.....

Thành tâm sửa biện lễ nghi dâng trà quả thực, xin diển hoàn địa mạch. Bởi vì trước đây do tình mờ昧, thức tính hỗn mê, đào đất lấp ao, gây nên chấn động hoặc bởi khách quan, hoặc do chủ sự, tổn thương long mạch, mạo phạm thần uy, ảnh hưởng khí mạch, muốn cho phong thổ an hòa, gia đình chúng con người người được giữ an khang, miễn trừ tai họa. Nên nay trượng uy đại sĩ, nương đức tôn thần, cung tọa bồi hoàn, nương kỳ khấn đảo thần công nguyện xin bảo hộ, chứng minh sám hối, thụ hưởng đản thành.

Tín chủ chúng con xin chí thành cúng dâng Ngài U minh giáo chủ Bản tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Ngài Kiên Lao địa thần Bồ Tát.

Các Ngài Ngũ phương, Ngũ đế, Hậu thổ nguyên quân, Sơn nhạc đế quân, Đương phương Thổ địa, Thổ phủ thần kỳ, 24 khí thần quan, 24 long mạch thần quan, 24 địa mạch thần quan, 24 sơn địa mạch thần quan, 24 hướng địa mạch thần quan, Thanh long bạch hổ, Thổ bá, Thổ hầu, Thổ mãnh, Thổ trọng thần quan, Thổ phụ, Thổ mẫu, Thổ lương, Thổ gia thần quan, Thổ tử, Thổ tôn, Thổ khảm, Thổ khôn thần quan, Thổ kỳ ngũ phương bát quái và các thần minh quyền thuộc, Kim niên Hành khiển Thái tuế chỉ đức tôn thần, Đương cảnh Thành hoàng bản thổ Đại Vương và tất cả các vị thần minh cai quản ở khu vực này, cúi xin thương xót tín chủ chúng con, nhận lời cầu thỉnh, chuẩn tâu sám tạ, giáng phó án tiên, thụ hưởng lễ vật. Nguyên cho phong thổ phì nhiêu, khí sung mạch vượng, thần an tiết thuận, nhân vật hưng long, sở cầu xứng ý.

Giải tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu

VII. CÁC LỄ CHÍNH CỦA PHẬT GIÁO (THEO ÂM LỊCH)

1. Tháng Giêng

- Ngày mùng Một tết Nguyên đán: Lễ vía Đức Phật Di Lặc.
- Rằm tháng Giêng: Lễ Thượng Nguyên.

Rằm tháng Giêng là ngày trăng trong đầu tiên của năm mới.

Tiết này phần lớn được tổ chức tại các Chùa. Vào tiết này các Phật tử và các thiện nam tín nữ đi lễ ở Chùa rất đông, mong cầu một năm đầy hạnh phúc tốt lành, giàu sang, phú quý và an khang thịnh vượng.

2. Tháng Hai

- Ngày mùng 8: Lễ vía đức Phật Thích Ca xuất gia.
- Ngày 15: Lễ vía Phật Thích Ca Niết Bàn.
- Ngày 19: Lễ vía Bồ Tát Quan Âm.
- Ngày 21: Lễ vía Bồ Tát Phổ Hiền.

3. Tháng Ba

- Ngày 16: Lễ vía Đức Bồ Tát Chuẩn Đề.

4. Tháng Tư

- Ngày mồng 4: Lễ vía Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

- Ngày 15: Lễ vía Đức Phật Thích Ca Đản sinh.

(Trước đây ở các Chùa Bắc Việt Nam lễ vào ngày mồng 8 tháng 4).

Ngày 15 tháng 4 cũng đồng thời là ngày làm lễ Kiết hạn an cư.

5. Tháng Sáu: Lễ vía Đức Bồ Tát Quán Âm thành đạo.

6. Tháng Bảy: Lễ vía Đức Bồ Tát Đại Thế chí.

- Ngày 15: Lễ Vu Lan báo hiếu, báo ân (xá tội vong nhân).

Vào ngày này ở các Chùa thường làm lễ, tụng kinh, thả đèn, phóng sinh. Thiện nam, tín nữ đến lễ rất đông.

- Ngày 30: Lễ vía Đức Bồ Tát Địa tạng Vương.

7. Tháng Chín

- Ngày 19: Lễ vía Đức Bồ Tát Quán Âm xuất gia tu đạo.

- Ngày 30: Lễ vía đức Phật Dược Sư.

8. Tháng Mười Một

- Ngày 17: Lễ khánh đản Đức Phật A Di Đà.

9. Tháng Mười Hai

- Ngày 8: Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo.

Những ngày lễ nói trên chủ yếu là ở miền Bắc Việt Nam còn với các Chùa miền Nam thì chủ yếu chỉ làm lễ vào ngày rằm hàng tháng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. MẤY CẢM NHẬN VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ VÀ VĂN HOÁ CỦA TẬP TỤC DÂNG HƯƠNG	3
II. DÂNG HƯƠNG TẠI GIA	17
A. Các kỳ dâng hương vào các tiết lễ trong năm	21
1. Dâng hương "Ông Táo chầu trời"	21
2. Dâng hương vào Tết Nguyên đán	25
3. Dâng hương lễ rằm tháng giêng	39
4. Dâng hương dâng sao giải hạn	44
5. Dâng hương cúng tam tai thần giáng hạ	51
6. Dâng hương tiết Thanh Minh	54
7. Dâng hương tiết Hàn Thực	60
8. Dâng hương tiết Đoan Ngọ	62
9. Dâng hương tiết Khuất Sảo (7/7)	64
10. Dâng hương tiết Trung Nguyên	66
11. Dâng hương tiết Trung Thu	81
12. Dâng hương tiết Trùng Dương	84
13. Dâng hương các ngày tuần tiết, sóc vọng	85
B. Cúng dâng hương vào các kỳ giỗ	92
1. Ngày giỗ đầu	93
2. Ngày giỗ hết	94
3. Ngày giỗ thường	94
C. Dâng hương không định kỳ	98
1. Dâng hương động thổ	98
2. Dâng hương lễ khai trương	102

3.	Dâng hương lễ nhập trạch	104
4.	Dâng hương khi cưới gả	108
5.	Dâng hương cúng Mụ	109
6.	Dâng hương bán khoán	112
7.	Dâng hương đám hiếu và cách tính thiên di, nhập mộ, trùng tang cho người chết	115
III.	DÂNG HƯƠNG TẠI ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ	118
A.	Cấu trúc thờ tự nơi Đình, Đền, Miếu, Phủ	118
1.	"Đình" với việc phụng thờ đức Thành hoàng	119
1.	Kiến trúc Đình làng	121
1.	Đền, Miếu với việc thờ Thánh, Thần	123
1.	Phủ với việc thờ Thánh Mẫu	125
B.	Nghi thức và văn khấn	129
1.	Nghi thức chung	129
2.	Văn khấn tại Đình, Đền, Miếu, Phủ	135
C.	Các kỳ dâng hương tại một số Đình, Đền, Miếu, Phủ	145
IV.	DÂNG HƯƠNG TẠI CHÙA	163
A.	Cấu trúc thờ tự tại Chùa	165
B.	Nghi lễ dâng hương lễ Phật	178
1.	Vì sao dâng hương lễ Phật	178
2.	Sắm lễ khi vào Chùa	181
3.	Nghi thức làm lễ	185
C.	Một số văn sớ và văn khấn tiêu biểu	194
V.	LỄ GIẢI QUAN PHỦ, BỆNH PHỦ	199
VI.	LỄ BỒI HOÀN ĐỊA MẠCH	201
VII.	CÁC LỄ CHÍNH CỦA PHẬT GIÁO	204

TẬP TỤC VÀ NGHI LỄ DÂNG HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội

ĐT: (04) 9434239

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập: **TRẦN PHƯƠNG TRINH**

Vẽ bìa: **MINH NGUYỆT**

Sửa bài: **TRẦN ĐÌNH TUẤN**

Trình bày: **LƯU BÁCH TUẤN**

In 1.000 cuốn. Tại Công ty Cổ phần in 15, khổ 16 x 24cm.

Giấy chấp nhận KHXB số 35 - 495/XB = QLXB cấp ngày 7/4/2005.

Quyết định XB số: 750/QĐ-XBDT, cấp ngày 16/9/2005.

In xong nộp lưu chiểu quý IV/2005



Tập tục và Nghi lễ

DÂNG HƯƠNG



GIÁ: 30.000Đ